

NGHI THỨC TỤNG HẰNG NGÀY



Tisaraṇa Vandanā & Lễ Bái Tam Bảo

1. Tisaraṇavandanā -	Lễ Bái Tam Bảo Tóm Tắt.....	3
2. Khamyācanā -	Sám Hối Phật.....	3
3. Khamapana - Puññaṃ -	Sám Hối Tăng Và Xin Phước	3
4. Tisaraṇa - Pañcasīla -	Tam Quy - Ngũ Giới	5
5. Devāradhanā -	Thỉnh Chư Thiên	7
6. Ratanattayapūjā -	Dâng Cúng Tam Bảo.....	7
7. Namassakakāra -	Lễ Phật.....	7
8. Buddha-vandanā -	Lễ Bái Phật Bảo.....	9
9. Buddha-guṇa -	Ân Đức Phật.....	9
10. Buddha-attapaṭiñṇā -	Quy Ngưỡng Phật.....	9
11. Buddha khamāpana -	Sám Hối Phật.....	9
12. Dhamma-vandanā -	Lễ Bái Pháp Bảo.....	11
13. Dhamma-guṇa -	Ân Đức Pháp	11
14. Dhamma-attapaṭiñṇā -	Quy Ngưỡng Pháp	11
15. Dhamma-khamāpana -	Sám Hối Pháp	11
16. Saṅgha-vandanā -	Lễ Bái Tăng Bảo	13
17. Saṅgha-guṇa -	Ân Đức Tăng.....	13
18. Saṅgha-attapaṭiñṇā -	Quy Ngưỡng Tăng.....	13
19. Saṅgha-khamāpana -	Sám Hối Tăng	13
20. Bodhi Vandanā -	Đảnh Lễ Cội Bồ Đề.....	15
21. Cetiya Vandanā -	Lễ Bái Bảo Tháp.....	15
22. Sambuddhe -	Lễ Bái Chư Phật [KX].....	15
23. Sambuddhe -	Lễ Bái Chư Phật (HT. Tịnh Giác).....	15
24. Pūjā -	Dâng Cúng	17
25. Mettāpharaṇaṃ -	Từ Bi Nguyện	19
26. Mettāpaṭipadā -	Rải Tâm Từ.....	19
27. Paccavekkhaṇa -	Quán Tưởng Tứ Vật Dụng.....	23

28.	Tirokuddakaṇḍa-gāthā - Kệ Hồi Hưởng Vong Linh.....	28
29.	Karaṇīyamettasuttārambho - Bồ Cáo Kinh Nền Hành Từ Bi.....	32
30.	Karaṇīyamettasuttaṃ - Kinh Nền Hành Từ Bi.....	32
31.	Khandhasuttaṃ - Kinh Rải Tâm Từ Đến Các Loài Rắn.....	36
32.	Tidasa Pāramī - Tam Thập Độ.....	40
33.	Dasa Pāramī - Niệm Về Mười Pháp Ba-la-mật.....	43
34.	Mahānamakkārapāli - Đại Thi Lễ Kệ.....	46
35.	Abhiṇhapacca Vekkhapaṭtho - Năm Điều Quán Tưởng.....	56
36.	Dasadhammasuttaṃ - Thập Quán Sa-môn Hạnh.....	58
37.	Dasa Kāmaguṇa - Tội Ngũ Trần.....	60
38.	Aṭṭhavisatiparittaṃ - Hộ Kinh 28 Vị Phật.....	62
39.	Aṅgulimālaparitta - Chú Hộ Săn.....	64
40.	Khandhaparitta - Chú Kháng Độc.....	64
41.	Moraparitta - Chú Bảo Hộ.....	64
42.	Anantariyakagāthā - Kệ An Lành.....	64
43.	Upaṭṭhānasuttaṃ - Kinh Chăm Sóc.....	66
44.	Narasīhagāthā - Kệ Hùng Sư.....	68
45.	Kệ Khuyến Tu.....	69
46.	Kệ Tỉnh Thức.....	70
47.	Khách Lữ Hành.....	71
48.	Kệ Bá Nhẫn.....	71
49.	Kệ Ngọn Cờ Chân Lý.....	73
50.	Kệ Sám Hối (<i>Tụng rằm, và 30</i>).....	75
51.	Devānumodanā - Hồi Hưởng Chư Thiên.....	78
52.	Hồi Hưởng Cho Người Quá Vãng.....	78
53.	Puññānumodanā (Pattidāna) - Hoan Hỷ Phước.....	80
54.	Kệ Phục Nguyên.....	80
55.	Paṭidāna-gāthā - Ngưỡng Nguyện Chư Thiên.....	82
56.	Devatāgatā - Thỉnh Chư Thiên Hồi Quy.....	82
57.	Patthanā - Nguyện Cầu.....	84
58.	Bhavatu Loko - Cầu Chúc Thế Giới.....	84
59.	Buddhasāsanam Ciraṃ Tiṭṭhatu	

60. Yānadānānumodana-gāthā -

Kệ Về Sự Hoan Hỷ Theo Vật Thí 86

61. Tán Thán Cúng Đường Liêu Cốc 86

62. Pubba-peta-balidānānumodana-gāthā -

Kệ Hồi Hưởng Phước Đến Ngạ Quỷ 88

63. Anumodanārambha-gāthā -

Kệ Bồi Cáo (Cho Thí Chủ) Hoan Hỷ 90

64. Sāmaññānumodana-gāthā - Kệ Hoan Hỷ Tương Hợp 90

65. Sumaṅgala-gāthā - Kệ Thiện Phúc 92

66. Siddhiyācana-gāthā - Kệ Cầu Chúc Sự Thành Tựu 92

67. Maraṇassati - Kệ Suy Niệm Về Sự Chết 94

68. Kāyagatāsati - Kệ Suy Niệm Về Thân 94

69. Kammanussati - Kệ Suy Niệm Về Nghiệp 98

70. Saṃvejaṇīya-gāthā - Kệ Động Tâm 100

71. Tilakkhaṇa - Tam Tướng 102

72. Abhiṇhapacca Vekkhanaṇapātho -

Năm Điều Quán Tưởng 102

73. Mahā-maṅgala-cakkavāla - Đại Diễm Lành Vũ Trụ 104

74. Culla-maṅgala-cakkavāla - Tiểu Diễm Lành Vũ Trụ 106

75. Abhaya-paritta-gāthā - Kệ Tiêu Trừ Sự Sợ Hãi 108

76. Jayaparitta-gāthā - Kệ Hộ Trì Đại Tội Thắng 110

77. Āṭānāṭiya-paritta-gāthā - Kệ Hộ Trì Āṭānāṭiya 112

78. Pañca Sīla - Nghi Thức Thọ Trì Ngũ Giới 113

79. Uposatha-Sīla - Nghi Thức Thọ Bát Quan Trai Giới 118

80. Nghi Thức Quy Y (Buổi đầu Tu Phật) 121

81. Kệ Chúc Người Mới Quy Y Tam Bảo 122

82. Ba Hạng Người Con 125

83. Chư Tăng Tác Bạch Trai Tăng Thay Cho Phật Tử 126

84. Tác Bạch Thỉnh Pháp Sư 127

85. Tác Bạch Lễ Trai Tăng, Cầu Siêu 128

86. Tác Bạch Tụng Kinh Cầu An 130

87.	Hướng Dẫn Tác Bạch Cầu Siêu Và Cầu An (Mới).....	131
88.	Tác Bạch Theo Miền Trung Và Miền Nam	132
89.	Tác Bạch Theo Miền Bắc (<i>Vinh - Hà Nội</i>).....	134
90.	Tác Bạch Dân Y, Đặt Bát, An Vị Phật	136
91.	Tác Bạch Cầu Siêu Đến Hương Linh Phật Tử.....	137
92.	Tác Bạch Hủy Kỳ Một Vị Xuất Gia (Tỳ khưu)	138
93.	Tác Bạch Dân Y Liễu Cốc.....	139
94.	Tán Thán Cúng Dường Liễu Cốc.....	140
95.	Tác Bạch Cúng Dường Kinh Sách	141
96.	Tác Bạch An Vị Phật	142
97.	Nghi Thức Chúc Thọ	144
98.	Tác Bạch Dân Y Tắm Mưa.....	147
99.	Tác Bạch Dân Y Kaṭhina	148
100.	Kệ Tán Thán Đại Lễ Dân Y Kaṭhina	149
101.	Nghi Thức Dân Hoa.....	150
	Pupphapūjā-Gāthā - Kệ Dân Hoa (dài).....	151
	Pupphapūjā-Gāthā - Kệ Dân Hoa (ngắn)	151
102.	Sám Hối Tội - <i>Āpattiyo</i> (Dành cho Tỳ khưu)	152
103.	Thơ Lục Bát Khuyến Tu (TT Giới Đức - Huế).....	153

1. TISARAṄAVANDANĀ

❖ **Araham Sammāsambuddho Bhagavā,
Buddhaṃ Bhagavantam abhivādemi.**

❖ **Svākkhāto Bhagavatā Dhammo, Dhammam
namassāmi.**

❖ **Supaṭipanno Bhagavato Sāvakaśaṅho,
Saṅgham namāmi.**

2. KHAMĀYĀCANĀ

**Kāyena vācā cittena
Pamādena mayā kataṃ
Accayaṃ khama me bhante
Bhūripaṇṇa tathāgata.**

3. KHAMAPANA, PUÑÑAM

**Ukāsa vandāmi bhante,
sabbam aparādham khamathame bhante
mayā kataṃ puññaṃ sāminā anumoditabbā
sāminākataṃ puññaṃ mayham dātabbam
sādhu sādhu anumodāmi!**

1. LỄ BÁI TAM BẢO TÓM TẮT

- ❀ Nhất tâm đánh lễ Đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Chánh Giác, Ngài là thiên nhân từ phụ, bi trí vẹn toàn. *(lạy)*
- ❀ Nhất tâm lễ bái Giáo Pháp do Đức Thế Tôn khéo thuyết giảng, đạo chuyển mê khai ngộ, thiết thực hiện tiền, vượt thời gian. *(lạy)*
- ❀ Nhất tâm kính lễ chư Thánh hiền tăng, đệ tử của Đức Thế Tôn, các ngài là bậc hoằng truyền Chánh Pháp, xứng đáng cho chúng sanh lễ bái cúng dường. *(lạy)*

2. SÁM HỐI PHẬT

Do bằng thân khẩu ý
Mà con đã phạm đến
Bậc Đại Trí, Như Lai
Mong Ngài tha thứ con.

3. SÁM HỐI TĂNG VÀ XIN PHƯỚC

Con xin thành kính đánh lễ Đại Đức¹!
Bạch hóa Đại Đức, xin Đại Đức tha các tội lỗi cho con.
Những việc lành mà con đã làm, xin Đại Đức nhận lãnh,
việc lành nào mà Đại Đức đã làm, xin chia sót cho con,
và làm điều lợi ích cho được thành tựu,
con xin hoan hỷ thọ lãnh!

¹ Ngài, Sư huynh, vị lớn hơn (bhante); āvuso: Sư đệ, vị nhỏ hơn.

4. TISARAṆA - PAÑCASĪLA

- Ukāsa mayaṃ bhante viṣuṃ viṣuṃ rakkhanatthāya
tisaraṇena saha pañca sīlāni *yācāma*(*yācāmi*).

- Dutiyampi mayaṃ bhante viṣuṃ viṣuṃ rakhanatthāya
tisaraṇena saha pañca sīlāni *yācāma*(*yācāmi*).

- Tatiyampi mayaṃ bhante viṣuṃ viṣuṃ rakkhanatthāya
tisaraṇena saha pañca sīlāni *yācāma*(*yācāmi*).

Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi.

Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi.

Saṅghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.

Dutiyampi buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi.

Dutiyampi dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi.

Dutiyampi saṅghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.

Tatiyampi buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi.

Tatiyampi dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi.

Tatiyampi saṅghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.

1. Pāṇātipātā veramaṇī sikkhāpadaṃ samādiyāmi.

2. Adinnādānā veramaṇī sikkhāpadaṃ samādiyāmi.

**3. Kāmesumicchācārā veramaṇī sikkhāpadaṃ
samādiyāmi.**

4. Musāvādā veramaṇī sikkhāpadaṃ samādiyāmi.

**5. Surāmerayamajjappamādaṭṭhānā veramaṇī
sikkhāpadaṃ samādiyāmi.**

**Imāni pañca sikkhāpadāni sādhukaṃ katvā
appamādena niccakālaṃ sammārakkhitabbaṃ.**

*Sīlena sugatiṃ yanti,
Sīlena bhogasampadā,
Sīlena nibbutiṃ yanti;
Tasmā sīlaṃ visodhaye./.*

4. TAM QUY - NGŨ GIỚI

- Bạch hóa² chư³ Đại Đức Tăng, /chúng con^(con) xin thọ trì Tam quy và Ngũ giới, /nơi Tam Bảo, /để vâng giữ hành theo, /cho được sự lợi ích./
- Bạch hóa chư Đại Đức Tăng, /chúng con^(con) xin thọ trì Tam quy và Ngũ giới, /nơi Tam Bảo, /để vâng giữ hành theo, /cho được sự lợi ích lần thứ nhì./
- Bạch hóa chư Đại Đức Tăng, /chúng con^(con) xin thọ trì Tam quy và Ngũ giới, /nơi Tam Bảo, /để vâng giữ hành theo, cho được sự lợi ích lần thứ ba./

Con đem hết lòng thành kính xin quy y Phật/

Con đem hết lòng thành kính xin quy y Pháp/

Con đem hết lòng thành kính xin quy y Tăng/

Con đem hết lòng thành kính xin quy y Phật lần thứ nhì/

Con đem hết lòng thành kính xin quy y Pháp lần thứ nhì/

Con đem hết lòng thành kính xin quy y Tăng lần thứ nhì/

Con đem hết lòng thành kính xin quy y Phật lần thứ ba/

Con đem hết lòng thành kính xin quy y Pháp lần thứ ba/

Con đem hết lòng thành kính xin quy y Tăng lần thứ ba/

1. Con xin vâng giữ điều học là cố ý tránh xa sự sát sanh./

2. Con xin vâng giữ điều học là cố ý tránh xa sự trộm cắp./

3. Con xin vâng giữ điều học là cố ý tránh xa sự tà dâm./

4. Con xin vâng giữ điều học là cố ý tránh xa sự nói dối./

5. Con xin vâng giữ điều học là cố ý tránh xa sự dễ dãi
uống rượu và các chất say./

Chư Phật tử sau khi đã thọ trì Tam quy và Ngũ giới nơi Tam Bảo, /nên cố gắng vâng giữ hành theo cho được trong sạch đến trọn đời, /chẳng nên dễ dãi./

Các chúng sanh được sanh về cõi trời cũng nhờ giữ giới; /các chúng sanh được giàu sang cũng nhờ giữ giới; /các chúng sanh được giải thoát chúng ngộ^(nhập) Niết Bàn cũng nhờ giữ giới. /Bởi các cố ấy nên các người phải cố gắng thọ trì giới luật cho được trong sạch đừng dễ lẫm nhơ./

² Đúng ra từ 'hóa' xuất phát từ 'qua' trong 'bạch qua' thông qua', nhưng theo âm đọc dần dần chữ này được chuyển từ 'qua' sang 'quá' và trở thành 'hóa'.

³ Bốn vị trở lên.

5. DEVĀRADHANĀ

Sagge kāme ca rūpe girisikharataṭṭhe cantalikkhe vimāne
dīpe raṭṭhe ca gāme taruvanagahane gehavatthumhi
khette bhum mā cāyantu devā jalathalavisame
yakkhagandhabbanāgā tiṭṭhantā santike yaṃ
Munivaravacanaṃ sādhave me suṇantu.

Dhammassavana kālo ayambhadantā.

Dhammassavana kālo ayambhadantā.

Dhammassavana kālo ayambhadantā.

6. RATANATTAYAPŪJĀ

Imehi dīpadhūpādi sakkārehi Buddhamaṃ Dhammaṃ
Saṅghaṃ abhipūjayāmi mātāpitādīnaṃ
guṇavantānañca mayhañca dīgharattaṃ atthāya hitāya
sukhāya.

7. NAMASSAKAKĀRA

Namo tassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa.

Namo tassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa.

Namo tassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa.

5. THỈNH CHƯ THIÊN

Xin thỉnh chư Thiên, /ngự trên cõi trời Dục giới cùng Sắc giới, /chư Thiên ngự trên đỉnh núi, /núi không liền, /hoặc nơi hư không, /ngự nơi cồn bãi đất liền, /hoặc các châu quận, /ngự trên cây cối rừng rậm hoặc ruộng vườn, /chư Dạ-xoa, Càn Thác Bà cùng Long Vương dưới nước trên bờ, /hoặc nơi không bằng phẳng gần đây, /xin thỉnh hội họp lại đây. /Lời nào là kim ngôn cao thượng, /của Đức Thế Tôn⁴, /mà chúng con tụng đây, /xin các bậc Hiền Triết nên nghe lời ấy.

Xin các ngài Đạo đức, /giờ này là giờ nên nghe Pháp Bảo.
Xin các ngài Đạo đức, /giờ này là giờ nên nghe Pháp Bảo.
Xin các ngài Đạo đức, /giờ này là giờ nên nghe Pháp Bảo.

6. DÂNG CÚNG TAM BẢO

Con xin dâng các lễ vật này, /nhất là nhang đèn để cúng Phật - Pháp - Tăng - Tam Bảo, /ngưỡng cầu cho các bậc ân nhân, /nhất là cha mẹ con và con, /đều được sự tấn hóa, /sự lợi ích, /sự bình an lâu dài.

7. LỄ PHẬT

Con đem hết lòng thành kính, /làm lễ Đức Bhagavā⁵ đó, /Ngài là bậc Arahant⁶ cao thượng, /được chứng quả Chánh Biến Tri, /do Ngài tự ngộ, /không thầy chỉ dạy. ^(3x)

⁴ Đức Phật Gotama.

⁵ Âm: Bả-gả-và.

⁶ Âm: A-rả-hăng.

8. BUDDHA-VANDANĀ

9.1. Yo sannisinno varabodhimūle
Māraṃ sasenāṃ mahatiṃ vijeyyo
Sambodhimāgacchi anantañño
Lokuttamo taṃ paṇamāmi Buddhāṃ.

9.2. Ye ca Buddhā atītā ca
Ye ca Buddhā anāgatā
Paccuppannā ca ye Buddhā
Ahaṃ vandāmi sabbadā.

9. BUDDHA-GUṆA

Itipi so Bhagavā: Arahaṃ Sammāsambuddho,
Vijjācaraṇasampanno, Sugato, Lokavidū,
Anuttaro Purisadammasārathi,
Satthādevamanussānaṃ, Buddho, Bhagavāti.

10. BUDDHA-ATTAPAṬIÑÑĀ

Natthi me saraṇaṃ aññaṃ
Buddho me saraṇaṃ varaṃ
Etena saccavajjena
Hotu me jayamaṅgalaṃ.

11. BUDDHA KHAMĀPANA

Uttamaṅgena vandehaṃ
Pādapamaṃsum varuttamaṃ
Buddhe yo khalito doso
Buddho khamatu taṃ mamaṃ./.

8. LỄ BÁI PHẬT BẢO

- 9.1. Đức Phật tham thiên về số tức quán, /ngồi trên bồ đoàn,
/dưới bóng cây Bồ Đề quý báu, /và đắc thắng toàn bọn
Ma Vương, /mà thành bậc Chánh Đẳng Chánh Giác.
/Ngài là bậc tối thượng hơn cả chúng sanh, /con đem
hết lòng thành kính, /mà làm lễ Ngài.
- 9.2. Chư Phật đã thành Chánh Giác trong kiếp quá khứ,
/chư Phật sẽ thành Chánh Giác trong kiếp vị lai, /chư
Phật đang thành Chánh Giác trong kiếp hiện tại này,
/con đem hết lòng thành kính, /mà làm lễ chư Phật
trong tam thế ấy.

9. ÂN ĐỨC PHẬT

Thật vậy, bậc đáng kính ấy là:

“Bậc A-la-hán¹, Chánh Biến Tri²,

Minh Hạnh Túc³, Thiện Thệ⁴, Thế Gian Giải⁵,

Vô Thượng Điều Ngự Trượng Phu⁶,

Thiên Nhơn Sư⁷, Phật⁸, Thế Tôn⁹”. *9 Ân Đức Phật*

10. QUY NGƯỠNG PHẬT

Chẳng có chi đáng cho con phải nương theo, /chỉ có Đức
Phật là quý báu, /nên con phải hết lòng thành kính mà
nương theo, /đặng cầu sự an lạc đến cho con, /y như lời
chân thật này.

11. SÁM HỐI PHẬT

Con đem hết lòng thành kính, /cúi đầu làm lễ vi trần dưới
chân Đức Phật, /là đấng Chí Tôn Chí Thánh. /Các tội lỗi mà
con đã vô ý, /phạm đến Phật Bảo, /cúi xin Phật Bảo xá tội
lỗi ấy cho con./.

12. DHAMMA-VANDANĀ

13.1. Atṭhaṅgikāriya-patho janānaṃ
Mokkhappavesāya ujū ca maggo
Dhammo ayaṃ santikaro paṇīto
Nīyāniko taṃ paṇamāmi Dhammaṃ.

13.2. Ye ca Dhammā atītā ca
Ye ca Dhammā anāgatā
Paccuppannā ca ye Dhammā
Ahaṃ vandāmi sabbadā.

13. DHAMMA-GUṆA

Svākkhāto Bhagavatā Dhammo
Sandiṭṭhiko, Akāliko, Ehipassiko,
Opanayiko, Paccattaṃ Veditabbo viññūhīti.

14. DHAMMA-ATTAPAṬIÑÑĀ

Natthi me saraṇaṃ aṇṇaṃ
Dhammo me saraṇaṃ varaṃ
Etena saccavajjena
Hotu me jayamaṅgalaṃ.

15. DHAMMA-KHAMĀPANA

Uttamaṅgena vandehaṃ
Dhammaṅca duvidhaṃ varaṃ
Dhamme yo khalito doso
Dhammo khamatu taṃ mamaṃ.

12. LỄ BÁI PHÁP BẢO

- 8.1. Các Pháp đúng theo đạo Bát chánh, /là con đường đi của bậc Thánh nhân, /là con đường chánh dẫn người hữu trí nhập Niết Bàn được. /Pháp Bảo là Pháp trừ diệt các sự lao khổ, /và các điều phiền não, /là Pháp chỉ dẫn chúng sanh, /thoát khỏi cái khổ sanh tử luân hồi, /con đem hết lòng thành kính, /mà làm lễ Pháp ấy.
- 8.2. Các Pháp của chư Phật đã có trong kiếp quá khứ, /các Pháp của chư Phật sẽ có trong kiếp vị lai, /các Pháp của chư Phật đang giáo truyền trong kiếp hiện tại này, /con đem hết lòng thành kính, /mà làm lễ các Pháp trong tam thế ấy.

13. ÂN ĐỨC PHÁP

Đây là Pháp do Đức Thế Tôn khéo thuyết giảng ¹, /
thiết thực hiện tại², /có quả tức thời³, /
đến để mà thấy⁴, /có khả năng hưởng thụ⁵, /
do người trí tự mình giác hiểu⁶. *6 Ân Đức Pháp*

14. QUY NGƯỠNG PHÁP

Chẳng có chi đáng cho con phải nương theo, /chỉ có Pháp Bảo là quý báu, /nên con phải hết lòng thành kính mà nương theo, /đặng cầu sự an lạc đến cho con, /y như lời chân thật này.

15. SÁM HỐI PHÁP

Con đem hết lòng thành kính, /cúi đầu làm lễ hai hạng Pháp Bảo, /là Pháp học và Pháp hành. /Các tội lỗi mà con đã vô ý, /phạm đến Pháp Bảo, /cúi xin Pháp Bảo xá tội lỗi ấy cho con.

16. SAṄGHA-VANDANĀ

17.1. Saṅho visuddho varadakkhiṇeyyo
Santindriyo sabba malappahīno
Guṇehinekehi samiddhipatto
Anāsavo taṃ paṇamāmi Saṅghaṃ.

17.2. Ye ca Saṅghā atītā ca
Ye ca Saṅghā anāgatā
Paccuppannā ca ye Saṅghā
Ahaṃ vandāmi sabbadā.

17. SAṄGHA-GUṆA

Supaṭipanno Bhagavato Sāvakasaṅho
Ujupaṭipanno Bhagavato Sāvakasaṅho
Ñāyapaṭipanno Bhagavato Sāvakasaṅho
Sāmīcipaṭipanno Bhagavato Sāvakasaṅho
Yadidaṃ cattāri purisayugāni, aṭṭha purisapuggalā.
Esa Bhagavato Sāvakasaṅho: Āhuṇeyyo, Pāhuṇeyyo,
Dakkhiṇeyyo, Añjalikaraṇīyo, Anuttaraṃ
puñṇakkhettaṃ lokassāti.

18. SAṄGHA-ATTAPAṬIÑÑĀ

Natthi me saraṇaṃ aṇṇaṃ
Saṅho me saraṇaṃ varaṃ
Etena saccavajjena
Hotu me jayamaṅgalaṃ.

19. SAṄGHA-KHAMĀPANA

Uttamaṅgena vandehaṃ
Saṅghaṅca duvidhottamaṃ
Saṅhe yo khalito doso
Saṅho khamatu taṃ mamaṃ

16. LỄ BÀI TẶNG BẢO

- 12.1. Chư Thánh Tăng đã được trong sạch quý báu, /là bậc đáng cho người dâng lễ cúng dường, /vì lực căn của các ngài đã thanh tịnh, /lòng tham muốn đã dứt trừ, /là Tăng đã thoát ly trần tục, /con đem hết lòng thành kính, /mà làm lễ chư Thánh Tăng ấy.
- 12.2. Chư Tăng đã đắc đạo cùng quả trong kiếp quá khứ, /chư Tăng sẽ đắc đạo cùng quả trong kiếp vị lai, /chư Tăng đang đắc đạo cùng quả trong kiếp hiện tại này, /con đem hết lòng thành kính, /mà làm lễ chư Thánh Tăng trong tam thế ấy.

17. ÂN ĐỨC TĂNG

Tăng chúng đệ tử của Đức Thế Tôn là bậc Thiện hạnh¹; /Tăng chúng đệ tử của Đức Thế Tôn là bậc Trục hạnh²; /Tăng chúng đệ tử của Đức Thế Tôn là bậc Chánh hạnh³; /Tăng chúng đệ tử của Đức Thế Tôn là bậc Như pháp hạnh⁴, /tức là bốn đôi, tám chúng. /Tăng chúng đệ tử này của Đức Thế Tôn đáng được cúng dường⁵, /đáng được đón mừng⁶, /đáng được bố thí⁷, /đáng được chấp tay⁸, /là vô thượng phước điền ở trên đời⁹. ⁹ Ân Đức Tăng

18. QUY NGƯỞNG TĂNG

Chẳng có chi đáng cho con phải nương theo, /chỉ có Đức Tăng là quý báu, /nên con phải hết lòng thành kính mà nương theo, /đặng cầu sự an lạc đến cho con, /y như lời chân thật này.

19. SÁM HỐI TĂNG

Con đem hết lòng thành kính, /cúi đầu làm lễ hai bậc Tăng Bảo, /là Phạm Tăng và Thánh Tăng. /Các tội lỗi mà con đã vô ý, /phạm đến Tăng Bảo, /cúi xin Tăng Bảo xá tội lỗi ấy cho con.

20. BODHI VANDANĀ

Yassa mūle nisinnova
Sabbāri vijayaṃ akā
Patto sabbaññutaṃ satthā
Vande taṃ bodhi pādapaṃ.

Ime ete mahā bodhi
Loka nāthena pūjitā
Ahampi te namassāmi
Bodhi rājā namatthu te.

21. CETIYA VANDANĀ

Vandāmi cetiyaṃ sabbaṃ,
Sabbatṭhānesu patiṭṭhitaṃ
Sārīrikadhātu Mahābodhiṃ,
Buddharūpaṃ sakalaṃ sadā.

22. SAMBUDDHE

1. Sambuddhe *aṭṭhavīsaṅca dvādasaṅca saḥassake pañcasatasahassāni* namāmi sirasā ahaṃ. Tesāṃ Dhammaṅca Saṅghaṅca ādarena namāmihaṃ namakkārānubhāvena hantvā^{Hitvā(Myanmar)} sabbe upaddave anekā antarāyāpi vinassantu asesato.
2. Sambuddhe *pañcapaññāsaṅca catuvīsatisahassake dasasatasahassāni* namāmi sirasā ahaṃ. Tesāṃ Dhammaṅca Saṅghaṅca ādarena namāmihaṃ namakkārānubhāvena hantvā sabbe upaddave anekā antarāyāpi vinassantu asesato.
3. Sambuddhe *navuttarasate aṭṭhacattālīsahassake vīsatisatasahassāni* namāmi sirasā ahaṃ. Tesāṃ Dhammaṅca Saṅghaṅca ādarena namāmihaṃ namakkārānubhāvena hantvā sabbe upaddave anekā antarāyāpi vinassantu asesato./.

20. ĐÁNH LỄ CỘI BỒ ĐỀ

Bậc tỉnh tọa cội cây, --- Đã chiến thắng Ma quân
Đạt Toàn Giác, Đạo Sư, --- Con đánh lễ Bồ Đề.

Tất cả đại Bồ Đề, --- Bậc Hộ Trì đánh lễ Con
đánh lễ tất cả, --- Đại Bồ Đề quý báu. /.

21. LỄ BÁI BẢO THÁP

Con đem hết lòng thành kính làm lễ tất cả Bảo Tháp, /ngọc Xá Lợi, /đại
thọ Bồ Đề, /và Kim Thân Phật đã tạo thờ trong khắp mọi nơi. /.(3x)

22. LỄ BÁI CHƯ PHẬT [KX]

1. Con đem hết lòng thành kính, /làm lễ **28 vị** Chánh Biến Tri,
/**12 ngàn** vị Chánh Biến Tri, /và **500 ngàn** vị Chánh Biến Tri.
/Con đem hết lòng thành kính, /làm lễ Pháp Bảo và Tăng Bảo,
/của các vị Chánh Biến Tri ấy. /Do sự lễ bái cúng dường,
/xin nhờ oai lực các bậc Chánh Biến Tri, /mà những điều rủi
ro, /và sự tai hại, /thấy đều diệt tận. /
2. Con đem hết lòng thành kính, /làm lễ **55 vị** Chánh Biến Tri,
/**24 ngàn** vị Chánh Biến Tri, /và **1 triệu** vị Chánh Biến Tri.
/Con đem hết lòng thành kính, /làm lễ Pháp Bảo và Tăng
Bảo, /của các vị Chánh Biến Tri ấy. /Do sự lễ bái cúng dường,
/xin nhờ oai lực các bậc Chánh Biến Tri, /mà những điều rủi
ro, /và sự tai hại, /thấy đều diệt tận. /
3. Con đem hết lòng thành kính, /làm lễ **109 (một trăm linh chín) vị**
Chánh Biến Tri, /**48 ngàn** vị Chánh Biến Tri, /và **2 triệu** vị
Chánh Biến Tri. /Con đem hết lòng thành kính, /làm lễ Pháp
Bảo và Tăng Bảo, /của các vị Chánh Biến Tri ấy. /Do sự lễ
bái cúng dường, /xin nhờ oai lực các bậc Chánh Biến Tri,
/mà những điều rủi ro, /và sự tai hại, /thấy đều diệt tận. /

23. LỄ BÁI CHƯ PHẬT (HT. Tịnh Giác)

- Con đem hết lòng thành kính, /làm lễ **5 trăm 12 ngàn, không
trăm 28 vị** Chánh Biến Tri (512,028). Con đem hết lòng thành
kính, /làm lễ Pháp Bảo và Tăng Bảo, /của những vị Chánh Biến Tri
ấy. Do sự lễ bái cúng dường, /xin nhờ oai lực các bậc Chánh Biến
Tri, /mà những điều rủi ro, /và sự tai hại, /thấy đều diệt tận. /
- Con đem hết lòng thành kính làm lễ **1 triệu, không trăm 24
ngàn, không trăm 55 vị** Chánh Biến Tri (1,024,055)...
- Con đem hết lòng thành kính làm lễ **2 triệu, không trăm 48
ngàn, 1 trăm linh 9 vị** Chánh Biến Tri (2,048,109)...

24. PŪJĀ

1. Padīpa Pūjā

Ghanasārappadittena
Dīpena tamadhaṃsinā
Tilokadīpaṃ sambuddhaṃ
Pūjayāmi tamonudaṃ.

2. Puppha Pūjā

Vaṇṇagandhaguṇopetaṃ
Etaṃ kusumasantatiṃ
Pūjayāmi munindassa
Sirīpādasaroruhe.

Pūjemi Buddhaṃ^{Dhammaṃ, Saṅghaṃ} kusumena nena
Puññaena metena ca hotu mokkhaṃ
Pupphaṃ milayāti yathā idaṃ me
Kāyo tathā yāti vināsabhāvaṃ.

3. Sugandha Pūjā

Gandhasambhārayuttena
Dhūpenāhaṃ sugandhinā
Pūjaye pūjanīyaṃ taṃ
Pūjābhājanamuttamaṃ.

4. Āhāra Pūjā

Adhivāsetu no bhante
Bhojanaṃ parikappitaṃ
Anukampaṃ upādāya
Patigaṇhātu muttamaṃ.

5. Gilānapaccaya Pūjā

Adhivāsetu no bhante
Gilāna pacchayaṃ imaṃ
Anukampaṃ upādāya
Patigaṇhātu muttamaṃ./.

24. DÂNG CÚNG

1. *Dâng Cúng Đèn*

Với ngọn đèn chiếu sáng
Xua tan đi bóng tối
Con quy ngưỡng Chánh Giác
Xóa tan màn vô minh.

2. *Dâng Cúng Hoa*

Những cánh hoa khéo nhặt
Hương thơm đủ sắc màu
Con dâng cúng Ấn Sĩ
Hoa sen dưới chân Ngài.

Dâng hoa cúng đến Phật Đà^{Đạt-ma, Tăng-già}
Nguyện mau giải thoát sanh già khổ đau
Hoa tươi nhưng sẽ úa sầu
Tắm thân tứ đại khỏi sao điêu tàn.

3. *Dâng Cúng Hương Trầm*

Với hương trầm tỏa ngát
Ngọt ngào bay khắp nơi
Con dâng bậc Ứng Cúng
Vô thượng không ai bằng.

4. *Dâng Cúng Vật Thực*

Bạch Ngài, Đức Thế Tôn,
Con dâng cúng vật thực
Mong Ngài thọ nhận lấy
Vì bi mẫn cho con.

5. *Dâng Cúng Thuốc Uống*^{Thức Uống}

Bạch Ngài, Đức Thế Tôn,
Con dâng cúng thuốc uống
Mong Ngài thọ nhận lấy
Vì bi mẫn cho con./.

25. METTĀPHARAṆAṀ

Sabbe *puratthimāya* disāya sattā averā sukhī hontu.

Sabbe *puratthimāya* anudisāya sattā averā sukhī hontu.

Sabbe *dakkhiṇāya* disāya sattā averā sukhī hontu.

Sabbe *dakkhiṇāya* anudisāya sattā averā sukhī hontu.

Sabbe *pacchimāya* disāya sattā averā sukhī hontu.

Sabbe *pacchimāya* anudisāya sattā averā sukhī hontu.

Sabbe *uttarāya* disāya sattā averā sukhī hontu.

Sabbe *uttarāya* anudisāya sattā averā sukhī hontu.

Sabbe *uparimāya* disāya sattā averā sukhī hontu.

Sabbe *hetṭhimāya* disāya sattā averā sukhī hontu.

Sabbe sattā averā hontu, sukhitā hontu, niddukkhā hontu, abyāpajjhā hontu, anīghā hontu, dīghāyukā hontu, arogā hontu, sampattīhi samijjhantu, *sukhī attānaṃ pariharantu*, dukkhappattā ca niddukkhā, bhayappattā ca nibbhayā sokappattā ca nissokā hontu sabbepi pāṇino./.

26. METTĀPAṬIPADĀ

1. Ahaṃ avero homi, abyāpajjho homi, anīgho homi, sukhī attānaṃ pariharāmi.

2. Mama mātāpitu-ācariyā ca, ñātimitthā ca, sabrahmacārino ca, averā hontu, abyāpajjā hontu, anīghā hontu, sukhī attānaṃ pariharantu.

3. Imasmiṃ ārāme sabbe yogino, averā hontu, abyāpajjā hontu, anīghā hontu, sukhī attānaṃ pariharantu.

25. TỪ BI NGUYỆN

- Nguyện cho tất cả chúng sanh trong **hướng Đông**, /đừng có oan trái lẫn nhau, /hãy cho được sự yên vui./
 - Nguyện cho tất cả chúng sanh trong hướng Đông Nam, /đừng có oan trái lẫn nhau, /hãy cho được sự yên vui./
 - Nguyện cho tất cả chúng sanh trong **hướng Nam**, /đừng có oan trái lẫn nhau, /hãy cho được sự yên vui./
 - Nguyện cho tất cả chúng sanh trong hướng Tây Nam, /đừng có oan trái lẫn nhau, /hãy cho được sự yên vui./
 - Nguyện cho tất cả chúng sanh trong **hướng Tây**, /đừng có oan trái lẫn nhau, /hãy cho được sự yên vui./
 - Nguyện cho tất cả chúng sanh trong hướng Tây Bắc, /đừng có oan trái lẫn nhau, /hãy cho được sự yên vui./
 - Nguyện cho tất cả chúng sanh trong **hướng Bắc**, /đừng có oan trái lẫn nhau, /hãy cho được sự yên vui./
 - Nguyện cho tất cả chúng sanh trong hướng Đông Bắc, /đừng có oan trái lẫn nhau, /hãy cho được sự yên vui./
 - Nguyện cho tất cả chúng sanh trong **hướng Trên**, /đừng có oan trái lẫn nhau, /hãy cho được sự yên vui./
 - Nguyện cho tất cả chúng sanh trong **hướng Dưới**, /đừng có oan trái lẫn nhau, /hãy cho được sự yên vui./
- Nguyện cho tất cả chúng sanh đừng có oan trái lẫn nhau, /hãy cho được sự yên vui, /đừng có khổ, /đừng làm hại lẫn nhau, /đừng hẹp lượng, /hãy cho được sống lâu, /đừng có bệnh tật, /hãy cho được thành tựu đầy đủ, /**hãy giữ mình cho được sự yên vui**. /Tất cả chúng sanh đến khổ rồi, /xin đừng cho có khổ; /đến sự kinh sợ rồi, /xin đừng cho kinh sợ; /đến sự thương tiếc rồi, /xin đừng cho thương tiếc./

26. RẢI TÂM TỪ

1. Mong cho tôi không có oan trái với mọi chúng sanh; mong cho tôi thoát khỏi sự khổ tâm; mong cho tôi thoát khỏi sự khổ thân; mong cho tôi giữ gìn thân tâm được an lạc.
2. Mong cho cha mẹ, thầy tổ, thân quyến, bằng hữu, và các bậc phạm hạnh, không có oan trái với mọi chúng sanh, thoát khỏi sự khổ tâm, thoát khỏi sự khổ thân, giữ gìn thân tâm được an lạc.
3. Mong cho tất cả thiện sinh trong thiền viện này, không có oan trái với mọi chúng sanh, thoát khỏi sự khổ tâm, thoát khỏi sự khổ thân, giữ gìn thân tâm được an lạc.

4. Imasmiṃ ārāme, sabbe bhikkhu-sāmanerā ca, upāsaka-upāsikāyo ca, averā hontu, abyāpajjā hontu, anīghā hontu, sukhī attānaṃ pariharantu.

5. Amhākaṃ catupaccaya-dāyakā, averā hontu, abyāpajjā hontu, anīghā hontu, sukhī attānaṃ pariharantu.

6. Amhākaṃ ārakkha-devatā, imasmiṃ vihāre, imasmiṃ āvāse, imasmiṃ ārāme, ārakkha devatā, averā hontu abyāpajjā hontu, anīghā hontu, sukhī attānaṃ pariharantu.

7. Sabbe sattā, sabbe pāṇā, sabbe bhūtā, sabbe puggalā, sabbe attabhāvapariyāpannā, sabbā itthiyo, sabbe purisā, sabbe ariyā, sabbe anariyā, sabbe devā, sabbe manussā, sabbe vinipātikā, averā hontu, abyāpajjā hontu, anīghā hontu, sukhī attānaṃ pariharantu, dukkhā muccantu, yathāladdha-sampattito mā vigacchantu, kammassakā.

8. Puratthimāya disāya, pacchimāya disāya, uttarāya disāya, dakkhiṇāya disāya, puratthimāya anudisāya, pacchimāya anudisāya, uttarāya anudisāya, dakkhiṇāya anudisāya, heṭṭhimāya disāya, uparimāya disāya, sabbe sattā, sabbe pāṇā, sabbe bhūtā, sabbe puggalā, sabbe attabhāvapariyāpannā, sabbā itthiyo, sabbe purisā, sabbe ariyā, sabbe anariyā, sabbe devā, sabbe manussā, sabbe vinipātikā, averā hontu, abyāpajjā hontu, anīghā hontu, sukhī attānaṃ pariharantu, dukkhā muccantu, yathāladdhasampattito mā vigacchantu, kammassakā.

9. Uddhaṃ yāva bhavaggā ca, adho yāva avīcito, samantā cakkavālesu, ye sattā pathavīcarā, abyāpajjhā niverā ca, niddukkhā ca nupaddavā.

10. Uddhaṃ yāva bhavaggā ca, adho yāva avīcito, samantā cakkavālesu, ye sattā udayakecarā, abyāpajjhā niverā ca, niddukkhā ca nupaddavā.

11. Uddhaṃ yāva bhavaggā ca adho yāva avīcito samantā cakkavālesu, ye sattā ākāsecarā, abyāpajjhā niverā ca, niddukkhā ca nupaddavā./.

4. Mong cho tất cả chư Tăng, Sa-di, nam cư sĩ, nữ cư sĩ nơi này, không có oan trái với mọi chúng sanh, thoát khỏi sự khổ tâm, thoát khỏi sự khổ thân, giữ gìn thân tâm được an lạc.
5. Mong cho các thí chủ cúng dường tứ vật dụng, không có oan trái với mọi chúng sanh, thoát khỏi sự khổ tâm, thoát khỏi sự khổ thân, giữ gìn thân tâm được an lạc.
6. Mong cho chư Thiên hộ Pháp nơi tu viện, nơi trú xứ này, xung quanh khuôn viên này, mong cho chư Thiên hộ Pháp, không có oan trái với mọi chúng sanh, thoát khỏi sự khổ tâm, thoát khỏi sự khổ thân, giữ gìn thân tâm được an lạc.
7. Mong cho tất cả chúng sanh, chúng sanh có hô hấp, các sinh vật, các cá thể, mọi chúng sanh có thân và tâm, tất cả phụ nữ, tất cả nam giới, các bậc Thánh, người phàm, chư thiên, loài người, những chúng sanh trong bốn cõi ác (*địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, a-tu-la*), không có oan trái với mọi chúng sanh, thoát khỏi sự khổ tâm, thoát khỏi sự khổ thân, giữ gìn thân tâm được an lạc. Mong cho họ hết khổ đau, mong cho họ không bị tước đoạt đi hạnh phúc đã có, tất cả chúng sanh là chủ nhân của nghiệp.
8. Nơi hướng Đông, nơi hướng Tây, nơi hướng Bắc, nơi hướng Nam, nơi hướng Đông – Nam, nơi hướng Tây – Bắc, nơi hướng Đông - Bắc, nơi hướng Tây – Nam, nơi hướng Dưới, nơi hướng Trên, mong cho tất cả chúng sanh, chúng sanh có hô hấp, các sinh vật, các cá thể, mọi chúng sanh có thân và tâm, tất cả phụ nữ, tất cả nam giới, các bậc Thánh, người phàm, chư thiên, loài người, những chúng sanh trong bốn cõi ác (*địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, a-tu-la*), không có oan trái với mọi chúng sanh, thoát khỏi sự khổ tâm, thoát khỏi sự khổ thân, giữ gìn thân tâm được an lạc. Mong cho họ hết khổ đau, mong cho họ không bị tước đoạt đi hạnh phúc đã có, tất cả chúng sanh là chủ nhân của nghiệp.
9. Xa như cảnh giới cao nhất, xuống đến cõi thấp nhất, trong toàn thể vũ trụ, bất cứ chúng sanh nào đi trên mặt đất; mong cho thoát khỏi sự khổ tâm và oan trái, những khổ thân và hiểm nguy.
10. Xa như cảnh giới cao nhất, xuống đến cõi thấp nhất, trong toàn thể vũ trụ, bất cứ chúng sanh nào di chuyển trong nước; mong cho thoát khỏi sự khổ tâm và oan trái, những khổ thân và hiểm nguy.
11. Xa như cảnh giới cao nhất, xuống đến cõi thấp nhất, trong toàn thể vũ trụ, bất cứ chúng sanh nào di chuyển trong không khí; mong cho thoát khỏi sự khổ tâm và oan trái, những khổ thân và hiểm nguy./.

27. PACCAVEKKHAṆA

1.4. Dhātuppaccavekkhaṇa:

1.16. Cīvara:

**Yathā paccayaṃ pavattamānaṃ
dhātumattamevetam yadidaṃ cīvaraṃ
tadupabhuñjako ca puggalo
dhātumattako nissatto nijjīvo suñño.**

2.16. Piṇḍapāta:

**Yathā paccayaṃ pavattamānaṃ
dhātumattamevetam yadidaṃ piṇḍapāto
tadupabhuñjako ca puggalo
dhātumattako nissatto nijjīvo suñño.**

3.16. Senāsana:

**Yathā paccayaṃ pavattamānaṃ
dhātumattamevetam yadidaṃ senāsanaṃ
tadupabhuñjako ca puggalo
dhātumattako nissatto nijjīvo suñño.**

4.16. Gilānappaccayabhesajja:

**Yathā paccayaṃ pavattamānaṃ
dhātumattamevetam yadidaṃ
gilānappaccayabhesajjaparikkhāro
tadupabhuñjako ca puggalo
dhātumattako nissatto nijjīvo suñño./.**

2.4. Paṭikkūlappaccavekkhaṇa:

**5.16. Cīvara: Sabbāni panimāni cīvarāni ajigucchaniyāni.
Imaṃ pūtikāyaṃ patvā ativiya jigucchaniyāni
jāyanti.**

**6.16. Piṇḍapāta: Sabbo panāyaṃ piṇḍapāto ajigucchaniyo.
Imaṃ pūtikāyaṃ patvā ativiya jigucchaniyo jāyati.**

**7.16. Senāsana: Sabbāni panimāni senāsanāni
ajigucchaniyāni. Imaṃ pūtikāyaṃ patvā ativiya
jigucchaniyāni jāyanti.**

**8.16. Gilānappaccayabhesajja: Sabbo panāyaṃ
gilānappaccayabhesajjaparikkhāro ajigucchaniyo.
Imaṃ pūtikāyaṃ patvā ativiya jigucchaniyo jāyati./.**

27. QUÁN TƯỚNG TỨ VẬT DỤNG

1.4. Quán tướng tính nguyên chất:

1.16. Y phục:

Y phục này vốn chỉ là nguyên chất thôi, /nó làm ra để dùng, /khi người dùng nó cũng chỉ là nguyên chất thôi, /nó chẳng phải là chúng sanh, /chẳng phải là sinh mạng, /mà có tính trống rỗng.

2.16. Vật thực:

Vật thực này vốn chỉ là nguyên chất thôi, /nó làm ra để dùng, /khi người dùng nó cũng chỉ là nguyên chất thôi, /nó chẳng phải là chúng sanh, /chẳng phải là sinh mạng, /mà có tính trống rỗng.

3.16. Chỗ ở:

Chỗ ở này vốn chỉ là nguyên chất thôi, /nó làm ra để dùng, /khi người dùng nó cũng chỉ là nguyên chất thôi, /nó chẳng phải là chúng sanh, /chẳng phải là sinh mạng, /mà có tính trống rỗng.

4.16. Thuốc uống:

Thuốc uống này vốn chỉ là nguyên chất thôi, /nó làm ra để dùng, /khi người dùng nó cũng chỉ là nguyên chất thôi, /nó chẳng phải là chúng sanh, /chẳng phải là sinh mạng, /mà có tính trống rỗng./

2.4. Quán tướng uế tánh:

5.16. Y phục: Y phục này vốn chẳng gồm đâu, /khi xúc chạm vào thân uế trước /liền trở nên đáng gồm biết bao.

6.16. Vật thực: Vật thực này vốn chẳng gồm đâu, /khi xúc chạm vào thân uế trước /liền trở nên đáng gồm biết bao.

7.16. Chỗ ở: Chỗ ở này vốn chẳng gồm đâu, /khi xúc chạm vào thân uế trước /liền trở nên đáng gồm biết bao./

8.16. Thuốc uống: Thuốc uống này vốn chẳng gồm đâu, /khi xúc chạm vào thân uế trước /liền trở nên đáng gồm biết bao./

3.4. Atītappaccavekkhaṇa:

9.16. Cīvara:

Ajja mayā apaccavekkhitvā yaṃ cīvaraṃ paribhuttaṃ,
taṃ yāvadeva sītassa paṭighātāya uñhassa paṭighātāya,
ḍaṃsamakasavātātapasiriṃsa-
pasamphassānaṃ paṭighātāya, yāvadeva
hirikopinappaṭicchādanatthaṃ.

10.16. Piṇḍapāta:

Ajja mayā apaccavekkhitvā yo piṇḍapāto paribhutto, so
neva davāya na madāya na maṇḍanāya na vibhūsanāya,
yāvadeva imassa kāyassa ṭhitiyā yāpanāya
vihimsūparatiyā brahmacariyānuggahāya. Iti
purāṇaṇca vedanaṃ paṭihaṅkhāmi, navaṇca vedanaṃ
na uppādessāmi, yātrā ca me bhavissati anavajjatā ca
phāsuvihāro cāti.

11.16. Senāsana:

Ajja mayā apaccavekkhitvā yaṃ senāsanaṃ
paribhuttaṃ, taṃ yāvadeva sītassa paṭighātāya,
uñhassa paṭighātāya, ḍaṃsamakasavātātapasiriṃsa-
pasamphassānaṃ paṭighātāya, yāvadeva
utuparissayavinodanaṃ paṭisallānārāmatthaṃ.

12.16. Gilānappaccayabhesajja:

Ajja mayā apaccavekkhitvā, yo
gilānappaccayabhesajjaparikkhāro paribhutto, so
yāvadeva uppannānaṃ veyyābādhikānaṃ
vedanānaṃ paṭighātāya, abyābajjhaparamatāyāti./.

3.4. Quán tưởng quá thời (đã dùng trong ngày):

9.16. Y phục:

Y phục nào ta chưa quán tưởng, /mà ta đã mặc trong ngày nay rồi, /y phục ấy ta mặc để ngăn ngừa rần rít muỗi mòng gia hại, /ngừa các cảm thọ khó chịu do thời tiết gió mưa nóng lạnh /và để che thân thể cho khỏi lỏa lồ hổ thẹn vậy thôi.

10.16. Vật thực:

Vật thực nào ta chưa quán tưởng, /mà ta đã dùng trong ngày nay rồi. /Vật thực ấy ta dùng chẳng phải để nô đùa lêu lổng, /chẳng phải để say mê dưỡng sức mạnh bạo như kẻ vũ phu, /chẳng phải để trau dồi sắc thân như phụ nữ, /chẳng phải để cung phụng xác thân béo tốt như kẻ điểm đàn si mê vô hạnh, /ta thọ thực đây /cốt cho thân tâm được mạnh khỏe, /hầu để tu hành theo đạo cao thượng, /khi đã quán tưởng như thế /thì thân tâm không biếng nhác, /đứng đi ngồi nằm thấy đều vô tội, /sự an lạc trong bốn oai nghi /sẽ phát sanh đến cho ta /do nhờ pháp thọ thực này.

11.16. Chỗ ở:

Chỗ ở nào ta chưa quán tưởng /mà ta đã vào cư ngụ trong ngày nay rồi. /Chỗ ở ấy ta dùng để ngăn ngừa rần rít muỗi mòng gia hại, /ngừa các cảm thọ khó chịu do thời tiết gió mưa nóng lạnh, /và là nơi yên vắng để độc cư thiền định.

12.16. Thuốc uống:

Thuốc uống dưỡng thân /là để cho bệnh nhân, /ta đã dùng trong ngày nay rồi /mà ta chưa quán tưởng, /thuốc uống ấy ta dùng để dứt trừ các cảm thọ thống khổ đang có trên thân./

4.4. Tamkhanika-paccavekkhaṇa:

13.16. Cīvara:

**Paṭisaṅkhā yoniso cīvaram paṭisevāmi
yāvadeva sītassa paṭighātāya uṇhassa paṭighātāya
ḍaṃsamasakavātātapasiriṃsapasamphassānaṃ
paṭighātāya yāvadeva hirikopinappaṭicchādanatthaṃ.**

14.16. Piṇḍapāta:

**Paṭisaṅkhā yoniso piṇḍapātaṃ patisevāmi
neva davāya na madāya na maṇḍanāya
na vibhūsanāya yāvadava imassa kāyassa ṭhitiyā
yāpanāya vihiṃsūparatiyā brahcariyānuggahāya.**

**Iti purāṇaṇca vedanaṃ paṭihaṅkhāmi
navaṇca vedanaṃ na uppādessāmi
yātrā ca me bhavissati anavajjatā ca phāsuvihāro cāti.**

15.16. Senāsana:

**Paṭisaṅkhā yoniso senāsanaṃ paṭisevāmi
yāvadeva sītassa paṭighātāya uṇhassa paṭighātāya
ḍaṃsamasakavātātapasiriṃsapasamphassānaṃ
paṭighātāya yāvadeva utuparissayavinodanaṃ
paṭisallānārāmatthaṃ.**

16.16. Gilānappaccayabhesajja:

**Paṭisaṅkhā yoniso gilānappaccayabhesajja-
parikkhāraṃ paṭisevāmi yāvadeva
uppannānaṃ veyyābādhikānaṃ
vedanānaṃ paṭighātāya abyāpajjhaparamatāyāti./.**

4.4. Quán tưởng hiện thời (khi đang thọ dụng):

13.16. Y phục:

Ta đang mặc y phục này, /ta phải quán tưởng chơn chánh rằng: /y phục ấy ta mặc để ngăn ngừa rần rít muỗi mòng gia hại, /ngừa các cảm thọ khó chịu do thời tiết gió mưa nóng lạnh /và để che thân thể cho khỏi lỏa lồ hổ thẹn vậy thôi.

14.16. Vật thực:

Ta đang dùng vật thực này, /ta phải quán tưởng chơn chánh rằng: /vật thực ấy ta dùng chẳng phải để nô đùa lêu lổng, /chẳng phải để say mê dưỡng sức mạnh bạo như kẻ vũ phu, /chẳng phải để trau dồi sắc thân như phụ nữ, /chẳng phải để cung phụng xác thân béo tốt như kẻ điểm đàn si mê vô hạnh. /Ta thọ thực đây /cốt cho thân tâm được mạnh khỏe, /hầu để tu hành theo đạo cao thượng; /khi đã quán tưởng như thế /thì thân tâm không biếng nhác, /đứng đi ngồi nằm thấy đều vô tội, /sự an lạc trong bốn oai nghi /sẽ phát sanh đến cho ta /do nhờ pháp thọ thực này.

15.16. Chỗ ở:

Ta đang cư ngụ chỗ ở này, /ta phải quán tưởng chơn chánh rằng: /chỗ ở ấy ta dùng để ngăn ngừa rần rít muỗi mòng gia hại, /ngừa các cảm thọ khó chịu do thời tiết gió mưa nóng lạnh; /và là nơi yên vắng để độc cư thiền định.

16.16. Thuốc uống:

Thuốc uống dưỡng thân, /là để cho bệnh nhân, /ta đang dùng thuốc uống này, /ta phải quán tưởng chơn chánh rằng: /thuốc uống ấy ta dùng để dứt trừ các cảm thọ thống khổ đang có trên thân./.

28. TIROKUÐÐAKAṄÐA-GĀTHĀ¹

*Suttantapiṭaka, Khuddakapāṭhapāli, Khuddakanikāya,
(Paṭhamo gaṇṭhā), Khuddakapāṭhapāli*

1. Tirokuḍḍesu tiṭṭhanti,
Sandhisiṅghāṭakesu ca,
Dvārabāhāsu tiṭṭhanti,
Āgantvāna sakam gharam.
2. Pahūte annapānamhi,
Khajjabhojje upaṭṭhite,
Na tesam koci sarati,
Santānam kammappaccayā.
3. Evaṃ dadanti ñātīnam,
Ye honti anukampakā,
Sucim paṇītaṃ kālēna,
Kappiyaṃ pānabhōjanaṃ.
Idaṃ vo ñātīnaṃ hotu,
Sukhitā hontu ñātayo.
4. Te ca tattha samāgantvā,
Ñātipetā samāgatā.
Pahūte annapānamhi,
Sakkaccaṃ anumodare.
Cīraṃ jīvantu no ñātī,
Yesam hetu labhāmase.
Amhākañca katā pūjā.
Dāyakā ca anipphalā.

¹ Kệ “Người ta đã cho tôi, vân vân... (*Adāsi me akāsi me*) [Tiểu Bộ Kinh (khuddakanikāya), kệ số 9-12 & Pv.5 kệ số 22-25]

28. KỆ HỒI HƯƠNG HƯƠNG LINH

*Tạng Kinh, Tiểu Bộ, Tiểu Tụng,
VII. Kinh Ngoài Bức Tường*

Duyên khởi:

Vua Bim-bỉ-xa-rả,
Nằm mộng thấy thân nhân,
Bị khổ quả đói lạnh,
Đến bạch hỏi Thế Tôn,
Đức Điều Ngự bi mẫn,
Chỉ dạy cách tạo phước,
Hồi hướng các hương linh,
Thoát ly mọi khổ ách

Chánh kinh:

- 1-2. Các hương linh quá vãng
Thường đến nhà thân nhân
Đứng ngoài vách tựa cửa
Ngã đường hay cổng thành
Trông chờ hưởng phước thí
Nhưng vì kém phước duyên
Hương linh bị quên lãng
3. Thân nhân tạo phước lành
Do công đức bố thí
Nên phát nguyện bằng lời:
***Idam ^{no}1 ñātinaṃ hotu,
Sukhitā hontu ñātayo.***
Mong hương linh ^{thân nhân} quá vãng
Thượng hưởng công đức này
Được thọ sanh lạc cảnh
4. Những hương linh quá vãng
Vân tập các đạo tràng
Nhận được phước hồi hướng
Thường thốt lời cảm kích
Mong ân nhân của mình
Được trường thọ phúc lạc
Người đã tạo công đức
Chắc chắn được quả lành

¹ **no**: chúng con, **vo**: các người

5. Na hi tattha kasī atthi.
Gorakkhettha na vijjati.
Vaṇijjā tādisī natthi.
Hiraññaena kayakkayaṃ.
Ito dinnena yāpentī,
Petā kālakatā tahiṃ.
6. Unname udakaṃ vaṭṭhaṃ¹,
Yathā dinnaṃ pavattati,
Evameva ito dinnaṃ,
Petānaṃ upakappati.
7. Yathā vārivahā pūrā,
Paripūrenti sāgaraṃ,
Evameva ito dinnaṃ,
Petānaṃ upakappati.
8. *Adāsi me akāsi me,*
Ñātimittā sakhā ca me,
Petānaṃ dakkhiṇaṃ dajjā,
Pubbe katamanussaraṃ.
9. Na hi ruṇṇaṃ vā² soko vā,
Yāvañña paridevanā.
Na taṃ petānamatthāya.
Evaṃ tiṭṭhanti ñātayo.
10. Ayañca kho dakkhiṇā dinnā.
Saṅghamhi supatiṭṭhitā.
Dīgharattaṃ hitāyassa,
Tṭhānaso upakappati.
11. So ñātidhammo ca ayaṃ nidassito.
Petāna pūjā ca katā ulārā.
Balañca bhikkhūnāmanuppaddinnaṃ.
Tumhehi puññaṃ pasutaṃ anappakanti²./

¹ Vuṭṭhaṃ - Ma.

² va (Sri Lanka)

² Suttantapiṭaka, Petavattthupāli, Uragavaggo paṭthamo

5. Trong cõi khổ nga quý
Không có các sinh kế
Trồng trọt hoặc chăn nuôi
Bán buôn hay trao đổi
Chúng sanh cảnh giới này
Hằng mong đợi phước báu
Do thân nhân hồi hướng

6-7. Như nước trên gò cao
Chảy xuống vùng đất thấp
Phước lành đã hồi hướng
Có diệu năng cứu khổ
Như trăm sông tuôn chảy
Đều hướng về đại dương
Nguyện công đức đã tạo
Thấu đến chư hương linh

8-9. ***Khi người nhớ ơn trước***

Do tình nghĩa thân bằng
Do tương duyên quyến thuộc
Hãy cúng dường trai Tăng
Hồi hướng phước đã tạo
Sự khổ sâu thương cảm
Trước tử biệt sanh ly
Không có lợi ích gì
Cho hương linh quá vãng

10-11. Cách trai Tăng hợp đạo
Gọi Đắc-khí-na-đá-ná
Cúng dường vô phân biệt
Đến đại chúng Tăng Già
Bậc phạm hạnh giới đức
Bậc vô thượng phước điền
Được vô lượng công đức
Là thắng duyên tế độ
Hương linh trong cảnh khổ
Do thiện sự đã làm
Do hồi hướng đã nguyện
Do Tăng lực đã cầu
Xin tợ thành phước quả./.

28. KARAṆĪYAMETTASUTTĀRAMBHO

**Yassānubhāvato yakkhā, neva dassenti bhīsanam;
Yamhi cevānuyuñjanto, rattindivamatandito,
Sukham supati sutto ca, pāpaṃ kiñci na passati;
Evamādiguṇūpetam, parittantambhaṇāma he.**

29. KARAṆĪYAMETTASUTTAM

*Suttantapiṭaka, Khuddakapāṭhapāḷi, Khuddakanikāya,
(Paṭhamo ganthā), Khuddakapāṭhapāḷi, Sō 9*

- 1. Karaṇīyamattakusalena
Yaṃ taṃ santaṃ padaṃ abhisamecca
Sakko ujū ca suhujū ca
Suvaco cassa mudu anatimāni¹.**
- 2. Santussako ca subharo ca
Appakicco ca sallahukavutti
Santindriyo ca nipako ca
Appagabbho kulesu ananugiddho**
- 3. Na ca khuddaṃ samācare kiñci
Yena viññū pare upavadeyyuṃ
Sukhino vā khemino hontu
Sabbe sattā bhavantu sukhittā.**
- 4. Ye keci pāṇabhūtatthi
Tasā vā thāvarā vā anavasesā
Dīghā vā ye mahantā vā
Majjhimā rassakā anukathulā.**

¹ anatimāni -ChS.

29. BỐ CÁO KINH NÊN HÀNH TỪ BI

Do nhờ oai lực hộ kinh Paritta, /mà các hạng Dạ-xoa không
dám hiện hình đáng sợ, /lại nữa những ai ngày đêm không
biếng nhác, /hằng tụng đọc hộ kinh Paritta, /khi đang ngủ
hoặc đã ngủ cũng đều được an vui, /không nằm mộng thấy
sự xấu xa dù chút ít. /Nay chúng tôi tụng kinh Paritta có
những oai đức, /nhất là như vậy:

30. KINH NÊN HÀNH TỪ BI

*Tạng Kinh, Tiểu Bộ, Tập I,
Tiểu Tụng, Số 9*

1. Người hằng mong an tịnh
Nên thể hiện pháp lành
Có khả năng, chất phác
Ngay thẳng và nhu thuận
Hiền hòa, không kiêu mạn.
2. Sống dễ dàng, tri túc
Thanh đạm, không rộn ràng
Lục căn luôn trong sáng
Trí tuệ càng hiển minh
Chuyên cần, không quuyến niệm.
3. Không làm việc ác nhỏ
Mà bậc trí hiền chê
Nguyện thái bình an lạc
Nguyện tất cả sinh linh
Tròn đầy muôn phúc hạnh.
4. Chúng sanh dù yếu mạnh
Lớn nhỏ hoặc trung bình
Thấp cao không đồng đẳng
Hết thấy chúng hữu tình
Lòng từ không phân biệt.

5. Diṭṭhā vā yeva addiṭṭhā
Ye ca dūre vasanti avidūre
Bhūtā vā sambhavesī vā
Sabbe sattā bhavantu sukhittā.
6. Na paro paraṃ nikubbetha
Nātimaññetha katthacinaṃ kiñci
Byārosanā paṭighasaññā
Naññamaññassa dukkhamiccheyya.
7. Mātā yathā niyaṃ puttāṃ
Āyusā ekaputtamanurakkhe
Evampi sabbabhūtesu
Mānasambhāvaye aparimānaṃ.
8. Mettañca sabbalokaśmiṃ
Mānasaṃ bhāvaye aparimānaṃ
Uddhaṃ adho ca tiriyañca
Asambādhaṃ averaṃ asapattaṃ.
9. Tiṭṭhañcamaṃ nisinno vā
Sayāno vā yāvatassa vigatamiddho
Etaṃ satiṃ adhiṭṭheyya
Brahmametaṃ vihāraṃ idhamāhu.
10. Diṭṭhiñca anupagamma
Sīlavā dassanena sampanno
Kāmesu vineyya gedhaṃ
Na hi jātu gabbhaseyyaṃ punaretīti./.

5. Hữu hình hoặc vô hình
Đã sinh hoặc chưa sinh
Gần xa không kể xiết
Nguyện tất cả sinh linh
Tròn đầy muôn phúc hạnh.
6. Đừng lừa đảo lẫn nhau
Chớ bắt mẫn điều gì
Đừng mong ai đau khổ
Vì tâm niệm sân si
Hoặc vì nuôi oán tưởng.
7. Như mẹ giàu tình thương
Suốt đời lo che chở
Đứa con một của mình
Hãy phát tâm vô lượng
Đến tất cả sinh linh.
8. Từ bi gieo cùng khắp
Cả thế gian khổ hải
Trên dưới và quanh mình
Không hẹp hòi oan trái
Không hờn giận oán thù.
9. Khi đi, đứng, ngồi, nằm
Bao giờ còn thức tỉnh
Giữ niệm từ bi này
Thân tâm thường thanh tịnh
Phạm hạnh chính là đây.
10. Ai xả ly kiến thủ
Có giới hạnh nghiêm trì
Đạt chánh tri viên mãn
Không ái nhiễm dục trần
Thoát ly đường sanh tử./.

[HK]

31. KHANDHASUTTAM¹

Suttantapiṭaka, Aṅguttaranikāya, Dutiya bhāga, Catukkanipāta,

2. Dutiya paṇṇāsaka, 2. Pattakammavagga.

1. Ekam samayaṃ bhagavā sāvatthiyaṃ viharati jetavane anāthapiṇḍikassa ārāme. Tena kho pana samayena sāvatthiyaṃ aññataro bhikkhu ahinā daṭṭho kālakato hoti. Atha kho sambahulā bhikkhū yena bhagavā tenupasaṅkamimsu. Upasaṅkamitvā bhagavantam abhivādetvā ekamantaṃ nisīdimsu. Ekamantaṃ nisinnā kho te bhikkhū bhagavantam etadavocum:

2. Idha bhante sāvatthiyaṃ aññataro bhikkhu ahinā daṭṭho kālaṅkatoti.

Na hi nūna² so bhikkhave bhikkhu cattāri ahirājakulāni mettena cittena phari. Sace hi so bhikkhave, bhikkhu *cattāri ahirājakulāni* mettena cittena phareyya, na hi so bhikkhave bhikkhu ahinā daṭṭho kālaṃ kareyya. Katamāni cattāri ahirājakulāni?

3. Virūpakkhaṃ ahirājakulaṃ, erāpathaṃ ahirājakulaṃ, chabyāputtaṃ ahirājakulaṃ, kaṇhāgotamaṃ ahirājakulaṃ.

Na hi nūna so bhikkhave bhikkhu imāni cattāri ahirājakulāni mettena cittena phari. Sace hi so bhikkhave, bhikkhu imāni cattāri ahirājakulāni mettena cittena phareyya, na hi so bhikkhave bhikkhu ahinā daṭṭho kālaṃ kareyya.

Anujānāmi bhikkhave imāni cattāri ahirājakulāni mettena cittena pharituṃ, attaguttiyā attarakkhāya attaparittāyāti.

¹Ahi(metta)suttaṃ: [BJTS]= Ahirājasuttaṃ + * Khandhaparittam catubhāṇavārapāli.

² [BJTS]= Nahanūna BJST+ 1. Na hi nūna -Ma.

31. KINH RẢI TÂM TỪ ĐẾN CÁC LOÀI RẮN

*Tạng Kinh, Tăng Chi Bộ Kinh, Chương IV - Bốn Pháp,
VII. Phẩm Nghiệp Công Đức,*

1. Một thời Đức Thế Tôn trú ở Sāvatthī, tại tịnh xá Jetavana, khu vườn ông Anāthapiṇḍika. Lúc bấy giờ, có vị Tỳ khuru ở Sāvatthī bị rắn cắn chết. Rồi nhiều Tỳ khuru đi đến Đức Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Đức Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, chư Tỳ khuru ấy bạch Đức Thế Tôn:

2. - Ở đây, bạch Đức Thế Tôn, có vị Tỳ khuru ở Sāvatthī bị rắn cắn đã mệnh chung.

- Tỳ khuru ấy, này chư Tỳ khuru, với từ tâm đã không hướng đến bốn gia đình vua các loài rắn. Nếu vị Tỳ khuru ấy, này chư Tỳ khuru, với từ tâm có hướng đến **bốn gia đình vua các loài rắn**, thời này chư Tỳ khuru, vị ấy có thể không bị rắn cắn mà mạng chung. Thế nào là bốn gia đình vua các loài rắn?

3. Gia đình vua các loài rắn Virūpakka, gia đình vua các loài rắn Erāpattha, gia đình vua các loài rắn Chabyāputta, gia đình vua các loài rắn Kanhāgotamaka;

Tỳ khuru ấy, này chư Tỳ khuru với từ tâm đã không hướng đến bốn gia đình vua các loài rắn này. Nếu vị Tỳ khuru ấy, này chư Tỳ khuru, với từ tâm có thể hướng đến bốn gia đình vua các loài rắn, thời này chư Tỳ khuru, vị ấy có thể không bị rắn cắn mà mạng chung.

Này chư Tỳ khuru, Ta cho phép với từ tâm hướng đến bốn gia đình vua các loài rắn này để tự bảo vệ, để tự hộ trì, để tự che chở.

4. *Virūpakkhehi me mettaṃ*
Mettaṃ erāpathehi me,
Chabyāputtehi me mettaṃ
Mettaṃ kaṇhāgotamakehi ca.
5. *Apādakehi me mettaṃ*
Mettaṃ dvipādakehi¹ me,
Catuppadehi me mettaṃ
Mettaṃ bahuppadehi me.
6. *Mā maṃ apādako hiṃsi*
Mā maṃ hiṃsi dvipādako,
Sā maṃ catuppado hiṃsi
Mā maṃ hiṃsi bahuppado.
7. *Sabbe sattā sabbe pāṇā*
Sabbe bhūtā ca kevalā,
Sabbe bhadraṇi passantu
Mā kañci pāpamāgamā.
8. *Appamāṇo buddho.*
Appamāṇo dhammo.
Appamāṇo saṅgho.
Pamāṇavantānisiriṃsapāṇi² ahivicchikā
Satapadī uṇṇānābhi sarabū mūsikā.
9. *Katā me rakkhā.*
Katā me parittā.
Paṭikkamantu bhūtāni.
So'haṃ namo bhagavato.
Namo sattannaṃ sammāsambuddhānanti./.

¹ [BJTS]= dipādakehi + 2. Dvipādakehi -Ma.

² [BJTS]= siriṃsapāṇi + 3. Sarīsapāṇi Ma.

4. Rải tâm từ của tôi, / đến các loài rắn chúa Ví-ru-pắc-khá/
Rải tâm từ của tôi, / đến các loài rắn chúa Ê-ra-pát-thá/
Rải tâm từ của tôi, / đến các loài rắn chúa Chăb-da-pút-tá/
Rải tâm từ của tôi, / đến các loài rắn chúa Kan-ha-go-tá-má-ká
5. Rải tâm từ của tôi, / đến các loài không chân./
Rải tâm từ của tôi, / đến các loài hai chân./
Rải tâm từ của tôi, / đến các loài bốn chân./
Rải tâm từ của tôi, / đến các loài nhiều chân./
6. Mong rằng loài không chân, /không có làm hại ta, /
Mong rằng loài hai chân, /không có làm hại ta, /
Mong rằng loài bốn chân, /không có làm hại ta, /
Mong rằng loài nhiều chân, /không có làm hại ta./
7. Mọi chúng sanh hữu tình, /
Toàn thể mọi sinh vật, /
Mong chúng thấy hiền thiện, /
Chớ đi đến điều ác./
8. Đức Phật là vô lượng, /Giáo Pháp là vô lượng, /chư Tăng
là vô lượng./Hạn lượng là các loài bò sát, /các loài rắn,
/các con bò cạp, /các con nhiều chân, /các loài nhện
giăng tơ, /các con thằn lằn cùng các loài chuột./
9. Ta đã làm sự hộ trì, /
Ta đã làm sự che chở, /
Mong rằng các loài hữu tình sẽ bỏ đi./
Con đánh lễ Đức Thế Tôn, /
Con đánh lễ bảy vị Chánh Giác¹.

¹ Đức Phật Vessabhū, Đức Phật Kakusandha, Đức Phật Koṇagamana, Đức Phật Kassapa, Đức Phật Gotama.

32. TIDASA PĀRAMĪ

1. Itipi so Bhagavā *dānapāramī* sampanno
Itipi so Bhagavā dāna-upapāramī sampanno
Itipi so Bhagavā dānaparamatthapāramī sampanno.
2. Itipi so Bhagavā *sīlapāramī* sampanno
Itipi so Bhagavā sīla-upapāramī sampanno
Itipi so Bhagavā sīlaparamatthapāramī sampanno.
3. Itipi so Bhagavā *nekkhammapāramī* sampanno
Itipi so Bhagavā nekkhamma-upapāramī sampanno
Itipi so Bhagavā nekkhammaparamatthapāramī sampanno.
4. Itipi so Bhagavā *paññāpāramī* sampanno
Itipi so Bhagavā paññā-upapāramī sampanno
Itipi so Bhagavā paññāparamatthapāramī sampanno.
5. Itipi so Bhagavā *virīyapāramī* sampanno
Itipi so Bhagavā virīya-upapāramī sampanno
Itipi so Bhagavā virīyaparamatthapāramī sampanno.
6. Itipi so Bhagavā *khantīpāramī* sampanno Itipi
so Bhagavā khantī-upapāramī sampanno
Itipi so Bhagavā khantīparamatthapāramī sampanno.

32. TAM THẬP ĐỘ

1. Đường tu **bố thí** đứng đầu
Vị tha là tánh, vô cầu là tâm
Không vì thương ghét sơ thân
Bàn tay ban bố nào phân biệt gì

Hy sinh ngoại vật tứ chi, ~ Hoặc luôn mạng sống sá gì huyễn thân
Phậtxuraphápđộvẹn toàn, ~ Chúngconnguyệnbướctheochân Đại Từ.

2. Thiện nhân **giới hạnh** nghiêm trì
Nói làm suy nghĩ luôn khi giữ gìn
Nuôi ý lực dưỡng tâm lành
Cắt dây kiết phược phá thành mê si

Hy sinh ngoại vật tứ chi, ~ Hoặc luôn mạng sống sá gì huyễn thân
Phậtxuraphápđộvẹn toàn, ~ Chúngconnguyệnbướctheochân Đại Từ.

3. **Xuất gia** vốn hạnh ly trần
Quyết ra nhà lửa bỏ thân luân hồi
Lợi danh quyến thuộc xa rời
Độc cư thanh tịnh sống đời xả ly

Hy sinh ngoại vật tứ chi, ~ Hoặc luôn mạng sống sá gì huyễn thân
Phậtxuraphápđộvẹn toàn, ~ Chúngconnguyệnbướctheochân Đại Từ.

4. Đèn tâm **trí tuệ** sáng ngời
Bồi vô lượng kiếp vun bồi huệ căn
Phân minh thiện ác giả chân
Điều hay chuộng học bạn lành tương tri

Hy sinh ngoại vật tứ chi, ~ Hoặc luôn mạng sống sá gì huyễn thân
Phậtxuraphápđộvẹn toàn, ~ Chúngconnguyệnbướctheochân Đại Từ.

5. Chính do nghị lực **tinh cần**
Vượt qua bể ái chứng thân đại hùng
Kiên trì giữa cuộc lao lung
Càng nhiều chướng nghịch thêm công tu trì

Hy sinh ngoại vật tứ chi, ~ Hoặc luôn mạng sống sá gì huyễn thân
Phậtxuraphápđộvẹn toàn, ~ Chúngconnguyệnbướctheochân Đại Từ.

6. Đức tu **nhẫn nại** vạn năng
Nuốt điều cay đắng nuôi phần tinh anh
Chông gai khéo tạo tâm thành
Xưa nay nguyện lớn hành trình gian nguy

Hy sinh ngoại vật tứ chi, ~ Hoặc luôn mạng sống sá gì huyễn thân
Phậtxuraphápđộvẹn toàn, ~ Chúngconnguyệnbướctheochân Đại Từ.

7. Itipi so Bhagavā *saccapāramī* sampanno
Itipi so Bhagavā *sacca-upapāramī* sampanno
Itipi so Bhagavā *saccaparamatthapāramī* sampanno.

8. Itipi so Bhagavā *adhiṭṭhānapāramī* sampanno
Itipi so Bhagavā *adhiṭṭhāna-upapāramī* sampanno
Itipi so Bhagavā *adhiṭṭhānaparamatthapāramī* sampanno.

9. Itipi so Bhagavā *mettāpāramī* sampanno
Itipi so Bhagavā *mettā-upapāramī* sampanno
Itipi so Bhagavā *mettāparamatthapāramī* sampanno.

10. Itipi so Bhagavā *upekkhāpāramī* sampanno Itipi
so Bhagavā *upekkhā-upapāramī* sampanno
Itipi so Bhagavā *upekkhāparamatthapāramī* sampanno.

Itipi so Bhagavā *dasa pāramī* sampanno
Itipi so Bhagavā *dasa upapāramī* sampanno
Itipi so Bhagavā *dasa paramatthapāramī* sampannoti./.

7. Thiện hiền **chân thật** không ngoa

Quý gìn lẽ thật như là bảo châu

Chân tâm ấy đạo nhiệm màu

Nói làm nhất quán cho dù hiểm nguy

Hy sinh ngoại vật tứ chi, ~ Hoặc luôn mạng sống sá gì huyễn thân

Phậtxưaphápđộvẹn toàn,~ Chúngconnguyệnbướctheochân Đại Từ.

8. Bởi do **chí nguyện** dẫn đường

Biết nơi cứu cánh mà nương lối về

Bờ kia là đạo Bồ Đề

Tự lòng đã quyết bền mê phải là

Hy sinh ngoại vật tứ chi, ~ Hoặc luôn mạng sống sá gì huyễn thân

Phậtxưaphápđộvẹn toàn,~ Chúngconnguyệnbướctheochân Đại Từ.

9. Hạnh lành **từ ái** bao la

Chúng sanh bốn loại chan hòa tình thương

Lòng như cam lộ suối nguồn

Rải ban phúc lạc lệ tuôn quản gì

Hy sinh ngoại vật tứ chi, ~ Hoặc luôn mạng sống sá gì huyễn thân

Phậtxưaphápđộvẹn toàn,~ Chúngconnguyệnbướctheochân Đại Từ.

10. An nhiên **hành xả** giữa đời

Khen chê được mất khổ vui thường tình

Điều tâm giữ ý quân bình

Trong cơn bão loạn biết gìn chánh tri

Hy sinh ngoại vật tứ chi, ~ Hoặc luôn mạng sống sá gì huyễn thân

Phậtxưaphápđộvẹn toàn,~ Chúngconnguyệnbướctheochân Đại Từ.

Từ trong bể khổ cuộc đời

Đại hùng lập nguyện cứu người cứu thân

Ba-la-mật hạnh vẹn toàn

Dám quên mạng sống quyết tâm thực hành

Nhờ ân Thiện Thệ Cha Lành

Muôn loài vượt thoát tử sanh luân hồi./

33. DASA PĀRAMĪ - NIỆM VỀ MƯỜI PHÁP BA-LA-MẬT

1. Tôi nguyện khoan dung quảng đại và phục vụ bất cầu lợi.
(Dāna-pāramī – Bố Thí Ba-la-mật)

2. Tôi nguyện khép mình vào nếp sống kỷ cương
và tác phong thanh nhã;
Tôi nguyện luôn luôn tinh khiết và trong sạch;
Tôi nguyện giữ thân khẩu ý thanh tịnh
và phẩm hạnh thanh cao.
(Sīla-pāramī – Trì Giới Ba-la-mật)

3. Tôi nguyện không ích kỷ, không khát khao quyền tư hữu,
không luyến ái mà vị tha có tâm dứt bỏ;
Tôi nguyện hy sinh hạnh phúc riêng tư
để mưu cầu hạnh phúc cho kẻ khác.
(Nekkhamā-pāramī – Xuất Gia Ba-la-mật)

4. Tôi nguyện thành đạt trí tuệ
và chứng ngộ chân tướng của vạn pháp;
Tôi nguyện chứng ngộ ánh sáng chân lý
để dẫn dắt kẻ khác từ chỗ mê lầm đến nơi giác ngộ;
Tôi nguyện tự giác để giác tha;
Ước mong tôi có thể chia sẻ tri kiến của tôi
cho tất cả mọi người cùng hưởng.
(Paññā-pāramī – Trí Tuệ Ba-la-mật)

5. Tôi nguyện cương nghị, tinh tấn và kiên trì;
Tôi nguyện chuyên cần tinh tấn
cho đến khi thành tựu mục tiêu cứu cánh;
Tôi nguyện bình tĩnh đương đầu với mọi hiểm nguy
và can đảm vượt qua mọi chướng ngại;
Ước mong tôi có thể tận lực phục vụ kẻ khác.
(Viriya-pāramī – Tinh Tấn Ba-la-mật)

6. Tôi nguyện luôn luôn bền chí;
Ước mong tôi có thể gánh vác
và chịu đựng những lỗi lầm của kẻ khác;
Tôi nguyện rộng lượng và khoan hồng
và luôn luôn thấy cái tốt cái đẹp nơi tất cả mọi người.

(Khanti-pāramī – Nhẫn Nại Ba-la-mật)

7. Tôi nguyện giữ mình luôn luôn cương trực và liêm khiết;
Tôi nguyện không che giấu sự thật để giữ lễ độ;
Tôi nguyện không tách rời chân lý;
Tôi nguyện nói sao làm vậy và làm sao nói vậy.

(Sacca-pāramī – Chân Thật Ba-la-mật)

8. Tôi nguyện cương quyết, vững chắc và có ý chí sắt đá;
Ước mong tôi được dịu dàng như một đóa hoa
và cứng rắn như một tảng đá;
Tôi nguyện vững tâm khép mình
vào những quy tắc cao thượng.

(Adhiṭṭhāna-pāramī – Quyết Định Ba-la-mật)

9. Tôi nguyện luôn luôn từ ái, bi mẫn và thành thật ước
mong cho tất cả chúng sanh đều được an vui hạnh phúc;
Tôi nguyện xem tất cả chúng sanh là anh chị em
và chan hòa đồng nhất với tất cả.

(Mettā-pāramī – Từ Ái Ba-la-mật)

10. Tôi nguyện luôn được an tịnh,
vắng lặng và thản nhiên tự tại;
Tôi nguyện thành đạt tâm quân bình;
Tôi nguyện giữ tâm mình hoàn toàn bình thản.

(Upekkhā-pāramī – Hành Xả Ba-la-mật)

* **Ghi Chú:** Nguyên văn bài này của Hòa thượng Nārada được Cố Hòa thượng Pháp Lạc và chư Tăng chùa Pháp Bảo trì tụng hằng ngày, chúng tôi biên tập lại theo bản in của Ban Quản Trị Thích Ca Phật Đài, Vũng Tàu, 1973.

34. MAHĀNAMAKKĀRAPĀḲI

Namo tassa Bhagavato arahato sammāsambuddhassa.

1. Sugataṃ sugataṃ seṭṭhaṃ,
kusalaṃkusalaṃ jahama;
amataṃ amataṃ santaṃ,
asamaṃ asamaṃ dadaṃ.
saraṇaṃ saraṇaṃ lokaṃ,
araṇaṃ araṇaṃ karaṃ;
abhayaṃ abhayaṃ tḥānaṃ,
nāyakaṃ nāyakaṃ name.
2. Nayanasubhagakāyaṅgaṃ,
madhuravarasaropetaṃ;
amitagunaṅgaṇādhāraṃ,
dasabalamatulaṃ vande.
3. Yo buddho dhitimāññadharako,
saṃsāre anubhosi kāyikaṃ;
dukkhaṃ cetasikaṇca lokato,
taṃ vande naradevamaṅgalaṃ.
4. Bāttiṃsatilakkhaṇacitradehaṃ,
dehajjutiniggatapajjalantaṃ;
paññādhitisīlaguṇoghavindaṃ,
vande munimantimajātiyuttaṃ.
5. Pātodayaṃ bāladivākaraṃva,
majjhe yatīnaṃ lalitaṃ sirīhi;
puṇṇindusaṅkāsamukhaṃ anejaṃ,
vandāmi sabbaññumahaṃ munindaṃ.
6. Upetapuñño varabodhimūle,
sasenaṃāraṃ sugato jinitvā;
abojjhi bodhiṃ aruṇodayamhi,
namāmi taṃ mārājinaṃ abhaṅgaṃ.

34. ĐẠI THI LỄ KÊ

*Thành kính đánh lễ Ngài, Đức Thế Tôn,
bậc A-la-hán, đấng Chánh Biến Tri.*

1. Đánh lễ Đức Thiện Thệ, đấng Bảo Ngôn, tối thượng
Ngài đã từ bỏ thiện cùng bất thiện,
Bậc an lạc bất diệt, Vị giải thoát vô song,
Đấng Vô song, đã ban bố Pháp vô song¹,
Vị Bảo hộ, nơi thế gian nương tựa,
Vị Vô nhiễm, khiến hữu tình vô nhiễm,
Đấng Vô úy, độ sanh vô úy,
Đức Thế Tôn, đấng siêu thế Pháp chủ²,
2. Vị mẫn nhân người nhìn bằng sáng ngời thân trượng,
Và giọng nói Phạm vương làm khả ái người nghe,
Bậc đã tích lũy vô lượng công đức chẳng ai bằng,
Con thành kính đánh lễ đấng Thập lực vô tỷ.
3. Phật-đà ấy, Người gương cao "lòng trắng"
Trong luân hồi, kham thọ mọi khổ thân,
Vì thế gian, nhẫn chịu cảnh trầm luân,
Ngài, Phúc lành của Thiên nhân, con kính lễ.
4. Bậc hoàn mỹ với ba mươi hai Đại Nhân tướng,
Chói sáng bằng sáu sắc ánh hào quang,
Con kính lễ Đức Muni, trong kiếp sống cuối cùng,
Đã tốt đỉnh viên thành công đức Giới-Định-Tuệ.
5. Như vàng dương huy hoàng buổi sớm mai,
Giữa thánh chúng oai linh minh hiển,
Gương mặt tựa trăng rằm viên dung không ái nhiễm,
Con kính lễ đấng Toàn Tri, đức Hiền Vương Muni.
6. Bên cội Bồ Đề báu, Ngài viên thành quả phúc,
Đức Thiện Thệ đã toàn thắng đội binh Ma,
Lúc hừng đông, đạt quả vị Phật-đà,
Con kính lễ đấng hằng ma - bất bại.

¹ Theo *Tikā*: Công đức lạc, Thiền lạc, Minh sát lạc, Đạo lạc, Niết Bàn lạc.

² Ngài làm chủ lần lượt: thần thông - thắng trí, 4 Đạo, 4 Quả, Niết Bàn, Toàn giác trí

7. Rāgādichedāmalaññāṇakhaggaṃ,
satisamaññāphalakābhigāhaṃ;
sīloghalaṇkāravibhūsitāṃ taṃ,
namāmibhiññāvaramiddhupetaṃ.
8. Dayālayaṃ sabbadhi dukkaraṃ karaṃ,
bhavaṇṇavātikkamamaggataṃ gataṃ;
tilokaṇāthaṃ susamāhitaṃ hitaṃ,
samantacakkhuṃ paṇamāmi taṃmitaṃ.
9. Tahiṃ tahiṃ pāramisañcayaṃ cayaṃ,
gataṃ gataṃ sabbhi sukhappadaṃ padaṃ;
narānarāṇaṃ sukhasambhavaṃ bhavaṃ,
namānamāṇaṃ jinapuṅgavaṃ gavaṃ.
10. Maggaṇṇanāvaṃ munidakkhanāviko,
īhāphiyaṃ ñāṇakarena gāhako;
āruyha yo tāya bahū bhavaṇṇavā,
tāresi taṃ buddhamaghappahaṃ name.
11. Samatiṃsatipāramisambharaṇaṃ,
varabodhidume catusaccadasaṃ;
varamiddhigataṃ naradevahitaṃ,
tibhavūpasamaṃ paṇamāmi jinaṃ.
12. Satapuññajalakkhaṇikaṃ virajaṃ,
gaganūpamadhiṃ dhitimerusaṃ;
jalajūpamasītalasīlayutaṃ,
pathavīsahanaṃ paṇamāmi jinaṃ.
13. Yo buddho sumati dive divākarova,
sobhanto ratijanane silāsanamhi;
āsīno sivasukhadaṃ adesi dhammaṃ,
devāṇaṃ tamasadisaṃ namāmi niccaṃ.

7. Người được điểm trang bằng vương bào giới hạnh,
Vớ niệm làm khiên, và vớ trí làm gương bén,
Thành Bạc Vô Nhiễm nhờ đoạn sạch dục tham,
Con kính lễ Đấng Viên Mãn thần trí tối thượng.
8. Đức Đại Bi, Người đã thực hành bao hạnh khó,
Vượt qua biển sanh hữu, đạt tối thắng huyền bí,
Bạc Định Lực phi phạm, là Chúa tế lợi lạc cho ba cõi,
Con cúi mình đánh lễ đấng Biến Mãn toàn tri¹.
9. Kiếp nối kiếp hiện thân, Ngài đã tích lũy Ba-la-mật,
Các Pháp mà nhờ đó hàng trí đức đạt đến Chân Tịnh Lạc²,
Là nguồn sinh lạc của hàng nhân và phi nhân,
Con kính lễ đấng Điều Ngự Ngưu Vương gây bằng tam tịnh nghiệp.
10. Con đánh lễ Vị Thuyền Trưởng tài ba thuần thực,
Người bước lên con thuyền Bát Chánh, mái chèo là tinh tấn,
Toàn giác trí là đôi tay, đã kiên trì đưa bao người,
Vượt thoát biển phiền não tử sanh luân hồi tam giới.
11. Vớ Ba-la-mật tích lũy từ thời Phật Dīpaṅkara
Bên cội Bồ Đề nguy nga, đã chứng ngộ Tứ Thánh Đế,
Đạt thắng trí tối thượng, làm lợi ích Thiên nhân,
Con đánh lễ Ngài, đấng Chiến Thắng, bậc Tịch Tĩnh tam giới.
12. Hàng trăm quý tướng bởi phúc báu huân sanh vô nhiễm
Toàn Giác trí rộng lớn tợ trời không,
Siêu Thánh Định như Meru núi chúa,
Tuyền Giới tựa hoa sen, nhả nài đồng Địa Đại,
Đấng Huy Hoàng chiến thắng ấy, năm vóc con kính lễ.
13. Ôi Phật-đà, Đại Trí Tuệ như vàng dương giữa ngọc,
Chói sáng ngự trên thiên thạch sanh thiên lạc³,
Và thuyết Pháp vi diệu mang niềm vui bất diệt đến thiên chúng
Con thường kính lễ đấng Tam Học vô song ấy.

¹ Theo Tīkā: buddhacakkhu, dhammacakkhu, ñāṇacakkhu, samantacakkhu, dibbacakkhu.

² accantasukha: an vui tuyệt đối, an vui vĩnh viễn, an vui thực sự.

³ Ngai vàng của Thiên chủ Đế Thích.

14. Yo pādapaṅkajamuduttalarājikehi, lokehi
tīhivikalehi nirākulehi; sampāpuṇe
nirupameyyatameva nātho, taṃ
sabbalokamahitaṃ asamaṃ namāmi.

15. Buddhaṃ narānarasamosaraṇaṃ dhitattaṃ,
paññāpadīpajutiyā vihatandhakāraṃ;
atthābhikāmanaradevahitāvahaṃ taṃ,
vandāmi kāruṇikamaggamanantaññaṃ.

16. Akhilaguṇanidhāno yo munindopagantvā,
vanamisipatanavhaṃ saññatānaṃ niketaṃ;
tahimakusalachedaṃ dhammacakkaṃ pavatto,
tamatulamabhikantaṃ vandaneyyaṃ namāmi.

17. Suciparivāritaṃ surucirappabhāhi rattaṃ,
sirivisarālayaṃ gupitamindriyehupetaṃ;
ravisasimaṇḍalappabhutilakkhaṇopacittaṃ,
suranarapūjitaṃ sugatamādaraṃ namāmi.

18. Maggoḷumpena muhapaṭighāsādi-ullolavīciṃ,
saṃsāroghaṃ tari tamabhayaṃ pārappattaṃ pajānaṃ;
tānaṃ leṇaṃ asamasaraṇaṃ ekatitthaṃ patiṭṭhaṃ,
puññakkhettaṃ paramasukhadaṃ dhammarājaṃ namāmi.

19. Kaṇḍambaṃmūle parahitakaro yo munindo nisinno,
accheraṃ sīghaṃ nayanasubhagaṃ ākulaṇṇaggiḷālaṃ;
dujjāladdhaṃsaṃ munibhijahitaṃ pāṭiheraṃ akāsi,
vandetaṃsetṭhaṃparamaratijaṃiddhidhammehupetaṃ.

14. Vị Chân-sen có hàng trăm tướng tròn nơi bàn chân mềm mại
Giữa tam thế rồi ren, đã khéo giải thoát, thanh tịnh hoàn hảo
Đạt được vậy, Ngài trở thành vị Bảo Hộ vô biên, Đấng
Toàn Thế kính ngưỡng vô song ấy, con thành kính bái lễ.
15. Bạc Định Lực thù thắng, Người chonhân, phi nhân gặp mặt, Là
ngọn Tuệ Đăng tỏa sáng xua tan bóng vô minh,
Người mang lại sự thành tựu ước nguyện đến nhân thiên,
Con đánh lễ Phật-đà, đấng Vô Biên Trí, Vô lượng Bi Mẫn ấy.
16. Với toàn bộ công đức đã tích lũy, bậc Đại Thánh thắng đến,
Khu vườn có tên Isipatana, nơi trú của những vị khổ hạnh,
Tại nơi ấy, Ngài chuyển vận bánh xe Pháp đoạn trừ bất thiện¹.
Con kính lễ đấng Mãn Chí Vô Song đáng kính lễ.
17. Khi màn đêm xuống, kim thân Ngài tỏa hào quang sáng diệu,
Oai nghiêm giữa các vị Thánh đệ tử thanh tịnh xung quanh,
Đấng vô vàn quang vinh - Bạc đầy đủ hộ căn an tĩnh,
Dưới bàn chân là tướng Maṇḍala 30 tựa Nhật nguyệt dị thường
Con kính lễ Đức Thiện Thệ, đấng được thiên nhân kính phụng,
18. Lũ luân hồi hiểm nguy bao cuồng phong sóng dữ, Ngài,
bằng bè Thánh đạo, phi thường đã vượt qua, An toàn cập
bờ kia là bến bờ độc nhất, là ruộng nương công đức, Chỗ an cư,
nương tựa không gì bằng².
Con kính lễ đấng Pháp Vương, Bạc cho lạc tối thượng.
19. Đức Hiền Vương ấy, đã làm điều lợi ích đến chúng sanh,
Ngồi bên cây xoài Kaṇḍa thị hiện song thông,
Từ châu thân phóng ra đồng thời nước và lửa, Biến thần
tốc, phi thường và ngoạn mục;
Hủy diệt lưới tà kiến của ngoại đạo, Thị hiện oai linh
chư Phật bao đời,
Đấng viên mãn thần thông, nguồn khởi sanh thắng lạc,
Bạc Vô Thượng xưng tán ấy, con thành tâm kính lễ.

¹ khiến chư Thiên trong mười ngàn thế tán thán tung hô.

² của biết bao hữu tình.

20. Munindakko yveko dayudayarūṇo ñāṇavitthiṇṇabimbo,
vineyyappāṇoghaṃkamalakathitaṃdhammaramsivarehi;
subodhesīsuddhetibhavakuharebyāpitakkittinañca,
tilokekac akkhuṃdukhamasahanamtaṃmahesiṃnamāmi.
21. Yo jino anekajātiyaṃ
aputtadāramaṅgajīvitampi,
bodhipemato alaggamānaso
adāsiyeva atthikassa;
dānapāramiṃ tato paraṃ
apūri silapāramādikampi,
tāsamiddhiyopayātamaggataṃ
tamekadīpakaṃ namāmi.
22. Devādevātidevaṃ nidhanavapudharaṃ
mārabhaṅgaṃ abhaṅgaṃ,
dīpaṃ dīpaṃ pajānaṃ
jayavarasayane bodhipattaṃdhipattaṃ;
brahmābrahmāgatānaṃ
varagirakathikaṃ pāpahīnaṃ pahīnaṃ,
lokālokābhirāmaṃ satatamabhiname
taṃ munindaṃ munindaṃ.
23. Buddho
nigrodhabimbo
mudukaracaraṇo
brahmaghoseṇijaṅgho,
kosacchādaṅgajāto
punarapi sugato
suppatiṭṭhitapādo;
mūdodātuṇṇalomo
athamapi sugato
brahmujuggattabhāvo,
nīlakkhī dīghapaṇhī
sukhumamalachavī
thomyarasaggasaggī.

20. Đức Hiền Vương là mặt trời độc tôn,
 Lòng Đại Bi như ánh mai biến mãn huy hoàng, Toàn
 giác trí vô biên tợ trời không, quảng đại, Bằng Pháp
 quang thù thắng
 Đã khai mở những đóa sen thuần khiết Tỏa danh hương
 giữa tam hữu đầm lầy
 Con đánh lễ bậc Đại Tiên, bậc Kham Khổ khó kham,
 Là mắt sáng của quần sinh trong tam giới.
21. Đấng Chiến Thắng, Ngài đã phát nguyện vô thượng Bồ Đề,
 Trong nhiều kiếp, đem vợ con, thân thể, cùng sanh mạng,
 Bố thí đến người hỏi xin với tâm không luyến tiếc,
 Bố Thí độ, Trì Giới độ,... cả ba bậc đều thực hành như thế,
 Đấng Tam Thập độ viên mãn tối thượng
 Ngọn Hải Đảo độc nhất ấy, con thành tâm kính
22. Giữa tam thiên, Vị Thanh Tịnh Thiên chủ thù thắng, Vị
 hàng ma bất bại trong thọ thân cuối cùng,
 Là ngọn tuệ đấng thấp sáng cho nhân gian,
 Người đã xuyên thủng màn vô minh thoát ra trước nhất,
 Đạt được Thánh Đạo - Thánh Quả cùng Toàn Giác Trí
 Ngay trên tòa kim cương tối thượng,
 Phạm Thiên, phi Phạm Thiên hằng sa tụ hội, Ngài diễn
 thuyết Pháp âm cao thượng,
 Để tận trừ các pháp hạ liệt, thấp hèn,
 Khiến nhân giới - thiên giới đồng khắp khởi hân hoan,
 Trọn năm vóc, con thường lễ đấng Quyền Vương Muni ấy¹.
23. Phật-đà có:
 Thân thẳng tròn cân đối như cây đa (1), Bàn tay, chân
 mềm mại và sáng đẹp (2), Giọng nói như Phạm Thiên
 Vương (3), Ông chân như tuần lộc (4),
 Cùng tướng mã âm tàng (5),
 Lòng bàn chân phẳng bằng không khuyết lõm (6), Giữa
 hai chân mày có bạch hào trắng mịn tợ bông tơ (7), Thêm
 nữa, Thiện Thệ có:
 Thân trượng cao lớn như Phạm Thiên (8),
 Đôi mắt màu nâu thẫm (9), hai gót chân dài, đầy đặn (10),
 Da mịn không dính bụi nhơ (11),
 Có vị giác tinh nhạy (12),

¹ Agāriyamuni, Anāriyamuni, Sekkhamuni, Paccekamuni, Munimuni (tối thượng).

24. Cattālisaggadanto
samakalapanajo
antaraṃsappapīno,
cakkenaṅkitapādo
aviraḷadasano
mārajussaṅkhapādo.

Tiṭṭhanto
nonamantobhayakaramudunā
jaṇṇukānāmasanto,
vaṭṭakkhandho jino
gotaruṇapakhumako
sīhapubbaḍḍhakāyo.

25. Sattappīno ca
dīghaṅguli matha
sugato lomakūpekalomo,
sampannodātadāṭho
kanakasamataco
nīlamuddhaggalomo.
Sambuddho thūlajivho atha
sīhahanuko jālikappādahattho,
nātho uṇhīsasīso itiguṇasahitaṃ
taṃ mahesiṃ namāmi.

26. Buddhobuddhotighoso atidulabhataro
kā kathā buddhabhāvo,
loke tasmā vibhāvī vividhahitasukhaṃ
sādhavo patthayantā.
Itṭhaṃ atthaṃ vahantaṃ suranaramahitaṃ
nibbhayaṃ dakkhiṇeyyaṃ,
lokānaṃ nandivaḍḍhaṃ dasabalamasamaṃ
taṃ namassantu niccaṃ.

(Mahānamakkāra Pāḷi, kathā 1-26)
(Aṭṭhakathācariya Mahā Buddhaghosa)

24-25. Đấng Chiến Thắng ấy Ngài có: Bốn mươi răng
tuyệt đẹp trắng sáng (13), thẳng đều (14), Thân hình cân-
sống lưng thẳng, đầy không khuyết lõm (15), Lòng bàn
chân có tướng bánh xe (16), Răng khít không kẽ hở
(17),

Vị Hăng Ma có mắt cá chân nhô cao tròn trịa (18), Khi
đứng thẳng lưng, hai bàn tay mềm chạm gối (19), Cổ
đầy đặn như thân cái trống cơm (20),

Lông mi như con bê con (21), Thân trên như con sư
tử (22), Đấng Thiện Lai có:

Bảy chỗ đầy đặn¹ (23), ngón tay, ngón chân thon dài (24),

Lại nữa, mỗi chân lông chỉ có một sợi (25), Bốn răng
trụ sáng tinh tựa sao mai (26), Màu da sáng hết sắc
vàng ròng (27),

Lông trên thân mịn màu nâu thẫm, mọc xoáy thẳng
hướng lên mặt trời (28),

Đấng Chánh Giác có lưỡi mềm rộng dài (29),

Quai hàm như cửa sư tử (30), tay chân có màng da lưới mịn
(31), Đức Độ Sanh có nhục kế trên đầu (32),

Con xin đánh lễ đấng Đại Tiên.

26. Hy hữu thay là âm thanh “Phật-đà, Phật-đà”

Còn nói gì nữa đến sự xuất hiện Đức Phật trong thế gian, Vì
lẽ ấy, này hỡi những hiền nhân! Này hỡi những trí giả!

Hỡi những ai thường nguyện cầu những điều lợi ích, an vui!
Hãy nâng kính lễ Ngài!

- Đấng Phúc Lạc như ý, tăng trưởng hân hoan của thế gian,

- Đấng Ứng Cúng thù thắng, đấng Thiên Nhân kính phụng,

- Đấng Thập Lực Vô tỷ, đấng Vô Úy an lành.

(Kệ thứ 1-26 trong bài kệ Mahānakkāra Pāḷi Miến, trang 5)

(Chú giải sư - Trưởng Lão Mahā Buddhaghosa)

lưng bàn chân, bàn tay, gáy cùng hai vai.

35. ABHIṆHAPACCA VEKKHAṆAPĀTHO

*Suttantapiṭaka, Aṅguttaranikāya, Pañcakanipātapāli (6) 1.
Nīvaraṇavagga, 7. Abhiṇhapaccavekkhitabbaṭhānasuttaṃ.*

- 1. Jarādhammomhi jaraṃ anatīto.**
 - 2. Byādhidhammomhi byādhi anatīto.**
 - 3. Maraṇadhammomhi maraṇaṃ anatīto.**
 - 4. Sabbhehi me piyehi manāpehi nānābhavovinābhāvo.**
 - 5. Kammassakomhi kammaḍāyādo kammayoni
kammabandhu kammaṭṭisaraṇo. Yaṃ kammaṃ
karissāmi kalyāṇaṃ vā pāpakaṃ vā tassa dāyādo
bhavissāmi.**
- Evam amhehi abhiṇhaṃ paccavekkhitabba'nti. ¹/.**

¹ Xem thêm bản dịch của Ngài Minh Châu ở Tạng Kinh (*Suttantapiṭaka*), Tăng Chi Bộ Kinh (*Aṅguttaranikāya*), Chương V - Năm Pháp (*Pañcakanipāta*) (57) Sự Kiện Cần Phải Quan Sát

35. NĂM ĐIỀU QUÁN TƯỚNG

*Tạng Kinh, Tăng Chi Bộ Kinh, Chương V - Năm Pháp, (57) Sự Kiện Cần Phải Quan Sát
Thế Tôn tựa ánh Mặt Trời, / Chiếu tia sáng Đạo cứu đời thoát mê, / Chẳng
màng thành thị thôn quê, / Ngài đi khắp chốn vũ về chúng sanh, / Thế Tôn
bậc Đại Hùng Anh, / Chiến thắng phiền não vô sanh Niết Bàn, / Ngài mang
ánh sáng huy hoàng, / Độ người thoát chốn trần gian vô thường, / Thế Tôn
tựa đóa liên hương, / Ta bà quyền tỏa mười phương ngạt ngào, / Con xin
đảnh lễ ân cao, / Nguyên cầu an lạc tiêu dao khổ sầu, / **Thế Tôn diện mạo
rất màu**, / Đáng cho muôn loại cúi đầu Quy y, / Thế Tôn đức hạnh từ bi,
/ Đáng cho muôn loại kính vì mến yêu, / Thế Tôn trí tuệ cao siêu, / Đáng cho
muôn loại nương theo tu hành, / Thế Tôn đức hạnh trọn lành, / Đáng cho
muôn loại dâng cành hương hoa, / Thế Tôn từ phụ chúng ta, / Nghiêng mình
lễ bái hương hoa cúng dường,*

Thế Tôn lời dạy tỏ tường

Năm điều quán tướng phải thường xét ra

Ta đây phải có sự **già**

Thế nào tránh thoát lúc qua canh tàn.

Ta đây **bệnh** tật phải mang

Thế nào tránh thoát đặng an mạnh lành

Ta đây sự **chết** sẵn dành

Thế nào tránh thoát tử sanh đến kỳ.

Ta đây phải chịu **phân ly**

Nhân vật quý mến ta đi biệt mà

Ta đi với **nghiệp** của ta

Dầu cho tốt xấu tạo ra tự mình.

Theo ta như bóng theo hình

Ta thọ quả báo phân minh kết thành./ ^[KX]

36. DASADHAMMASUTTAM

Suttantapiṭaka, Aṅguttaranikāya, Dasakanipāta, 5. Akkosavagga

(Sāvatthinidānaṃ) Dasayime bhikkhave dhammā pabbajitena abhiñhaṃ paccavekkhitabbā. Katame dasa?

1. 'Vevaṇṇiyamhi ajjhupagato'ti pabbajitena abhiñhaṃ paccavekkhitabbā.
2. 'Parapaṭibaddhā me jīvikā'ti pabbajitena abhiñhaṃ paccavekkhitabbā. tṭ
3. 'Añño me ākappo karaṇīyo'ti pabbajitena abhiñhaṃ paccavekkhitabbā.
4. 'Kacci nu kho me attā sīlato na upavadatī'ti pabbajitena abhiñhaṃ paccavekkhitabbā.
5. 'Kacci nu kho maṃ anuvicca viññū sabrahmacārī sīlato na upavadantī'ti pabbajitena abhiñhaṃ paccavekkhitabbā.
6. 'Sabbehi me piyehi manāpehi nānābhāvo vinābhāvo'ti pabbajitena abhiñhaṃ paccavekkhitabbā.
7. 'Kammassakomhi kammadāyādo kammayoni kammabandhu kammaṭṭisaraṇo, yaṃ kammaṃ karissāmi kalyāṇaṃ vā pāpakaṃ vā, tassa dāyādo bhavissāmi'ti pabbajitena abhiñhaṃ paccavekkhitabbā.
8. 'Kathaṃbhūtassa me rattindivā vītivattantī'ti pabbajitena abhiñhaṃ paccavekkhitabbā.
9. 'Kacci nu kho ahaṃ suññāgāre abhiramāmi'ti pabbajitena abhiñhaṃ paccavekkhitabbā.
10. 'Atthi nu kho me uttari manussadhammo alamariyañānadassanaviseso adhigato? Sohaṃ pacchime kāle sabrahmacārīhi puṭṭho na maṅku bhavissāmi'ti pabbajitena abhiñhaṃ paccavekkhitabbā.

Ime kho bhikkhave dasa dhammā pabbajitena abhiñhaṃ paccavekkhitabbāti./.

36. THẬP QUÁN SA-MÔN HẠNH

*Tạng Kinh, Tăng Chi Bộ Kinh, Chương X - Mười Pháp,
IV - Phẩm Upāli và Ānanda.*

Xuất gia nghi mạo khác đời
Sống nương đàn việt thanh thời cửa thiền
Tư cách, bốn phận cần chuyên
Oai nghi giới hạnh không phiền đến ai
Nếu đồng phạm hạnh chê bai
Sớm lo cảnh tỉnh miệt mài tu thân
Nhân, vật yêu mến xa gần
Vô thường tan hợp, xoay vần hợp tan
Nghiệp là tài sản đã mang
Nghiệp là quyến thuộc lại càng chớ khinh
Nghiệp là sở y, sở sinh
Nhân quả thiện ác phân minh nhiệm màu
Ngày đêm thấm thoát bóng câu
Làm gì xứng hạnh tầm cầu vô sanh
Trong không tịnh xứ tinh cần
Độc cư thiền định phá¹ dần tham, sân
Tu hành Pháp bậc cao nhân
Ngộ Chánh Tri Kiến giả, chân tỏ tường
Đến khi sanh mạng vô thường
Các đồng phạm hạnh tư lương hỏi han
Xét mình tâm đã bình an
Ra đi chẳng thẹn cùng hàng Sa-môn. / . [KX]

1. Ta là người không còn giai cấp, 2. Đời sống của ta tùy thuộc người khác, 3. Oai nghi của ta cần phải thay đổi, 4. Ta có hài lòng giới hạnh của mình không?! 5. Các đồng Phạm hạnh có trách ta về giới hạnh không?! 6. Người, vật yêu mến của ta đều vô thường, 7. Ta là chủ nhân của nghiệp, thiện hay ác, ta đều nhận lấy. 8. Ngày đêm trôi qua, ta đã làm được gì? 9. Ta có hoan hỷ đời sống tu tập (ở ngôi nhà trống, nơi thanh vắng để tu thiền) không?! 10. Những ngày cuối đời, các đồng Phạm hạnh có hỏi, có cảm thấy xấu hổ không?!

¹ Chỉ 'lãng' dần tham sân.

37. DASA KĀMAGUṆA

*Suttantapiṭaka, Aṅguttaranikāya,
Pañcanipāta, Yodhājīvavagga*

**Appassādā āvuso kāmā vuttā bhagavatā bahudukkhā
bahupāyāsā, ādīnavo ettha bhiyyo.**

1. ***Aṭṭhikaṅkalūpamā* kāmā vuttā bhagavatā bahudukkhā
bahupāyāsā, ādīnavo ettha bhiyyo.**
2. ***Maṃsapesūpamā* kāmā vuttā bhagavatā bahudukkhā
bahupāyāsā, ādīnavo ettha bhiyyo.**
3. ***Tiṇukkūpamā* kāmā vuttā bhagavatā bahudukkhā
bahupāyāsā, ādīnavo ettha bhiyyo.**
4. ***Aṅgārakāsūpamā* kāmā vuttā bhagavatā bahudukkhā
bahupāyāsā, ādīnavo ettha bhiyyo.**
5. ***Supinakūpamā* kāmā vuttā bhagavatā bahudukkhā
bahupāyāsā, ādīnavo ettha bhiyyo.**
6. ***Yācitakūpamā* kāmā vuttā bhagavatā bahudukkhā
bahupāyāsā, ādīnavo ettha bhiyyo.**
7. ***Rukkhaphalūpamā* kāmā vuttā bhagavatā bahudukkhā
bahupāyāsā, ādīnavo ettha bhiyyo.**
8. ***Asisūnūpamā* kāmā vuttā bhagavatā bahudukkhā
bahupāyāsā, ādīnavo ettha bhiyyo.**
9. ***Sattisūlūpamā* kāmā vuttā bhagavatā bahudukkhā
bahupāyāsā, ādīnavo ettha bhiyyo.**
10. ***Sappasirūpamā* kāmā vuttā bhagavatā bahudukkhā
bahupāyāsā, ādīnavo ettha bhiyyo.**

**Abhīramatāyasmā brahmacariye, māyasmā
sikkhādubbalyaṃ āvikatvā sikkhaṃ paccakkhāya
hīnāyāvattīti./.**

37. TỘI NGŨ TRẦN¹

*Tạng Kinh, Tăng Chi Bộ Kinh, Chương V - Năm Pháp,
Phẩm Người Chiến Sĩ*

1. Ngũ trần như khúc xương không,
Mà con chó đói cố công gặm lý,
2. Ngũ trần như thịt tử thi,
Quạ tranh nhau mổ kể gì thối tha,
3. Ngũ trần như đuốc rơm phà,
Cầm đi ngược gió ắt là phỏng tay,
4. Ngũ trần hầm lửa đỏ gay,
Sa chân xuống đó, hằng ngày khổ đau,
5. Ngũ trần tợ giấc chiêm bao,
Thấy rồi liền mất dễ nào bền dai,
6. Ngũ trần như vật mượn xài,
Xài xong phải trả, giữ hoài được sao?
7. Ngũ trần như trái chín cao,
Nại cây gãy nhánh vỡ đào thợ rừng,
8. Ngũ trần lao kiếm sáng trưng,
Phạm nhằm ắt khổ mưa đừng dễ đuôi,
9. Ngũ trần dao thót đủ đôi,
Người mê đắm bị bằm nhồi nát tan.
10. Ngũ trần đầu rắn hổ mang,
Có hai túi nọc lại càng chó khinh,
Ai tu nấy liệu giữ mình,
Mười điều tội khổ đình ninh chó sòn./

¹ MƯỜI NGŨ TRẦN (NGŨ DỤC).

38. AṬṬHAVISATIPARITTAM

**Namo me sabbabuddhānaṃ
Uppannānaṃ mahesinaṃ
Taṇhaṅkaro mahāvīro
Medhaṅkaro mahāyaso
Saraṇaṅkaro lokahito
Dīpaṅkaro jutindharo
Koṇḍañño janapāmokkho
Maṅgalo purisāsabho
Sumano sumano dhīro
Revato rativaḍḍhano
Sobhito guṇasampanno
Anomadassī januttamo
Padumo lokapajjoto
Nārado varasārathī
Padumuttaro sattasāro
Sumedho appaṭipuggalo
Sujāto sabbalokaggo
Piyadassī narāsabho
Atthadassī kāruṇiko
Dhammadassī tamonudo
Siddhattho asamo loke
Tisso ca vadataṃ varo
Phusso ca varado buddho
Vipassī ca anūpamo
Sikhī sabbahito satthā
Vessabhū sukhadāyako
Kakusandho sattavāho
Koṇāgamano raṇaṇjaho
Kassapo sirisampanno
Gotamo sakyapuṇḡavoti.**

*Tesaṃ saccena sīlena, ~ khantimettabalena ca,
te pi tvaṃ anurakkhantu ~ ārogyena sukhena cā'ti*
*Do nhờ oai lực của sự chân thật, giới luật, kham nhẫn
cùng từ tâm của chư Phật đó; mong chư Phật ấy cũng
hộ trì cho chúng con được thiếu bệnh và an vui./.*

38. HỘ KINH 28 VỊ PHẬT

Thành tâm bái thỉnh chư thiên, --- ngự về hội trước tam đà, Hầu nghe chánh pháp thoát qua cõi đời, --- là thành bốn lạc thánh nơi, --- -- muôn sanh bất diệt là nơi Niết Bàn.

1. Con xin hướng tâm về quá khứ, nghiêm tịnh thân khẩu ý, chấp tay cúi đầu đánh lễ, Đức Phật có hồng danh, **Taṇhaṅkara**, Ngài là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. *(bậc đại hùng)*

2. ... Đức Phật có hồng danh, **Medhaṅkara**, ... *(bậc đại uy)*

3. ... Đức Phật có hồng danh, **Saraṇaṅkara**, ... *(bậc cứu thế)*

4. ... Đức Phật có hồng danh, **Dīpaṅkara**, ... *(bậc đại trí)*

5. ... Đức Phật có hồng danh, **Koṇḍañña**, ... *(bậc thượng sư)*

6. ... Đức Phật có hồng danh, **Maṅgala**, ... *(bậc thượng nhân)*

7. ... Đức Phật có hồng danh, **Sumana**, ... *(bậc thường hoan hỷ)*

8. ... Đức Phật có hồng danh, **Revata**, ... *(thường an lạc)*

9. ... Đức Phật có hồng danh, **Sobhita**, ... *(bậc viên đức)*

10. ... Đức Phật có hồng danh, **Anomadassī**, ... *(bậc siêu nhân)*

11. ... Đức Phật có hồng danh, **Paduma**, ... *(bậc phổ quang)*

12. ... Đức Phật có hồng danh, **Nārada**, ... *(bậc điều ngự)*

13. ... Đức Phật có hồng danh, **Padumuttara**, ... *(bậc đại đạo sư)*

14. ... Đức Phật có hồng danh, **Sumedha**, ... *(bậc vô tỷ)*

15. ... Đức Phật có hồng danh, **Sujāta**, ... *(bậc vô thượng tôn)*

16. ... Đức Phật có hồng danh, **Piyadassī**, ... *(bậc vô thượng sĩ)*

17. ... Đức Phật có hồng danh, **Atthadassī**, ... *(bậc đại bi)*

18. ... Đức Phật có hồng danh, **Dhammadassī**, ... *(bậc vô lượng quang)*

19. ... Đức Phật có hồng danh, **Siddhattha**, ... *(bậc lưỡng túc tôn)*

20. ... Đức Phật có hồng danh, **Tissa**, ... *(bậc vô thượng trí)*

21. ... Đức Phật có hồng danh, **Phussa**, ... *(bậc vô thượng giác)*

22. ... Đức Phật có hồng danh, **Vipassī**, ... *(bậc đại lực)*

23. ... Đức Phật có hồng danh, **Sikhī**, ... *(bậc thiên nhân sư)*

24. ... Đức Phật có hồng danh, **Vessabhū**, ... *(bậc đại từ)*

25. ... Đức Phật có hồng danh, **Kakusandha**, ... *(bậc cứu khổ)*

26. ... Đức Phật có hồng danh, **Koṇāgamaṇa**, ... *(bậc vô nhiễm)*

27. ... Đức Phật có hồng danh, **Kassapa**, ... *(bậc đại hạnh)*

28. Con xin hướng tâm về vị lai, nghiêm tịnh thân khẩu ý, chấp tay cúi đầu đánh lễ Đức Phật có hồng danh **Metteyya**, Ngài là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác.

29. Con xin hướng tâm về hiện kiếp này, nghiêm tịnh thân khẩu ý, chấp tay cúi đầu đánh lễ, Đức Phật có hồng danh **Gotama**, Ngài là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. *(bậc đại trí)*

* Chúng con xin hướng tâm về **quá khứ**, nghiêm tịnh thân khẩu ý, chấp tay cúi đầu đánh lễ, Đức Phật đã giáo hóa chúng sanh trong thời **quá khứ**.

* Chúng con xin hướng tâm về **vị lai**, nghiêm tịnh thân khẩu ý, chấp tay cúi đầu đánh lễ, Đức Phật sẽ giáo hóa chúng sanh trong thời **vị lai**.

* Chúng con xin hướng tâm về **hiện kiếp này**, nghiêm tịnh thân khẩu ý, chấp tay cúi đầu đánh lễ, Đức Phật đang giáo hóa chúng sanh trong **hiện kiếp này**.

KÊ CÁT TƯỜNG CHÂN NGÔN

39. ĀṄGULIMĀLAPARITTA

Suttantapiṭaka, Majjhimanikāya, Āṅgulimāla suttaṃ (86)

**Yato haṃ, bhagini, ariyāya jātiyā jāto, nābhijānāmi
sañcicca pāṇaṃ jīvitaṃ voropetā. Tena saccena sotthi te
hontu sotthi gabbhassa.**

40. KHANDHAPARITTA

Suttantapiṭaka, Āṅguttaranikāya, Ahinda suttaṃ, (Khud, Jātaka số 203)

**Appamāṇo Buddhō, appamāṇo Dhammo; appamāṇo
Saṅgho, pamāṇavantāni sarīsapāni, Ahi vicchikā
satapadī, uṇṇanābhī sarabū mūsikā. Katā me rakkhā
kataṃ me parittaṃ, paṭikkamantu bhūtāni, sohaṃ namo
bhagavato, namo sattannaṃ Sammāsambuddhānaṃ.**

41. MORAPARITTA

Suttantapiṭaka, Khuddakanikāya, Jātaka số 159

**Udetayaṃ^{ngày} (Apetayaṃ^{dêm}) cakkhumā ekarājā,
harissavaṇṇo pathavippabhāso; taṃ taṃ namassāmi
harissavaṇṇaṃ pathavippabhāsaṃ,
tayājja'guttā viharemu divasaṃ.
Ye brāhmaṇā vedagū sabbadhamme, te me namo te ca
maṃ pālayantu.
namatthu Buddhānaṃ namatthu bodhiyā,
namo vimuttānaṃ namo vimuttiyā. Imaṃ so parittaṃ
katvā moro carati esanā^{ngày} (vāsamakappayīti^{dêm})./.**

42. ANANTARIYAKAGĀTHĀ

**Sirasmiṃ me Buddhasetṭho, /Sāriputto ca dakkhiṇe,
Vāma-aṃse Moggallāno, / Puratto piṭakattayaṃ,
Pacchime mama Ānando, / Khiṇāsavā catuddisā,
Samantā lokapālā ca, / Indadevā sabrahmakā,
Etesaṃ ānubhāvena, /Sabbe bhayā upaddavā, Aneka
antarāyāpi, /Vinassantu asesato.**

KỆ CÁT TƯỜNG CHÂN NGÔN

39. CHÚ HỘ SẢN (SANH NỞ ĐƯỢC DỄ DÀNG)

Tạng Kinh, Trung Bộ Kinh, Kinh Angulimāla (86)

Bậc sanh vào thánh tộc
Không tổn hại sanh linh
Nguyện do chân ngôn này
Được tai qua nạn khỏi.

40. CHÚ KHÁNG ĐỘC (PHÒNG TRÁNH RẮN RÍT,...)

Tạng Kinh, Tăng Chi Bộ Kinh, Kinh Ahinda, (Tiểu Bộ, Bốn Sanhsố 203)

Đức Phật là vô lượng, / Đức Pháp là vô lượng
Đức Tăng là vô lượng, / Hung hiểm là hữu hạn
Xin đánh lễ Thế Tôn, / Xin đánh lễ Thất Phật
Đã có sự gia hộ, / Đã có sự bình an.

41. CHÚ BẢO HỘ (TÀI SẢN, KẺ XẤU XÂM HẠI,...)

Tạng Kinh, Tiểu Bộ Kinh, Bốn Sanh số 159

Mặt nhật rạng ngời, / Ánh dương phổ chiếu
Xua tan bóng tối, / Nâng đỡ sự sống
Chư thiên, Phạm thiên, / Xin nhũ lòng từ
Hộ trì người thiện, / Trong tâm có Phật
Trong tâm có Pháp, / Trong tâm có Tăng
Nguyện điều cát tường, / Thành tựu sáng chiều./.

42. KỆ AN LÀNH

Đức Phật ngự trên đầu con, / Ngài Sāriputta ở bên phải
Ngài Moggallāna ở bên trái, / Tam Tạng Pháp Bảo ở trước mặt

Ngài Ānanda ở sau lưng, / Chư A-la-hán ở bốn phương
Chư vị Hộ Thế ở khắp nơi, / Chư Đế Thích cùng chư Phạm Thiên

Mong nhờ oai lực của các ngài, / Tất cả những điều lo sợ
Và những điều rủi ro tai hại, / Thấy đều mau tan biến./.

43. UPATṬHĀNASUTTAM

*Suttantapiṭaka, Saṃyuttanikāya, Paṭhama bhāga,
Sagāthavagga, Vanasaṃyuttam, Vanavagga*

***Uṭṭhehi bhikkhu kiṃ sesi¹,
Ko attho supitena² te,
Āturassa hi kā³ niddā,
Sallaviddhassa ruppato.
Yāya saddhā⁴ pabbajito,
Agārasmānagāriyaṃ,
Tameva saddhaṃ brūhehi,
Mā niddāya vasaṅgamīti./.***

¹ Sopi -Syā.

² Supinena -BJTS.

³ Te -SiMu., Syā.

⁴ Saddhāya -Ma., PTS.

43. KINH CHĂM SÓC

*Tạng Kinh, Tương Ưng Bộ Kinh, Tập I - Thiên Có Kệ,
Chương IX, Tương Ưng Rừng, Phẩm Rừng*

*Tỳ khưu, hãy thức dậy,
Sao Ông vẫn còn nằm?
Ông được lợi ích gì,
Trong giấc ngủ của ông?
Kẻ bệnh, kẻ trúng tên,
Bị đánh sao ngủ được?
Vì lòng tin, xuất gia,
Bỏ nhà, sống không nhà,
Tín ấy cần phát triển,
Chớ để ngủ chinh phục./*

44. NARASĪHAGĀTHĀ

Parivāra-tīkā, Rāhulavatthukathāvaṇṇanā

1. Cakkavarāṅkitarattasupādo
Lakkaṇamaṇḍita-āyatapaṇhī
Cāmarachattavipphūsitapādo
Esa hi tuyha pitā naraśīho.
2. Sakyakumāravarō sukhumālo
Lakkhaṇacittika¹puṇṇasarīro
Lokahitāya gato naravīro
Esa hi tuyha pitā naraśīho.
3. Puṇṇasasaṅkanibho mukhavaṇṇo Devanarāna
piyo naranāgo Mattagajindavilāsitagāmī
Esa hi tuyha pitā naraśīho.
4. Khattiyasambhava-aggakulīno
Devamanussanamassitapādo
Sīlasamādhipatitṭhitacitto
Esa hi tuyha pitā naraśīho.
5. Āyatayutta²susaṇṭhitanāso
Gopamukho abhinīlasunetto
Indadhanū abhinīlabhamūkho
Esa hi tuyha pitā naraśīho.
6. Vattasumaṭṭasusaṇṭhitagīvo
Sīhananū migarājasarīro
Kaṇṇanasucchavi-uttamavaṇṇo
Esa hi tuyha pitā naraśīho.
7. Suddha³sugambhiraṇṇajusughoso
Hiṅgulabandhasuratasujivho
Vīsati vīsati setasudanto
Esa hi tuyha pitā naraśīho.
8. Añjanavaṇṇasunīlasukeso
Kaṇṇanapaṭṭavisuddhalalāṭo
Osadhi paṇḍara suddhasuṇṇo
Esa hi tuyhapitā naraśīho.
9. Gacchatinīlapathe viya cando
Tārakaṇṇapariveṭṭitarūpo
Sāvakamajjhagato samaṇindo
Esa hi tuyha pitā naraśīho.

¹ vitthata -BJTS.

² tuṅga - BJTS.

³ Siniddha -BJTS.

44. KỆ HÙNG SƯ^[1]

1. Đầu bàn chân son quý, nổi dấu in bánh xe thiêng, Tha
thướt gót dài thon, trở lăm vắn chỉ diệu huyền, Lòng bàn
chân tô sẵn, chổi phất tử với lọng tiên,
Đó chính phụ hoàng con, Sư tử vương của Thánh hiền!
2. Dòng Sakya kiêu dũng, tánh quân tử ư tịnh yên,
Phong thái đại trượng phu, tướng tốt thân thấy hiện tiền,
Thường ra tay anh tuấn, độ thế chúng đủ thiện duyên.
Đó chính phụ hoàng con, Sư tử vương của Thánh hiền!
3. Tròn đầy gương trắng sáng, nhan sắc xinh rõ đẹp tươi, Ai
nấy cũng đều yêu, chúa tượng chung giữa trời người, Ngài
dường voi giống quý, dáng đứng đi khéo tự nhiên,
Đó chính phụ hoàng con, Sư tử vương của Thánh hiền!
4. Ngài dòng sang - tông quý, cấp "Khatti" của hoàng gia. Nên
khiến cả nhân thiên, lễ dưới chân chẳng nệ hà, Ngài thường
xuyên tỉnh giác, tuệ tâm đủ giới thiền na,
Đó chính phụ hoàng con, Sư tử vương của Thánh hiền!
5. Dài và cao - thẳng đứng, mũi khác chi mũi Hằng nga, Mắt
biếc tợ bò tợ, khuất dưới nheo mượt nõn nà, Mày Ngài
xanh xanh thắm, thể cái mống tận trời xa,
Đó chính phụ hoàng con, Sư tử vương của Thánh hiền!
6. Tròn đều - tròn - mịn mát, cổ khoáng đạt và hào hoa, Thân
với quai hàm vua, chúa sơn lâm khó sánh qua, Vàng ròng
tuy chất tốt, nước sang kém thua màu da,
Đó chính phụ hoàng con, Sư tử vương của Thánh hiền!
7. Dịu trầm sâu - êm ấm, tiếng thuyết ngân giống đồng chung,
Khi hé mở làn môi, lộ lưỡi son đượm ánh hồng,
Hàng đôi răng ngọc trắng, bốn chục cái đủ trọn nguyên,
Đó chính phụ hoàng con, Sư tử vương của Thánh hiền!
8. Toàn màu xanh như thuốc - nhỏ mắt đau, tóc đậm đen!
Như bát mĩ vàng tây, đánh bóng trơn trán phẳng liền! Bạch
hào^[*] như sao sớm, rực rỡ chói lùc tàn đêm ^[*]lông trắng giữa trán. **Đó
chính phụ hoàng con, Sư tử vương của Thánh hiền!**
9. Đường vàng trắng đi trước, soi mở lối giữa trời đêm, Đông
đủ các vì sao, nổi gót theo bóng ngọc thiền ^[*]Kìa Sa-môn
Đạo Sư, dẫn Tăng chúng bước nhẹ êm
Đó chính phụ hoàng con, Sư tử vương của Thánh hiền!

[*] ám chỉ mặt trăng. [1] Bài kệ này do công chúa Yasodharā chỉ dạy cho Thái tử Rāhula về đức tướng (Lakkhana sutta) của Đức Thế Tôn, khi Ngài đang bộ hành qua các nẻo đường trong thành Kapilavatthu, cùng với đoàn Thánh chúng.

45. KỆ KHUYẾN TU

1. Việc trần thế, khuyên ai phải gẫm
Danh mà chi, lợi lắm mà chi
Bả công danh, bọt nước ra gì
Mùi phú quý, vàng mây tan hợp
2. Sang cho mấy cũng rồi một kiếp
Giàu đến đâu chỉ hưởng một đời
Lẽ tử sanh đeo đuổi kiếp người
Thân tứ đại lấy đâu làm chắc
3. Kìa! Sanh tử thấy liền trước mắt
Chốn mộ phần lắm kẻ thanh xuân
Tấm thân này vốn chỉ giả thân
Nay còn đó, mai chưa chắc được
4. Phần nổi bệnh, nổi già thúc phược
Sống trên đời, sống được bao lâu?
Mới tóc xanh kể đã bạc đầu
Rồi lại đến gò hoang một nấm
5. Ôi! Hơi thở - khí nhân duyên mượn tạm
Một sớm vô thường trả lại thôi
Muôn việc đều nương mấy tắc hơi
Hơi vừa dứt, việc đời cũng dứt
6. Nào sự nghiệp, nhân thân, tài vật
Nhắm mắt rồi lại nắm tay không
Sanh giả, không, hề! Tử giả, không
Đất, nước, lửa - có đâu tồn tại?!
7. Rồi tử sanh, luân hồi mãi mãi
Nổi trôi theo bể khổ trầm luân
Gẫm ngán thay định luật Vô Thường
Khuyên nhân thế tầm đường giải thoát
8. Nếu chí nguyện thanh cao mong đạt Cẩn
nương theo Giáo Pháp Phật Đà
Dốc một lòng tự giác, giác tha
Hành Bát Chánh hướng về Đạo Quả
9. Kíp thức tỉnh, mê đồ buông xả
Thôi đắm say huyễn hóa hồng trần
Ly não phiền, Phật cảnh cao đăng
Thành chánh quả vô sanh bất diệt./.

46. KỆ TỈNH THỨC

1. Lẽ tử sanh xưa nay thường sự,
Khổ biệt ly muôn thuở đương nhiên,
Khách hồng trần trăm nỗi đảo điên,
Bậc thiện trí vượt ngoài hệ lụy,
2. Cuộc trầm luân khởi từ vô thủy,
Nước mắt nhiều hơn bốn đại dương,
Đã bao đời dâu bể tang thương
Xương trắng trải phủ đầy đại địa,
3. Dù một kiếp trọn vui không dễ,
Những phù du hưng phế đổi thay,
Tuổi thanh xuân gấm có bao ngày,
Già đau chết hỏi ai tránh khỏi,
4. Kìa bao cuộc thăng trầm danh lợi,
Những nhục vinh kết nối liền nhau,
Khi qua rồi còn lại niềm đau,
Gió đời thổi phàm tâm xao động,
5. Kìa yêu thương buồn vui huyễn mộng,
Tình thân nhân bằng hữu phu thê,
Thương phải xa, ghét phải gần kề,
Ai trọn kiếp không điều ngang trái,
6. Kìa sự nghiệp bạc vàng của cải,
Đổ mồ hôi nước mắt dựng xây,
Vật ở đời tay lại qua tay,
Buông tất cả khi tàn hơi thở,
7. Kìa kiến chấp hữu vô ngã sở,
Bao tị hiềm cùng chuyện can qua,
Lắm dỗi dằn trong mỗi sát na,
Hạnh phúc đó nào phiền cũng đó,
8. Người trí hiểu căn nguyên thống khổ,
Tìm hướng đi thoát ngỗ quần quanh,
Ngược dòng mê chánh đạo thực hành,
Chứng thánh quả đoạn mầm sanh tử./.

47. KHÁCH LỮ HÀNH

1. Hỡi người khách lữ hành trên cõi thế!
Đi lang thang vô định đã bao đời!
Vòng tử sanh sanh tử, nẻo luân hồi
Trong tam giới xoay đi rồi chuyển lại!
2. Vô lượng kiếp khóc cha rồi khóc mẹ
Khóc vợ con, quyến thuộc kẻ thân yêu
Khóc cửa nhà, tài sản sớm tiêu điều!
Rồi muôn kiếp khóc than bao cảnh khổ,
3. Những giọt lệ đắng cay người đã đổ
Còn hơn nhiều nước mặn khắp trùng dương!
Hỡi người khách lữ hành trên cõi thế!
Đi lang thang vô định đã bao đời
4. Vòng tử sanh sanh tử, nẻo luân hồi
Trong tam giới kiếp này rồi kiếp khác
Từ vô thủy mỗi đời người bỏ xác
Khắp địa cầu phủ trắng đồng xương khô!¹/.

(Upāsaka Huỳnh Thanh Long)

48. KÊ BÁ NHẪN

Sự nóng giận rất nhiều mãnh lực
Khi phát sanh tích cực vô cùng
Múa men la ó lung tung
Mặt xanh, mắt đỏ, giận run cả người
Ráng dập tắt tánh tình sân hận
Tiền đức xưa căn dặn lắm lần
Người mà tánh nết không sân
Nhẫn Ba-la-mật khỏe thân lạ thường
Người muốn thắng để nhường người thắng
Hay giỏi chi cứng rắn tranh đời
Làm thinh chẳng thốt một lời
Giữ thân nhẫn nại không rời Phật ngôn Đối
khát vẫn ồn tồn thái độ

¹ Trích từ 'Ba Đặc Tướng Của Đời Sống', Phạm Kim Khánh

Nhìn sự vui thú ngỗ nguê
Nhìn luôn những tiếng khen chê của đời
Nhìn cả thấy những lời đâm thọc
Nóng lạnh cùng rắn độc các loài
Rủi ro gặp lúc nạn tai
Cũng đều nhìn hết chẳng sai tấc lòng
Nhìn cả thấy muôn mòng gió nắng
Mới gọi là Bá nhân trăm lần
Phước báu to lớn muôn phần
Theo lời Phật dạy ân cần suy tôn
Có Pháp nhân suy tồn của quý
Cả thấy ai thượng trí trong đời
Sửa trau sắc đẹp cho người
Đều do nhân nại Pháp thời thật cao
Pháp nhân nại khác nào kiêu lộ
Hoặc ví như xe cộ rước người
Hiền nhân trí thức trên đời
Sanh về nhân cảnh cõi trời thiếu chi
Nếu gồm đủ nhiều khi phước đức
Nhập Niết Bàn lập tức chẳng sai
Nhân nại hạnh phúc hỡi ai
Không hao của cải phước hoài chảy vô
Mỗi người thấy hoan hô khen ngợi
Đến xứ nào được lợi như thường
Chư Thiên, Người thấy đều thương
Do nhờ Nhân Nại thường thường quen tâm Xin
nhắc nhở người tầm đạo đức
Trì giới và ráng sức tham thiền
Bố thí, nhân nại chẳng kiên
Bao nhiêu công quả phước điền như không./.

49. KỆ NGỌN CỜ CHÂN LÝ

Hãy giương cao ngọn cờ Chân lý!
Hãy hoằng dương Chánh Pháp cao minh
Những lúc bàn tay kinh khủng
Lạnh lùng siết chặt tim ta,
Đừng tưởng nhớ đến chư Thiên, Thần Thánh,
Vì như ta, họ cũng run sợ hãi hùng.
Giữa rừng già hiu quạnh, trong bóng tối chập chùng,
Khi ngọn đèn hy vọng lao chao muốn tắt;
Đừng tưởng nhớ đến chư Thiên, Thần Thánh;
Vì như ta, ánh sáng họ cũng tàn.
Trong giờ phút biệt ly hấp hối,
Lời ghen giữa đôi môi, lệ trào như suối,
Đừng tưởng nhớ đến chư Thiên, Thần Thánh,
Vì như ta, họ cũng nhỏ lệ biệt ly.
Hãy ngược mắt lên! Nhìn ngọn cờ Tam Bảo,
Tưởng nhớ đến Đức Thế Tôn, bậc chiến thắng oai hùng,
Đến Chánh Pháp, ánh sáng huy hoàng vĩnh cửu,
Đến Tăng Già, hội chúng giới tịnh đức cao.
Hỡi đạo hữu!
Là chiến sĩ giữa quân thù 'phiền não',
Mắt đừng lìa ngọn Tam Bảo uy kỳ,
Tâm đừng xa ân đức Phật - Pháp - Tăng,
Hãy dũng tiến trên con đường 'Giải Thoát'./.

50. KỆ SÁM HỐI

(Tụng đêm 14 (hay Rằm) và 30 trong mỗi tháng)

Cúi đầu lạy trước Bửu Đài,
Con xin sám hối từ rày ăn năn,
Xưa nay lỡ phạm điều răn,
Do thân, khẩu, ý bị màn vô minh,
Gây ra nghiệp dữ cho mình,
SÁT SANH hại vật chẳng tình xót thương,
Giết ăn hoặc bán không lường,
Vì lòng tham lợi quên đường thiện nhân,
Oan oan tương báo cõi trần,
Trầm luân biển tối chịu phần khổ lao,
Xét ra nhân, vật khác nào,
Hại nhân, nhân hại mắc vào trả vay,
Lại thêm TRỘM SẮN cướp tài,
Công người cực nhọc hằng ngày làm ra,
Lòng tham tính bầy, lo ba,
Mưu kia, kế nọ, lấy mà nuôi thân,
Hoặc nuôi quyến thuộc xa gần,
Làm cho người phải lấm lèn than van,
TÀ DÂM tội nặng muôn ngàn,
Liệu toan chước sách làm đàng chẳng ngay,
Vợ con người phải lấm thay,
Mất trinh thất tiết phải tai tiếng đời,
Xấu cha hổ mẹ nhiều lời,
Xa lìa chồng vợ rẽ rời lứa đôi,
VONG NGÔN giả dối ngoài môi,
Chuyện không nói có, có rồi nói không,
Dùng lời đâm thọc hai lòng,
Phân chia quyến thuộc, vợ chồng, anh em,
Mắng nhiếc chửi rửa pha gièm,
Xóm làng cô bác chị em không chừa,
Nói lời vô ích dây dưa,
Phí giờ quý báu hết trưa đến chiều,
UỐNG RƯỢU sanh hại rất nhiều,
Ham ăn mê ngủ nói điều chẳng kiêng

Say sưa ngã gió đi xiên,
Nằm bờ té bụi như điên khác nào,
Loạn tâm cuồng trí mòn hao,
Nhiều người vì rượu biết bao hư nhà,
XAN THAM những của người ta,
Mong sao đoạt được lòng tà mới ưng,
NẾT SÂN nóng giận không chừng,
Toan làm hại chúng bâng khuâng trong lòng,
SI MÊ tin chạ chẳng phòng,
Nghe đâu theo đó không thông chánh tà.
Chẳng tin Phật Pháp cao xa,
Thậm thâm vi diệu bao la trên đời,
Nếu con cố ý phạm lời,
Hoặc là vô ý lỗi thời điều răn,
Hoặc xúi kẻ khác bạo tàn,
Hoặc nghe thấy ác lòng hằng vui theo,
Phạm nhằm ngũ giới thập điều
Vì nhân thân, khẩu, ý nhiều lầm sai,
Lỗi từ kiếp trước lâu dài,
Đến kiếp hiện tại miệt mài lắm phen,
Hoặc vì tà kiến đã quen,
Khinh khi Tam Bảo lòng bèn chẳng tin,
Cho rằng người chết hết sinh,
Phạm vào ĐOẠN KIẾN tội tình nặng thay,
Hoặc phạm THƯỜNG KIẾN tội dày,
Sống sao đến thác, sanh lai như thường,
Tội nhiều kể cũng không lường,
Vì con ngu dốt không tường phân minh,
Dễ đuổi Tam Bảo, tại mình,
Bởi nhân không thấu vô minh nghiệp tà,
Cho nên tâm tánh mới là,
Tối tăm chẳng rõ sai ngoa thuở đầu,
Hóa nên khờ dại đã lâu,
Để cho hoàn cảnh mặc dầu kéo xoay
Khác nào bèo bị gió quay,
Lênh đênh giữa biển dạt dờ bờ sông,

Xét con tội nặng chập chồng,
Kiếp xưa cho đến hiện trong kiếp này,
Con xin sám hối từ đây,
Nguyện cầu Tam Bảo đức dày độ cho,
Tội xưa chẳng hạn nhỏ to,
Con nguyện dứt cả chẳng cho thêm vào,
Tâm lành dốc chí nâng cao,
Cải tà quy chánh chú vào Phật ngôn,
Cho con khỏi chốn mê hồn,
Đến nơi cửa Phật Thế Tôn gần kề,
Thoát vòng khổ não tối mê,
Hưởng niềm cực lạc mọi bề thanh thoi,
Ngày nay dứt bỏ việc đời,
Căn lành gieo giống chẳng rời công phu,
Mặc ai danh lợi bên xu,
Con nguyện giữ hạnh người tu thoát trần,
Trước là độ lấy bốn thân,
Sau giúp quyến thuộc được phần tiêu diêu,
Sám hối tội lỗi đủ điều,
Duyên lành đều cũng ít nhiều kết xây,
Con xin hồi hướng quả này,
Thấu đến quyến thuộc nơi đây cho tường,
Cùng là thân thích tha phương,
Hoặc đã quá vãng hoặc thường hiện nay,
Chúng sanh ba giới bốn loài,
Vô tướng, hữu tướng chẳng nài dâu dàu,
Nghe lời thành thật thỉnh cầu,
Xin mau tựu hội lãnh thâu quả này,
Bằng ai xa cách chưa hay,
Cầu mong^(xin) Thiên chúng mách ngay với cùng,
Thấy đều thọ lãnh hưởng chung,
Dứt rồi tội lỗi thoát vòng nạn tai,
Nguyện nhiều Tăng chúng đức tài,
Đạt thành Thánh quả hoằng khai đạo lành,
Nguyện cho Phật Pháp thanh hành,
Năm ngàn năm chấn phước lành thế gian./.

51. DEVĀNUMODANĀ

1. Ākāsaṭṭhā ca bhummatthā
Devā nāgā mahiddhikā
Puññaṃ no anumodantu
Ciraṃ rakkhantu *sāsanam*¹
2. Ākāsaṭṭhā ca bhummatthā
Devā nāgā mahiddhikā
Puññaṃ no anumodantu
Ciraṃ rakkhantu *no garū*²
3. Ākāsaṭṭhā ca bhummatthā
Devā nāgā mahiddhikā
Puññaṃ no anumodantu
Ciraṃ rakkhantu *ñātayo*³
4. Ākāsaṭṭhā ca bhummatthā
Devā nāgā mahiddhikā
Puññaṃ no anumodantu
Ciraṃ rakkhantu *pāṇino*⁴
5. Ākāsaṭṭhā ca bhummatthā
Devā nāgā mahiddhikā
Puññaṃ no anumodantu
Ciraṃ rakkhantu *no sadā*⁵./.

¹ Giáo Pháp,

² Thầy Tổ của chúng con (*rājano*: các vị vua, tướng lãnh, bộ trưởng, ...)

³ Quyển thuộc, bà con, thân nhân (người chúng ta đã biết: *ñātā*).

⁴ Chúng sanh.

⁵ Chúng con (*no*); luôn luôn (*sadā*).

51. HỒI HƯỚNG CHƯ THIÊN

Chư Thiên ngự trên hư không
Địa cầu thượng ngự rõ thông mọi điều
Long vương thần lực có nhiều
Đồng xin hoan hỷ phước đều chúng tôi
Hộ trì Phật Giáo tăng bồi
Các bậc Thầy tổ an vui lâu dài
Quyến thuộc tránh khỏi nạn tai
Chúng sanh được hưởng phước dài bền lâu
Chúng tôi vui thú đạo mầu
Tu hành tinh tấn ngộ hầu siêu sanh./ [KX]

52. HỒI HƯỚNG CHO NGƯỜI QUÁ VẮNG

(... phần cuối của kệ Sám Hối 14 [hay Rằm] và 30)

Con xin hồi hướng quả này,
Thấu đến quyến thuộc nơi đây cho tường,
Cùng là thân thích tha phương,
Hoặc đã quá vãng hoặc thường hiện nay
Chúng sanh ba giới bốn loài,
Vô tướng hữu tướng chẳng nài đâu đâu,
Nghe lời thành thật thỉnh cầu,
Xin mau tựu hội lãnh thâm quả này
Bằng ai xa cách chưa hay,
Cầu mong^(xin) Thiên chúng mách ngay với cùng,
Thấy đều thọ lãnh hưởng chung,
Dứt rồi tội lỗi thoát vòng nạn tai,
Nguyện nhiều Tăng chúng đức tài,
Đạt thành Thánh quả hoằng khai đạo lành
Nguyện cho Phật Pháp thanh hành,
Năm ngàn năm chấn phước lành thế gian./ [KX]

53. PUÑÑĀNUMODANĀ (PATTIDĀNA)

**Yaṃ kiñci kusalakammaṃ
Kattabbaṃ kiriyaṃ mama
Kāyena vācāmanasā
Tidase sugataṃ kataṃ.**

**Ye sattā saññino atthi
Ye ca sattā asaññino,
Kataṃpuññaphalaṃ mayhaṃ
Sabbe bhāgī bhavantu te,**

**Ye taṃ kataṃ suviditaṃ
Dinnaṃ puñña-phalaṃ mayā,
Ye ca tattha na jānanti,
Devā gantvā nivedayaṃ:**

**Sabbe lokamhi ye sattā
Jīvantāhārahetukā
Manuññaṃ bhojanaṃ
Sabbe labhantu mama cetasāti./.**

53. HOAN HỖ PHƯỚC

Phước căn con đã tạo thành,
Do thân, khẩu, ý tu hành gieo nên,
Đều là phước báu vững bền,
Có thể tiếp chúng độ lên thiên đàng,
Cung trời Đạo Lợi¹ thọ nhàn,
Chúng sanh hữu tướng nhân gian Ta bà,
Chư Thiên, Phạm Thiên cùng là,
Bậc trời vô tướng được mà hưởng an,
Phước con hồi hướng dâng ban,
Chúng sanh hay biết hoàn toàn lãnh thâu,
Bằng ai chưa rõ lời cầu,
Xin cùng Thiên chúng đến hầu mách ngay,
Có người làm phước được rày,
Lại đem hồi hướng, hiện ngay khắp cùng,
Chúng sanh hoan hỷ lãnh chung,
Hưởng được phước quý ung dung thanh nhàn,
Chúng sanh thế giới các hàng,
Bởi nhờ thọ thực sanh an mạng trường,
Xin thâu phước báu cúng dường,
Hóa thành thực phẩm mùi hương thỏa lòng./.

54. KẾ PHỤC NGUYỆN

Phước lành con đã tạo ra,
Các đời quá khứ hay là đời nay,
Nghiệp chưa cho quả phước nào,
Nguyện thành Pháp độ để vào thiện căn,
Sau này dù tạo mấy lần,
Từ đây cho đến siêu thắng Niết Bàn,
Hãy làm chuyện tốt sẵn sàng,
Mỗi điều hạnh phúc thành đoàn nhân duyên,
Giúp cho phiền não sớm yên,
Trợ mau giải thoát kế liền kiếp sau,
Nếu trễ chẳng gặp Phật nào,
Nhằm kỳ Độc Giác làm sao cũng thành./.

¹Tāvātimsa

55. PAṬIDĀNAGĀTHĀ

Yā devatā santi vihāravāsini,
Thūpe ghare bodhighare tahiṃ tahiṃ.
Tā dhammadānena bhavantu pūjitā,
Sotthiṃ karontedha vihāramaṇḍale.
Therā ca majjhā navakā ca bhikkhavo,
Sārāmikā dānapatī upāsakā,
Gāmā ca desā nigāmā ca issarā,
Sappāṇabhūtā sukhitā bhavantute.

Jalābujā ye pica aṇḍasambhavā,
Saṃsedajātā athavopapātikā,
Niyyānikaṃ dhammavaraṃ paticcate,
Sabbepi dukkhassa karontu samkhayaṃ.

Thātu ciraṃ sataṃ dhammo.
Dhammaddharā ca puggalā.
Saṅgho hotu samaggo va,
Atthāya ca hitāya ca.

Amhe rakkhatu saddhammo,
Sabbepi dhammacārino.
Vuḍḍhiṃ sampāpuṇeyyāma,
Dhammāriyappavedite./.

56. DEVATĀGATĀ

1. Ettāvatā ca amhehi, sambhataṃ puññasampadaṃ,
Sabbe devānumodantu, sabbasampattisiddhiyā.
2. Dānaṃ dadantu saddhāya, sīlaṃ rakkhantu sabbadā,
Bhāvanābhīratā hontu, gacchantu devatāgatā.
3. Sabbe Buddhā balappattā, paccekānañca yambalaṃ,
Arahantānañca tejena, rakkhaṃ bandhāmi sabbaso./.

55. NGƯỠNG NGUYỄN CHƯ THIÊN

Ngưỡng cầu các đấng chư Thiên Trong
vòng tịnh xá ngự yên hằng ngày Ngự
nơi đền tháp xưa nay
Những nơi biệt thất, nơi cây Bồ Đề
Chúng con xin hội họp về
Sẽ dùng pháp thí tiện bề cúng dâng
Rồi xin hộ độ chư Tăng
Cửa từ ẩn nấu, phước hằng hà sa
Tỳ khuru chẳng luận trẻ già
Cao hạ, trung hạ, hoặc là mới tu
Thiện nam, tín nữ công phu
Đều là thí chủ, đồng phù trợ nhân
Những người trong khắp thôn lân
Kiều cư châu quận được phần an khương
Chúng sanh bốn loại thông thường
Noãn, thai, thấp, hóa, khi nương pháp lành
Giải thoát Pháp Bảo nên hành
Đặng mà dứt khổ, truyền quanh đọa đày
Cầu cho hưng thịnh lâu dài
Pháp thiện trí thức các ngài mở mang
Bậc tu xin được bình an
Cầu cho Tăng chúng các hàng hòa nhau
Lại thêm phẩm hạnh thanh cao
Những quả lợi ích đến mau kịp thì
Cầu mong^(xin) Pháp Bảo hộ trì
Cho người tu đã quy y Phật rồi
Xin cho cả thầy chúng con
Tấn hóa trong Pháp, Phật roi giáo truyền./ [KX]

56. THỈNH CHƯ THIÊN HỒI QUY

1. Mong chư thiên hoan hỷ quả phước của chúng tôi đã tạo, /cho được thành tựu những hạnh phúc./
2. Chúng nhân hãy bố thí, /hãy trì giới, /hãy là người vui thích tham thiền niệm Phật thường thường. /Chư thiên đã đến rồi, /xin thỉnh các ngài hồi quy./
3. Tất cả đức Chánh Biến Tri đều duy trì oai lực, /chư Độc Giác cũng có oai lực, /các bậc A-la-hán cũng có oai lực; /tôi xin kết hợp sự duy trì /bằng cách phát quang hoàn toàn các oai lực ấy./

57. PATTHANĀ

Iminā puñña kammaṇa
Māme bāla samāgamo
Sataṃ samāgamo hotu
Yāva nibbāna pattiyaṃ.

Imāya dhammānudhammapaṭipattiyaṃ Buddhaṃ pūjemi.
Imāya dhammānudhammapaṭipattiyaṃ Dhammaṃ pūjemi.
Imāya dhammānudhammapaṭipattiyaṃ Saṅghaṃ pūjemi.
Imāya dhammānudhammapaṭipattiyaṃ mātāpitaro pūjemi.
Imāya dhammānudhammapaṭipattiyaṃ ācariya pūjemi.
Addhā imāya paṭipadāya Jarāmaraṇaṃhā parimuccissāmi.

- (1). Idaṃ no¹ ñātinaṃ hotu sukhitaṃ hontu ñātayo. (3x)
(2). Imaṃ puññābhāgaṃ mātāpitu-ācariya-ñāti-
mittānañceva sesasabbasattānañca dema, sabbe pi te
puññaṃ pattiṃ laddhāna sukhitaṃ hontu.
(3). Idaṃ vata me puññaṃ āsavakkhayāvahaṃ hontu
anāgate kāle².
(4). Idaṃ me *dhammadānaṃ* āsavakkhayāvahaṃ hotu.
(5). Idaṃ me puññaṃ^(dānaṃ), nibbānassa paccayo hotu!

58. BHAVATU LOKO

Devo vassatu kālena
Sassa sampatti hetu ca
Phīto bhavatu loko ca
Rājā bhavatu dhammikā.

59. BUDDHASĀSANAM CIRAṃ TIṬṬHATU! (3x) SĀDHU! SĀDHU! LÀNH THAY!



¹no: chúng con, vo: các người, quý vị (Sri Lanka: me: con).

²Sau khi làm việc phước như bố thí, trì giới, tham thiền ..., cần phải nguyện để dứt khỏi lòng ham muốn và mong cầu giải thoát khỏi khổ sanh tử luân hồi trong ngày vị lai.

57. NGUYỆN CẦU

Do phước lành đã tạo
Con không gặp kẻ ngu
Bậc trí luôn thân cận
Cho đến khi Niết Bàn!

Do sự hành trì Chánh Pháp, con xin cúng dường Phật Bảo. Do sự hành trì Chánh Pháp, con xin cúng dường Pháp Bảo. Do sự hành trì Chánh Pháp, con xin cúng dường Tăng Bảo. Do sự hành trì Chánh Pháp, con xin cúng dường cha mẹ. Do sự hành trì Chánh Pháp, con xin cúng dường thầy tổ. Do sự hành trì này, nguyện cho con thoát khỏi *già và chết*.

(1). Do sự phước báu mà chúng con đã trong sạch làm đây; /xin hồi hướng đến thân bằng quyến thuộc *đã quá vãng* còn đang hiện tiền, /cầu mong cho các vị ấy hằng được sự an vui.

(2). Chúng con xin thành tâm chia phước, hồi hướng đến ông bà, cha mẹ, thầy tổ, thân quyến, bạn hữu cùng tất cả chúng sinh từ cõi địa ngục, atula, ngạ quỷ, súc sinh, nhân loại, chư Thiên trong các cõi trời dục giới, chư Phạm Thiên trong các cõi trời sắc giới,... tất cả các vị ấy hoan hỷ thọ nhận phần phước thiện pháp thí thanh cao này, cầu mong cho các vị ấy giải thoát mọi khổ đau, được an lạc lâu dài.

(3). Do sự **phước báu** mà chúng con đã trong sạch làm đây; hãy là **pháp** ^{mối} duyên lành, để dứt khỏi những điều ô nhiễm, ngừng nơi tâm trong ngày vị lai.

(4). Do phước thiện **pháp thí** thanh cao mà chúng con đã trong sạch làm đây, hãy là pháp duyên lành dẫn dắt chúng con chứng đắc Thánh Đạo A-la-hán, Thánh Quả A-la-hán, và Niết Bàn, đoạn tận mọi phiền não trầm luân, giải thoát khổ sanh tử luân hồi trong ba giới bốn loài.

(5). Do sự **phước báu** ^(cúng dường) mà chúng con đã trong sạch làm đây, hãy là pháp duyên lành để thành tựu Đạo Quả Niết Bàn trong ngày vị lai!

58. CẦU CHÚC THẾ GIỚI

Cầu cho mưa thuận, gió hòa,
Cho cây nảy lộc, cho mầm tốt tươi
Mong cho thế giới sang giàu Đức
Vua chánh trực, hiền hòa an vui.

59. MONG CHO PHẬT PHÁP ĐƯỢC TRƯỜNG TỒN! (3x) SĀDHU! SĀDHU! LÀNH THAY!

60. YĀNADĀNĀNUMODANA-GĀTHĀ

1. Annam pānam vattham yānam, mālā gandham
vilepanam, seyyāvasatham padīpeyyam, dānavatthū
ime dasa.
2. Annado balado hoti. ~ Vatthado hoti vaṇṇado.
Yānado sukhado hoti. ~ Dīpado hoti cakkhudo.
Manāpadayī labhate manāpaṃ.
Aggassa dātā labhate punaggaṃ.
Varassa dātā varalābhī ca hoti.
Seṭṭhandado seṭṭhamupeti ṭhānaṃ.
3. Aggadāyī varadāyī, ~ seṭṭhadāyī ca yo naro.
Dīghāyu yasavā hoti, ~ yattha yatthūpapajjati.
4. Etena saccavajjena, ~ suvatthi hotu sabbadā,
Ārogyasukhañceva, ~kusalañca anāmayaṃ./.

61. TĀN THÁN CÚNG DƯƠNG LIÊU CỐC

Sītaṃ uṇhaṃ paṭihanti¹, tato vāḷamigāni ca;
Sarīsape² ca makase, sisire cāpi vuṭṭhiyo.
Tato vātātapo ghorō, sañjāto³ paṭihaññati;
Leṇatthañca sukhatthañca, jhāyituñca vipassituṃ.
Vihāradānaṃ saṅghassa, aggaṃ buddhena⁴ vaṇṇitaṃ;
Tasmā hi paṇḍito, poso sampassaṃ atthamattano.
Vihāre kāraye ramme, vāsayettha bahussute;
Tesaṃ annañca pānañca, vatthasenāsanāni ca;
Dadeyya ujubhūtesu, vippasannena cetasā.
Te tassa dhammaṃ desenti, sabbadukkhāpanūdanaṃ;
Yaṃ so dhammaṃ idhaññāya, parinibbāti anāsavo”ti./.

¹ paṭihanati

² sirīmsape.

³ vātātape ghore, sañjāte (ka. saddanīti)

⁴ buddhehi (Syā.)

60. KỆ VỀ SỰ HOAN HỖ THEO VẬT THÍ

1. Cả 10 vật thí này là: Cơm; Nước; Y phục; Xe, Thuyền; Tràng hoa; Vật thơm; Dầu thoa; Liều Cốc; và Đèn đuốc./
2. **Người thí vật thực, gọi là cho sức lực.**
Người thí y phục, gọi là cho sắc đẹp./
Người thí xe thuyền, gọi là cho sự an vui./
Người thí đèn đuốc, gọi là cho mắt sáng./
Người thí vật vừa lòng, hằng được vật vừa lòng./
Người thí vật quý trọng, hằng được vật quý trọng./
Người thí vật đẹp, hằng được vật đẹp./
Người thí chỗ quý trọng, hằng đi đến nơi quý trọng./
3. Những người nam nữ thí vật quý, /thí vật đẹp, và chỗ quý trọng. /Những người nam nữ ấy, /thọ sanh ở cõi nào, /hằng được trường thọ, /được cao sang trong cõi ấy. (*)
4. Do lời chân thật này, /cầu mong được thanh lợi, /được an vui, /được mạnh khỏe, /được dễ dàng hằng phát sanh đến người!/. [KX]

(*) **Lưu ý:** (chỉ cần tụng đọc từ số 2 đến số 3 là đầy đủ ý nghĩa)

61. TÁN THÁN CÚNG DƯỜNG LIỀU CỐC

Trú xá ngăn ngừa nóng lạnh, ~ Và các loài thú dữ,
Các loài rắn, muỗi mòng, ~ Luôn các cơn mưa lạnh.
Cơn gió nóng dữ dội, ~ Sanh lên bị dội lại.
Sự bố thí trú xá, ~ Đến hội chúng để hành
Thiền định và minh sát ~ Dem lại sự nương náu
Dem lại sự an lạc, ~ Đã được chư Phật Đà
Ngợi khen là tối thắng, ~ Vì thế người trí tuệ
Thấy lợi ích cho mình, ~ Cho xây trú xá đẹp
Để các bậc đa văn, ~ Có thể ngụ nơi ấy.
Nên cúng dường cơm nước, ~ Y áo, chỗ trú ngụ
Đến các chân tu ấy, ~ Có tâm tư thanh tịnh.
Đến người, các vị thuyết, ~ Pháp xua mọi khổ đau
Người thấy pháp đời này, ~ Không còn ô nhiễm nữa
Và chứng ngộ Niết Bàn./

62. PUBBA-PETA-BALIDĀNĀNUMODANA-GĀTHĀ

1. Yaṃ kiñcārammaṇaṃ katvā,
Dajjā dānamamaccharī.
Pubbapete ca ārabbha,
Athavā vatthudevātā.

2. Cattāro va mahārāje,
Lokapāle yasassino,
Kuverañca Dhataratṭhaṃ,
Virūpakkhaṃ Virūlhakaṃ.

3. Te ceva pūjitā honti,
Dāyakā ca anipphalā.
Nahi ruṇṇaṃ vā soko vā,
Yāvaññā paridevanā.

4. Na taṃ petānamatthāya,
Evaṃ tiṭṭhanti ñātayo.
Ayañca kho dakkhiṇā dinnā,
Saṅghamhi supatiṭṭhitā,
Dīgharattaṃ hitāyassa,
Tṭhānaso upakappati./.

62. KỆ HỒI HƯỚNG PHƯỚC ĐẾN NGẠ QUÝ¹

(Hồi hướng cho các bậc ân nhân đã quá vãng)

1. Những người đã làm được việc lành trong hoàn cảnh nào, /trước hết phải tưởng đến cha mẹ đã quá vãng.
/Phải tưởng đến chư Thiên, /ngự trong các nơi, /nhất là ngự trong nhà, /mà chẳng nên bỏn xẻn, /nên làm việc phước thí.
2. Lại phải tưởng đến Tứ Đại Thiên Vương, /hộ trì 4 châu thiên hạ:/
Một là đức Vua Kuvera,/
Hai là đức Vua Dhatarattha,/
Ba là đức Vua Virūpakkha,/
Bốn là đức Vua Virūlhaka,/
Là chúa cả chư Thiên, /có đủ sự sang cả./
3. Chúa chư Thiên ấy, /nếu được người cúng dường, /do phép hồi hướng, /người làm được phước lành đã hồi hướng ấy, /chẳng phải không hiệu quả, /mà chắc thật được sự quả báo. /Còn như các sự than khóc, /uất ức, /hoặc thương tiếc, /thầy đều vô ích./
4. Nhất là sự than khóc chẳng ích chi cho người quá vãng.
/Khi người khóc lóc, /thương tiếc, /uất ức, /ăn năn, /sau này đều là sự vô ích không không. /Vì người quá vãng chẳng được nghe và biết những điều ấy./
Nếu Dakkhiṇādāna², /mà người đã cúng dường rồi, /là phước thí đến chư Tăng./
Dakkhiṇādāna ấy, /mới được kết quả lợi ích lâu dài, /đến những quyền thuộc đã quá vãng, /do nhờ hiệp theo duyên có./ [KK]

¹ Vong nhân (người đã quá vãng): **peta** (ngạ quỷ).

² Bồi thí đến người có giới hạnh.

63. ANUMODANĀRAMBHA-GĀTHĀ

- i. Yathā vārivahā pūrā,
Paripūrenti sāgaram.
Evameva ito dinnaṃ,
Petānaṃ upakappati.
- ii. Icchitaṃ paṭṭhitaṃ tumhaṃ,
Khippameva samijjhatu.
Sabbe pūrentu saṅkappā.
- iii. Cando paṇṇaraso yathā,
Maṇijotiraso yathā./.

64. SĀMAÑÑĀNUMODANA-GĀTHĀ

- iv. Sabbītiyo vivajjantu.
Sabbarogo vinassatu. Mā
te bhavatvantarāyo,
Sukhī dīghāyuko bhava.
- v. Abhivādanasīlissa, Niccaṃ
vuḍḍhāpacāyino,
Cattāro dhammā vaḍḍhanti,
Āyu vaṇṇo sukhaṃ balaṃ./.

63. KỆ BỐ CÁO (CHO THÍ CHỦ) HOAN HỖ

1. Các con đường nước đầy đủ, /nhất là sông và rạch làm cho biển được đầy đủ, /cũng như sự bố thí mà thí chủ đã làm trong lúc hiện tại đây, /cầu mong^(xin) cho được kết quả đến những người đã quá vãng./
2. Cầu mong^(xin) các quả lành mà người đã mong mỏi, /cho được mau thành tựu kịp thời đến người. /Cầu mong^(xin) những sự suy xét chơn chánh cho được tròn đủ đến người./
3. Như trăng trong ngày rằm, /bằng chẳng vậy cũng như ngọc Ma-ni chiếu sáng rõ ràng, /là ngọc quý báu, /có thể làm cho tất cả sự ước ao của người đều được như nguyện./ ^[KX]

64. KỆ HOAN HỖ TƯƠNG HỢP

1. Cầu mong^(xin) cho tất cả sự rủi ro của người đều được xa lánh. /Cầu mong^(xin) cho tất cả tật bệnh của người đều được dứt khỏi. /Sự tai hại cũng chẳng có đến cho người. /Cầu mong^(xin) cho người được sự an vui trường thọ./
2. Cả 4 pháp chúc mừng, /là sống lâu, /sắc đẹp, /an vui, sức mạnh; /hằng thêm đến người, /là người năng nghiêng mình lễ bái, /cúng dường đến Tam Bảo, /và có lòng tôn kính các bậc tu hành tinh tấn, /nhất là bậc trì giới, /và bậc trưởng lão./ ^[KX]

65. SUMAṄGALA-GĀTHĀ

1. Bhavatu sabbamaṅgalaṃ
Rakkhantu sabbadevatā
Sabbabuddhānubhāvena
Sadā sotthī bhavantu te.
2. Bhavatu sabbamaṅgalaṃ
Rakkhantu sabbadevatā
Sabbadhammānubhāvena
Sadā sotthī bhavantu te.
3. Bhavatu sabbamaṅgalaṃ
Rakkhantu sabbadevatā
Sabbasaṅghānubhāvena
Sadā sotthī bhavantu te.

66. SIDDHIYĀCANA-GĀTHĀ

Siddhamatthu siddhamatthu,
Siddhamatthu idaṃ phalaṃ,
Etasmiṃ ratanattayasmiṃ,
Sampasādanacetaso./.

SĀDHU! SĀDHU! LÀNH THAY!



65. KỆ THIỆN PHÚC

1-3. Tất cả phước báu hằng có đến người./

Cầu mong^(xin) chư Thiên hộ trì đến người./

Do nhờ oai đức của chư Phật, /

Do nhờ oai đức của Giáo Pháp, /

Do nhờ oai đức của chư Tăng; /

Các sự thành lợi thường thường đến người./ ^[KX]

*[Cầu chúc cho (chư) hương linh đã quá vãng, /được sự lợi ích,
/được sự an vui, /được sự tấn hóa trong đường Phật đạo]*

*[Cầu chúc cho (các) Thiện tín được sự lợi ích, /được sự an
vui cho mình và những người trong gia quyến cả thấy]*

66. KỆ CẦU CHÚC SỰ THÀNH TỰU

Cầu mong^(xin) cho quả của tâm tín thành Tam Bảo, /

Cho được thành tựu mỹ mãn, /

Cho được thành tựu mỹ mãn, /

Cho được thành tựu mỹ mãn./

SĀDHU! SĀDHU! LÀNH THAY!



67. DHAMMA

**Ye Dhammā hetuppabhavā
Tesaṃ hetuṃ Tathāgato āha
Tesañca yo nirodho
Evaṃ vādi Mahāsamaṇo.**

68. MARAṄASSATI

- 1. Sabbe sattā marissanti
Maraṇantaṃ hi jīvitam
Yathā kammaṃ gamissanti
Puññapāpabhalūpagā
Nirayaṃ pāpakammantā
Puññakammā ca sugatiṃ
Tasmā kareyya kalyāṇam
Nicayaṃ samparāyikaṃ
Puññāni paralokasmiṃ
Paṭitthā honti pāṇinam.**

Chúng sanh đều phải chết, /Sự chết vốn đồng nhau, /Chỗ tận cùng kiếp sống, /Ai làm ác về sau, /Khổ báo trong địa ngục, /Ai làm lành được hưởng, /An lạc nơi cõi trời, /Do vậy người trên đời, /Hãy thấy rõ sự thật, /Tinh tiến tạo nghiệp lành, /Nhanh chóng làm việc phước, /Thường được bậc hiền trí, /Hành trì và ngợi khen, /Vì chỉ có phước đức, /Là hành trang duy nhất, /Là bạn nương tựa tốt, /Cho cuộc đời mai hậu./ ^[HK]

- 2. Āyu usmā ca viññāṇam,
Yadā kāyaṃ jahantimam,
Apaviddho tadā seti,
Niratthamva kaliṅgaram¹.**

¹ Saṃyuttanikāya, Khandhavaggaṣaṃyuttapāli, Phenapiṇḍūpamasuttaṃ.

67. PHÁP

Vạn pháp do duyên sanh
Duyên diệt, vạn pháp diệt
Đức Phật – đại Sa Môn
Hằng giáo huấn như vậy¹. [HK]

68. KỆ SUY NIỆM VỀ SỰ CHẾT

1. Tất cả chúng sanh chỉ sẵn dành để chịu chết đều nhau
cả, /vì sanh mạng của tất cả chúng sanh chỉ có sự chết là
nơi cuối cùng. /Tất cả chúng sanh đều phải chịu quả
phước cùng quả tội, /vừa theo cái nghiệp của mình đã
tạo /rồi đi thọ sanh trong kiếp sau, /chúng sanh nào làm
việc dữ, /phải chịu khổ trong cõi địa ngục. /Chúng sanh
nào làm việc lành, /được thọ vui trong cõi thiên đàng.
/Cho nên người đời cần phải hối hả làm việc phước đức,
/mà các bậc trí tuệ hằng tha thiết, /cho đặt làm của để
dành dành theo trong đời vị lai /vì các việc phước đức
/là nơi nương nhờ của tất cả chúng sanh trong ngày vị
lai. [KX]

2. Thân bị quăng, vô tri,
Không thọ, sức nóng, thức,
Bị quăng đi, nó nằm,
Như gỗ mục vứt bỏ².

¹ Đây là bài kệ do Ngài Assaji nói cho thanh niên Upatissa (Sāriputta) khi đang tìm đạo. Xem thêm tích chuyện Pháp Cú, kệ số 11, 12.

² Làm đồ ăn kẻ khác (*parabhataṃ acetanaṃ*). Tương Ưng Bộ Kinh (*Samyuttanikāya*), Thiên Uẩn (*Khandhavagga*), Chương I, Chương Ưng Uẩn (f), V. Phẩm Hoa (*Puppha*), III. Bọt Nước (*Pheṇapiṇḍupamasuttaṃ*), Hòa Thượng Minh Châu dịch Việt.

**3. Upanīyati jīvitamappamāyumu,
Jarūpanī tassa nasanti tāṇā,
Etaṃ bhayaṃ maraṇe pekkhamāno,
Puññāni kayirātha sukhāvahāni.**

**4. Na tattha hatthīnaṃ bhūmi
Na rathānaṃ na pattiya
Na cāpi mantayuddhena
Sakkā jetuṃ dhanena vā
Tasmā hi paṇḍito poso
Sampassaṃ atthamattano
Buddhe Dhamme ca Saṅghe ca
Dhīrosaddhaṃ nivesaye
Yo dhammacārī kāyena
Vācāya uda cetasā
Iddheva naṃ paṇḍitaṃ
Pacca sagge pamodati¹.**

**5. Accenti kālā tarayanti rattiyo
Vayoguṇā anupubbaṃ jahanti.
Etaṃ bhayaṃ maraṇe pekkhamāno
*Puññāni kayirātha sukhāvahānīti.***

**Accenti kālā tarayanti rattiyo
Vayoguṇā anupubbaṃ jahanti,
Etaṃ bhayaṃ maraṇe pekkhamāno
*Lokāmisam pajahe santi pekkhoti.***

(5.5) Suttantapīṭaka - *Tạng Kinh*, Saṃyuttanikāya - *Tương Ưng Bộ Kinh*,
Sagāthavagga - *Thiên Có Kệ*, Paṭhama bhāga - *Chương I*, Devatāsaṃyuttaṃ -
Tương Ưng Chư Thiên, Nāḷavagga - *I. Phẩm Cây Lau*, Accentisuttaṃ - *Kinh*
Thời Gian Trôi Qua.

¹ Xem thêm bản dịch của Ngài Hộ Tông, Kinh Tụng Chư Tăng, NXB HCM, tr 369

3. Sự sống của chúng sanh,
 Thật vô cùng ngắn ngủi
 Từ trẻ cho đến già,
 Từ già cho đến chết
 Lộ trình sanh tử ấy,
 Chúng sanh đều bất lực
 Nếu người đời thấy rõ,
 Sự chết luôn sẵn sàng
 Hằng đeo đuổi bên mình,
 Nên tạo nhiều công đức.
 Vì phúc lạc trên đời,
 Đều do nhân thiện nghiệp. *[HK]*
4. Tất cả chúng hữu tình, ~ Bất lực trước sự chết
 Mong ước thắng tử thần, ~ Là điều không thể có
 Dùng sức mạnh voi binh, ~ Hoặc bộ binh, xa mã
 Chẳng thể dùng bùa chú, ~ Công danh hay tài sản
 Chiến đấu với tử thần, ~ Do vậy, người trên đời
 Noi gương bậc trí tuệ, ~ Tìm lợi lạc cho mình
 Hằng phát sanh tín ngưỡng, ~ Kiên cố bất động tâm
 Vào đức tin Tam Bảo, ~ Kiên cố làm việc lành,
 Là tử sanh khổ não./. *[HK]*
5. Thời gian lặng lẽ trôi,
 Đêm ngày luôn di động,
 Tuổi tác buổi thanh xuân,
 Tiếp tục bỏ chúng ta
 Những ai chịu quán sát,
 Sợ hãi tử vong này,
Hãy làm các công đức,
Đưa đến chân an lạc. *Vị chur Thiên*
 Thời gian lặng lẽ trôi,
 Đêm ngày luôn di động,
 Tuổi tác buổi thanh xuân,
 Tiếp tục bỏ chúng ta
 Những ai chịu quán sát,
 Sợ hãi tử vong này,
Hãy bỏ mọi thế lợi,
Tâm hướng cầu tịch tịnh. *Đức Thế Tôn.*

69. KĀYAGATĀSATI

1. Aciraṃ vata yaṃ kāyo,
Paṭhaviṃ adhisessati
Chuddho apetaviññāṇo,
Niratthaṃ va kaliṅgaram. (*Dhp. 41*)
2. Paṇḍupalāsova dānisi
Yamapurisāpi ca te upaṭṭhitā
Uyyogamukkkhe patiṭṭhasi.
Pātheyyampi ca te navijjati. (*Dhp. 235*)
So karohi dīpamattano
Khippaṃ vāyama paṇḍito bhava
Niddhantamalo anaṅgaṇo
Dibbaṃ ariyabhūmimehisi. (*Dhp. 236*)

*Thân người hiện tại đây, ~ Như lá cây úa vàng
Là cảnh trong một sớm, ~ Sứ giả của Tử thần
Đợi chờ sau ngưỡng cửa, ~ Thân này dù xấu đẹp
Nam nữ hoặc trẻ già, ~ Thấy thấy đều chứa nhóm
Cội nguồn của tội báo, ~ Thân này không chắc thật
Thay đổi, bệnh tật luôn, ~ Qua vô lượng đêm trường
Sao còn chưa thức tỉnh, ~ Sao còn chưa dừng lại
Đã hằng sa luân hồi, ~ Sao vẫn còn mê mải
Thương luyến vật trần hôi, ~ Hãy nhận rõ thân này
Hãy thường xuyên quán tưởng, ~ Từ bỏ mọi tham ái
Bước vào dòng Bất Tử (Nibbāna)./. (PC. 235-236)^[HK]*

❁ Aniccā vata saṅkhārā,
Uppādavayadhammino,
Uppajjitvā nirujjhanti,
Tesaṃ vūpasamo sukho.

3. Dvattinsakara

Atthi imasmim kāye: kesā, lomā, nakhā, dantā, taco;
maṃsaṃ, nahāru, aṭṭhi, aṭṭhimiñjaṃ, vakkam; hadayaṃ,
yakanam, kilomakam, pihakam, papphāsam; antam,
antagunam, udariyam, karisam, matthaluṅgam; pittam,
semham, pubbo, lohitaṃ, sedo, medo; assu, vasā, kheḷo,
siṅghāṇikā, lasikā, mutta'nti. /.

69. KỆ SUY NIỆM VỀ THÂN

1. Thân này chẳng bao lâu,
Nằm vùi trong lòng đất
Vô dụng xác không hồn,
Như gỗ mục vứt bỏ. (PC. 41) [HK]
2. Thân người hiện tại đây, /ví như lá cây chín có màu vàng.
/Tay sai của Diêm chúa, /là sự chết đã đến tìm người.
/Người là nguồn cội của sự vô ngã. /Lộ phí là việc lành của
người cũng chẳng có. /Người chỉ có nương nhờ nơi mình.
/Người mau cố gắng cho ra bậc thông minh /chẳng nên
chịu tối mê nữa. /Khi đã làm như thế /thì được dứt khỏi
trần lao /nhất là tham dục /chẳng còn phiền não,
/và đến Thánh vực, /là nơi có Pháp huyền diệu. /. [KX]
- ❖ Các pháp Hữu vi thật không bền vững, /nó có tánh Sanh
Diệt là thường, /vì nhân Sanh rồi Diệt, /Diệt rồi Sanh,
/nên thường hay có sự khổ não. /Chỉ có Niết Bàn là pháp
Tịch diệt, /dứt cả pháp Hữu vi ấy được, /mới có sự an vui
tuyệt đối. [KX]
3. Ba Mươi Hai Thể Trược
Trong thân này gồm có: tóc, lông, móng, răng, da, thịt, gân,
xương, tủy, thận, tim, gan, hoành cách mô, lá lách, phổi, ruột,
màng ruột, vật thực chưa tiêu, phần, **não** óc, mật, đàm, mủ,
máu, mồ hôi, mồ, nước mắt, mồ da, nước miếng, nước mũi,
nước ở khớp xương, nước tiểu./

70. KAMMANUSSATI

**1. Kammassakā sattā kammadāyādā kammayonī
kammabandhū kammaṇṇasāraṇā kammaṇṇ
satte vibhajati yadidaṃ hīnapaṇītatāyāti.**

(Suttantapiṭaka, Aṅguttaranikāya, Dasakanipāta)

**2. Attanā va kataṃ pāpaṃ attanā saṅkilissati
Attanā akataṃ pāpaṃ attanā va visujjhati
Suddhi asuddhi paccattaṃ n'añño aññaṃ visodhaye.**

(Dhp 165)

**3. Manopubbaṅgamā dhammā manoseṭṭhā manomayā
Manasā ce paduṭṭhena bhāsati vā karoti vā
Tato naṃ dukkhamanveti cakkam va vahato padaṃ.**

(Dhp 1)

**4. Manopubbaṅgamā dhammā manoseṭṭhā manomayā
Manasā ce pasannena bhāsati vā karoti vā
Tato naṃ sukhamanveti chāyā va anupāyini.**

(Dhp 2)

**5. Pāpo pi passati bhadraṃ yāva pāpaṃ na paccati
Yadā ca paccatī pāpaṃ atho pāpo pāpāni passati
Bhadro pi passati pāpaṃ yāva bhadraṃ na paccati
Yadā ca paccatī bhadraṃ atho bhadro bhadraṇi passati.**

(Dhp 120)

**6. So socati so vihaññati disvā kammakiliṭṭhamattano.
Idha modati pecca modati katapuñño ubhayattha modati.
So modati so pamodati disvā kammavisuddhimattano.
Idha modati pecca modati katapuñño ubhayattha modati.**

(Dhp 15 & 16)

**7. Na jaccā vasalo hoti na jaccā hoti brāhmaṇo
Kammunā vasalo hoti kammunā hoti brāhmaṇo
Idha socati pecca socati pāpakārī ubhayattha socati.**

(Dhp 136)

70. KỆ SUY NIỆM VỀ NGHIỆP

1. Tất cả chúng sanh là chủ nhân của nghiệp cũng là kẻ thừa tự nghiệp. /Nghiệp là thai tạng, /là quyến thuộc, /là điểm tựa cho vạn loài. /Chính nghiệp phân chia sự dị biệt cao thấp trong đời.

(Tạng Kinh, Tăng Chi Bộ Kinh, Chương X - Mười Pháp, Các Pháp)

2. Chính mình làm việc ác nên khiến mình uế trược. /Chính mình làm việc lành nên khiến mình thanh tịnh. /Thanh tịnh hay uế trược đều do mình, /không ai có thể khiến người khác tịnh thanh hay uế trược. *(PC 165)*

3. Tâm dẫn đầu các pháp. /Chính tâm làm chủ tạo tác các nghiệp. /Nếu người nói năng hay hành động với tâm bất thiện thì đau khổ sẽ theo mình như bánh xe theo chân con vật kéo. *(PC 1)*

4. Tâm dẫn đầu các pháp. /Chính tâm làm chủ tạo tác các nghiệp. /Nếu người nói năng hay hành động với tâm hiền thiện thì hạnh phúc sẽ theo mình như bóng không rời hình. *(PC 2)*

5. Khi ác nghiệp chưa trở quả thì người ác chưa thấy là ác. /Đến khi quả nghiệp kết thành bấy giờ người ác mới thấy là ác. /Khi thiện nghiệp chưa trở quả thì người thiện chưa thấy là thiện. /Đến khi quả nghiệp kết thành bấy giờ người thiện mới thấy là thiện. *(PC 120)*

6. Đời này đau khổ, đời sau cũng đau khổ. /Người tạo nghiệp bất thiện đau khổ cả hai đời. /Xét ác nghiệp đã làm khiến lòng sầu khổ, /sanh vào khổ cảnh nỗi khổ nhiều hơn. /Kiếp này an lạc, kiếp sau cũng an lạc. /Người tạo nghiệp lành hai đời an lạc. /Xét việc thiện đã làm tự tâm hoan hỷ, /sanh vào lạc cảnh hạnh phúc nhiều hơn. *(PC 15 & 16)*

7. Không phải do dòng dõi thọ sanh mà một người cao quý hay thấp hèn. /Chính hành vi tạo tác khiến người thấp hèn hay cao quý. /Mỗi chúng sanh là kết tinh của những gì đã tạo và sẽ là kết quả những gì đang tạo. /Quá khứ, hiện tại, tương lai kết nối bằng những tác ý thiện hay bất thiện. *(PC 136)*

71. SAṂVEJANĪYA-GĀTHĀ

1. Na gāmadhammo nigamassa dhammo,
Na cāpiyaṃ ekakulassa dhammo,
Sabbassa lokassa sadevakassa,
Eseva dhammo yadidaṃ aniccatā.
2. Na gāmadhammo nigamassa dhammo,
Na cāpiyaṃ ekakulassa dhammo,
Sabbassa lokassa sadevakassa,
Eseva dhammo yadidaṃ ca dukkhatā.
3. Na gāmadhammo nigamassa dhammo,
Na cāpiyaṃ ekakulassa dhammo,
Sabbassa lokassa sadevakassa,
Eseva dhammo yadidaṃ anattatā.

72. TILAKKHAṆA

1. *Sabbe saṅkhārā aniccāti*
Yadā paññāya passati
Atha nibbindati dukkhe¹
Esa maggo visuddhiyā.
2. *Sabbe saṅkhārā dukkhāti*
Yadā paññāya passati
Atha nibbindati dukkhe
Esa maggo visuddhiyā.
3. *Sabbe dhammā anattāti*
Yadā paññāya passati
Atha nibbindati dukkhe
Esa maggo visuddhiyā.

¹ Ngay khi đó, người ấy nhàm chán trong khổ.

71. KÊ ĐỘNG TÂM

1. **Pháp nào có tên gọi là “Vô thường”**, /là Pháp có trạng thái “thay đổi không thường”, /pháp ấy chẳng phải chỉ để riêng cho những người trong một xứ, /chẳng phải chỉ để riêng cho những người trong một xóm, /chẳng phải chỉ để riêng cho những người trong một gia tộc đâu. /Pháp ấy để chung cho nhân loại, /súc sanh, /luôn đến chư Thiên, /Ma Vương, /và Phạm Thiên cả thảy.

2. **Pháp nào có tên gọi là “Khổ não”**, /là pháp có trạng thái “đau đớn buồn rầu”, /pháp ấy chẳng phải chỉ để riêng cho những người trong một xứ, /chẳng phải chỉ để riêng cho những người trong một xóm, /chẳng phải chỉ để riêng cho những người trong một gia tộc đâu. /Pháp ấy để chung cho nhân loại, /súc sanh, /luôn đến chư Thiên, /Ma Vương, /và Phạm Thiên cả thảy.

3. **Pháp nào có tên gọi là “Vô ngã”**, /là Pháp có trạng thái “không phải là của ta”, /pháp ấy chẳng phải chỉ để riêng cho những người trong một xứ, /chẳng phải chỉ để riêng cho những người trong một xóm, /chẳng phải chỉ để riêng cho những người trong một gia tộc đâu. /Pháp ấy để chung cho nhân loại, /súc sanh, /luôn đến chư Thiên, /Ma Vương, /và Phạm Thiên cả thảy./.^[KK]

72. TAM TƯỞNG

1. Khi trí tuệ quán chiếu
Thấy hữu vi vô thường
Liên thoát ly khổ não
Đó là thanh tịnh đạo.
2. Khi trí tuệ quán chiếu
Thấy hữu vi khổ không
Liên thoát ly khổ não
Đó là thanh tịnh đạo.
3. Khi trí tuệ quán chiếu
Thấy pháp không phải ta
Liên thoát ly khổ não
Đó là thanh tịnh đạo.^[HK]

73. MAHĀ-MAṄGALA-CAKKAVĀḬA

- Siri-dhiti-mati-tejo-jayasiddhi-mahiddhi-mahāguṇāparimita-puññādhikārassa sabbantarāya-nivāraṇa-samatthassa bhagavato arahato sammā-sambuddhassa
 - Dvattiṃsa-mahāpurisa-lakkhaṇānubhāvena,
 - Asītyānubyañjanānubhāvena,
 - Aṭṭh'uttara-sata-maṅgalānubhāvena,
 - Chabbaṇṇa-raṃsiyānubhāvena ketumālānubhāvena,
 - Dasa-pāramitānubhāvena, dasa-upapāramitānubhāvena, dasa-paramattha-pāramitānubhāvena,
 - Sīla-samādhī-paññānubhāvena,
 - Buddhānubhāvena, dhammānubhāvena, saṅghānubhāvena,
 - Tejānubhāvena, iddhānubhāvena, balānubhāvena,
 - Ñeyya-dhammānubhāvena,
 - Caturāsīti-sahassa-dhammakkhandhānubhāvena,
 - Nava-lokuttara-dhammānubhāvena,
 - Aṭṭhaṅgika-maggānubhāvena,
 - Aṭṭha-samāpattiyānubhāvena,
 - Chaḷabhiññānubhāvena, catu-saccañāṇānubhāvena,
 - Dasa-balañāṇānubhāvena,
 - Sabbaññutañāṇānubhāvena,
 - Mettā-karuṇā-muditā-upekkhānubhāvena,
 - Sabba-parittānubhāvena,
 - Ratanattaya-saraṇānubhāvena,
- Tuyhaṃ sabba-roga-sokupaddava-dukkha-domanassupāyāsā vinassantu sabba-antarāyāpi vinassantu sabba-saṅkappā tuyhaṃ samijjhantu. Dīghayutā tuyhaṃ hotu sata-vassa-jīvena samaṅgiko hotu sabbadā.
- Ākāsa-pabbata-vana-bhūmi-gaṅgā-mahāsamuddā ārakkhakā devatā sadā tumhe anurakkhantu./.

73. ĐẠI ĐIỀM LÀNH VŨ TRỤ

- Do nhờ oai đức của 32 Đại Nhân Tướng của Đức Thế Tôn, Bạc Ưng Cúng, đấng Chánh Đẳng Giác, là bậc có Phước nguyện vô lượng, với đại thân lực và đại đức độ, sự thành tựu với tài lộc, với tuệ kiên trì, với tuệ hiểu biết, với uy lực và với chức quyền, là bậc có khả năng ngăn ngừa tất cả sự tai hại;

- Do nhờ oai đức của 80 Tướng phụ;
- Do nhờ oai đức của 108 Điềm lành;
- Do nhờ oai đức của Hào quang 6 màu;
- Do nhờ oai đức của Đánh hào quang;
- Do nhờ oai đức của Mười pháp Ba-la-mật; do nhờ oai đức của Hai mươi pháp Ba-la-mật; Do nhờ oai đức của Ba mươi pháp Ba-la-mật;
- Do nhờ oai đức của Giới Định Tuệ;
- Do nhờ oai đức của Phật Bảo; Do nhờ oai đức của Pháp Bảo; Do nhờ oai đức của Tăng Bảo;
- Do nhờ oai đức của Uy lực;
- Do nhờ oai đức của Thần lực;
- Do nhờ oai đức của Thế lực;
- Do nhờ oai đức của Pháp Ứng tri;
- Do nhờ oai đức của Tám mươi bốn ngàn Pháp uẩn;
- Do nhờ oai đức của Chín pháp Siêu thế;
- Do nhờ oai đức của Tám Chi Thánh Đạo;
- Do nhờ oai đức của Bát Định;
- Do nhờ oai đức của Lục Thông;
- Do nhờ oai đức của Tứ Đế Trí;
- Do nhờ oai đức của Thập Lực Trí;
- Do nhờ oai đức của Nhất Thiết Chủng Trí;
- Do nhờ oai đức của đức Từ Bi Hỷ Xả;
- Do nhờ oai đức của tất cả Hộ Trì;
- Do nhờ oai đức của Sự Quy Ý Tam Bảo;

- Cầu mong hãy tiêu trừ hết tất cả bệnh tật, sầu, bi, khổ, ưu, não của người. Cầu mong hãy tiêu trừ hết tất cả sự tai hại. Cầu mong các sự suy xét chân chánh cho được tròn đủ đến người. Sự sống lâu hãy có đến người. Cầu mong cho người luôn được tròn đủ mạng sống đến 100 năm.

- Cầu mong tất cả chư Thiên hộ pháp ngự trên hư không và núi rừng, đất đai, sông ngòi, và biển cả, hãy hộ trì cho tất cả mọi người luôn luôn./.

74. CULLA-MAṄGALA-CAKKAVĀḬA

1. Sabbabuddhānubhāvena,
Sabbadhammānubhāvena,
Sabbasaṅghānubhāvena,
Buddharatanam dhammaratanam,
Saṅgharatanam tiṇṇam,
Ratanānam ānubhāvena,
Caturāsītisahassa,
Dhammakkhandhānubhāvena,
Piṭakattayānubhāvena,
Jinasāvakānubhāvena.
2. Sabbe te rogā,
Sabbe te bhayā,
Sabbe te antarāyā,
Sabbe te upaddavā,
Sabbe te dunnimittā,
Sabbe te avamaṅgalā vinassantu.
3. Āyuvaḍḍhako, dhanavaḍḍhako,
Sirivaḍḍhako, yasavaḍḍhako,
Balavaḍḍhako, vaṇṇavaḍḍhako,
Sukhavaḍḍhako, hotu sabbadā,
Dukkharogabhayā verā,
Sokā sattū cupaddavā,
Anekā antarāyāpi,
Vinassantu ca tejasā.
4. Jayasiddhi dhanam lābham,
Sotthi bhāgyam sukham balaṃ,
Siri āyu ca vaṇṇo ca,
Bhogam vuḍḍhī ca yasavā,
Satavassā ca āyu ca,
Jīvasiddhī bhavantu te./.

74. TIỂU ĐIỀM LÀNH VŨ TRỤ¹

1. Do nhờ đức của chư Phật./
Do nhờ đức của chư Pháp./
Do nhờ đức của chư Tăng./
Do nhờ đức của Tam Bảo./
Phật Bảo - Pháp Bảo - Tăng Bảo./
Do nhờ oai đức của 84 ngàn Pháp uẩn./
Do nhờ oai đức của Tam Tạng./
Do nhờ oai đức của chư Thanh Văn đệ tử Phật./
2. Tất cả các tật bệnh của người./
Tất cả sự lo sợ của người./
Tất cả sự tai hại của người./
Tất cả sự khó chịu của người./
Tất cả điều mộng mị xấu xa của người./
Tất cả điều chằng lành của người./
Thảy đều mau tiêu diệt./
3. Sự sống lâu. /Sự tấn tài./
Sự thanh lợi. /Sự sang cả./
Sự mạnh khỏe. /Sự sắc đẹp./
Sự an vui. /Cầu mong hằng có đến cho người./
Tất cả sự khổ não, /tật bệnh, /lo sợ /hoặc điều oan kết./
Hoặc tất cả sự uất ức, /các cảnh nghịch /hoặc sự khó chịu/
Hoặc nhiều sự tai hại. /Thảy đều mau tiêu diệt./
- 4. Do nhờ các oai đức, /nhất là đức của chư Phật./**
Sự vinh hiển, /sự phát tài, /sự phát lợi.
Hoặc sự thanh lợi phong lưu, /sự an vui /hoặc sức mạnh.
Sự phước lợi, /sự sống lâu, /sự sắc đẹp./
Sự tấn tài, /sự tấn hóa, /sự sang cả./
Hoặc sự sống đến trăm tuổi, /hoặc sự thành tựu trong
việc nuôi mạng cho được an vui, /tất cả sự ấy, /cầu
mong^(xin) hằng đến cho người./

¹ Kinh Tụng, Dịch giả: Tịnh Tâm (Cố Hòa thượng HỘ TÔNG), ấn bản 2005

75. ABHAYA-PARITTA-GĀTHĀ

1. Yaṃ dunnimittam avamaṅgalañca,
Yo cāmanāpo sakuṇassa saddo,
Pāpaggaho dussupinaṃ akantaṃ,
Buddhānubhāvena vināsamentu.
2. Yaṃ dunnimittam avamaṅgalañca,
Yo cāmanāpo sakuṇassa saddo,
Pāpaggaho dussupinaṃ akantaṃ,
Dhammānubhāvena vināsamentu.
3. Yaṃ dunnimittam avamaṅgalañca,
Yo cāmanāpo sakunassa saddo,
Pāpaggaho dussupinaṃ akantaṃ,
Saṅghānubhāvena vināsamentu.
4. Dukkhaṃ pattā ca niddukkhā,
Bhayaṃ pattā ca nibbhayā,
Sokaṃ pattā ca nissokā,
Hontu sabbepi pāṇino.
5. Ettāvatā ca amhehi,
Sambhataṃ puññasampadaṃ,
Sabbe devānumodantu,
Sabbasampattisiddhiyā.
6. Dānaṃ dadantu saddhāya,
Sīlaṃ rakkhantu sabbadā,
Bhāvanābhiraṭṭā hontu,
Gacchantu devatāgatā.
7. Sabbe Buddhā balappaṭṭā,
Paccekaṇaṇca yambalaṃ,
Arahantānaṇca tejena,
Rakkhaṃ bandhāmi sabbaso./.

75. KỆ TIÊU TRỪ SỰ SỢ HÃI

1. Nhờ uy linh của Đức Phật, /cầu mong^(xin) cho những triệu bất hảo, /điều bất lợi, /tiếng điệu thú không vừa lòng nghịch cảnh /và mộng mị bất mãn /thấy đều tiêu tan.^{1/}
2. Nhờ Uy linh của Đức Pháp, / cầu mong^(xin) cho những triệu bất hảo, /điều bất lợi, /tiếng điệu thú không vừa lòng nghịch cảnh /và mộng mị bất mãn /thấy đều tiêu tan./
3. Nhờ Uy linh của Đức Tăng, / cầu mong^(xin) cho những triệu bất hảo, /điều bất lợi, /tiếng điệu thú không vừa lòng nghịch cảnh /và mộng mị bất mãn /thấy đều tiêu tan./
4. Tất cả chúng sanh đến khổ rồi, /mong^(xin) đừng cho có khổ, /đến sự kinh sợ rồi, / mong^(xin) đừng cho kinh sợ, /đến thương tiếc rồi, / mong^(xin) đừng cho thương tiếc./
5. Mong chư thiên hoan hỷ quả phước của chúng tôi đã tạo, /cho được thành tựu những hạnh phúc./
6. Chúng nhân hãy bố thí, /hãy trì giới, /hãy là người vui thích tham thiền niệm Phật thường thường. /Chư thiên đã đến rồi, /xin thỉnh các ngài hồi quy./
7. Tất cả đức Chánh Biến Tri đều duy trì oai lực, /chư Độc Giác cũng có oai lực, /các bậc A-la-hán cũng có oai lực; /tôi xin kết hợp sự duy trì /bằng cách phát quang hoàn toàn các oai lực ấy./

Lưu ý: Có thể tụng đọc phần số 5-7 sau mỗi lần hồi hướng.

¹ Nhờ uy linh Phật Bảo (Pháp Bảo, Tăng Bảo), /ngăn ngừa mọi tai ương. /Những điềm triệu bất tường /những mộng mị chẳng lành. /Tiếng điệu thú bi ai, /các nghịch duyên trở ngại. /Mong những nguy hại ấy, /thấy đều mau tan biến./

76. JAYA-PARITTA-GĀTHĀ

- 1. Mahākāruṇiko Nātho,
Hitāya sabbapāṇinaṃ,
Pūretvā pāramī sabbā,
Patto sambodhimuttanaṃ.
Etena saccavajjena,
Hotu te jayamaṅgalaṃ.**
- 2^[*]. Jayanto bodhiyā mūle,
Sakyānaṃ nandivaddhanaṃ,
Evaṃ tvaṃ vijayo hohi,
Jayassu jayamaṅgale,
Aparājitapallaṅke,
Sīse paṭhavipokkhare.
Abhiseke sabbabuddhānaṃ,
Aggappatto pamodati.**
- 3. Sunakkhattaṃ sumaṅgalaṃ,
Supabhātaṃ suhuṭṭhitaṃ,
Sukhaṇo sumuhutto ca,
Suyiṭṭhaṃ brahmacārisu.**
- 4. Padakkhiṇaṃ kāyakammaṃ,
Vācākammaṃ padakkhiṇaṃ,
Padakkhiṇaṃ manokammaṃ,
Paṇidhī te padakkhiṇā,
Padakkhiṇāni katvāna,
Labhantatthe padakkhiṇe./.**

[](Yasmiṃ divase tayo sucaritadhamme¹ paripūrenti sodivaso)*

¹ - *Dasa kusalakammaṃpathā* – pāṇātipātā veramaṇī, adinnādānā veramaṇī, kāmesumicchācārā veramaṇī, musāvādā veramaṇī, piṣuṇāya vācāya veramaṇī, pharusāya vācāya veramaṇī, samphappalāpā veramaṇī, anabhijjhā, abyāpādo, sammādiṭṭhi.

76. KỆ HỘ TRÌ ĐẠI TỐI THẮNG (LINH DƯỢC)

1. Đức Chánh Biến Tri là bậc Hộ Trì, /Ngài gồm có đức Đại Bi, /Ngài thành tựu tất cả Pháp Pāramī đem lợi ích đến chúng sanh rồi, /Ngài chứng quả Toàn Giác tối thượng. /Do lời chân thật này, /mong cho hảo vận phát sanh đến người.
2. Đức Chánh Biến Tri khuyến khích cả dòng Sākya (*Xắ-ya*) được hân hoan phát đạt, /Ngài đã cảm thắng Ma Vương rồi đắc bậc cao thượng, /Ngài thỏa mãn Pháp Giác Ngộ trên bảo tọa bất khả chinh phục dưới cội Bồ Đề, /ngay trung tâm địa cầu. /Như lá sen là nơi đăng quang của chư Phật thế nào, /mong cho người chiến thắng nghịch pháp như vậy./
3. Giờ nào chúng sanh thực hành thân, khẩu, ý trong sạch, /giờ đó gọi là vận mệnh tốt, /là giờ xán lạn, /là khắc tốt, /là canh tốt, /vật dụng mà người đã cúng dường đến các bậc Phạm Hạnh rồi /giờ đó gọi là cúng dường chân chánh.
4. Ngày đó gọi là có thân nghiệp phát đạt, /khẩu nghiệp phát đạt, /ý nghiệp phát đạt. /Sự nguyện vọng của những người đó, /cũng gọi là nguyện vọng phát đạt. /Người tạo thân nghiệp, /khẩu nghiệp, /ý nghiệp phát đạt như thế rồi, /sẽ được những lợi ích phát đạt./

77. ĀTĀNĀṬIYA-PARITTA-GĀTHĀ

- 1. Sakkatvā Buddharatanam,
Osatham uttamam varam,
Hitam devamanussānam,
Buddhatejena sotthinā,
Nassantupaddavā sabbe,
Dukkhā vūpasamentu te.**
- 2. Sakkatvā Dhammaratanam,
Osatham uttamam varam,
Parilāhupasamanam,
Dhammatejena sotthinā,
Nassantupaddavā sabbe,
bhayā vūpasamentu te.**
- 3. Sakkatvā Saṅgharatanam,
Osatham uttamam varam,
Āhuneyyam pāhuneyyam,
Saṅghatejena sotthinā,
Nassantupaddavā sabbe,
Rogā vūpasamentu te.**
- 4. Yaṃkiñci ratanam loke,
Vijjati vividham puthu,
Ratanam Buddhasamam natthi,
Tasmā sotthī bhavantu te.**
- 5. Yaṃkiñci ratanam loke,
Vijjati vividham puthu,
Ratanam Dhammasamam natthi,
Tasmā sotthī bhavantu te.**
- 6. Yaṃkiñci ratanam loke,
Vijjati vividham puthu,
Ratanam Saṅghasamam natthi,
Tasmā sotthī bhavantu te.**

77. KỆ HỘ TRÌ ĀṬĀNĀṬIYA

1. Mong^(Xin) cho tất cả điều nguy khốn được tiêu tan,
/những khổ não của người đều yên lặng, /nhờ sự vinh
quang và vẻ Uy linh của Đức Phật, /vì lòng tôn kính
Phật Bảo, /như món linh dược quý cao, /là lợi ích đến
chư Thiên và nhân loại./
2. Mong^(Xin) cho tất cả điều nguy khốn được tiêu tan,
/những lo sợ của người đều yên lặng, /nhờ sự vinh
quang và vẻ Uy linh của Đức Pháp, /vì lòng tôn kính
Pháp Bảo, /như món linh dược quý cao, /là Pháp trấn
tĩnh điều phiền não./
3. Mong^(Xin) cho tất cả điều nguy khốn được tiêu tan,
/những bệnh tật của người đều yên lặng, /nhờ sự vinh
quang và vẻ Uy linh của Đức Tăng, /vì lòng tôn kính Tăng
Bảo, /như món linh dược quý cao, /đáng cho người cúng
dường và hoan nghênh tôn trọng./
4. Những báu vật trong thế gian có nhiều thứ nhiều loại,
/những báu vật ấy chẳng sánh bằng Phật Bảo đâu, /vì
thế, /cầu mong^(xin) hạnh phúc phát sanh đến người.
5. Những báu vật trong thế gian có nhiều thứ nhiều loại,
/những báu vật ấy chẳng sánh bằng Pháp Bảo đâu, /vì
thế, /cầu mong^(xin) hạnh phúc phát sanh đến người./
6. Những báu vật trong thế gian có nhiều thứ nhiều loại,
/những báu vật ấy chẳng sánh bằng Tăng Bảo đâu, /vì
thế, /cầu mong^(xin) hạnh phúc phát sanh đến người./

78. PAÑCA SĪLA NGHI THỨC THỌ TRÌ NGŨ GIỚI

Sám Hối Tam Bảo: (1) và (2)

(1) Ukāsa! Ukāsa! Ukāsa! /Kāyakammā /vācīkammā manokammā /sabbadosa, /vì mong muốn tránh khỏi, /tất cả những lỗi lầm, /do thân nghiệp hành động, /do khẩu nghiệp nói năng, /do ý nghiệp suy nghĩ, /đã phạm đến Tam Bảo: /Đức Phật Bảo cao thượng, /Đức Pháp Bảo cao thượng, /Đức Tăng Bảo cao thượng, /(đến cha mẹ, thầy tổ...).
/Buddharatana, /Dhammaratana, /Saṅgharatana, con thành kính đánh lễ, /ngôi Tam Bảo cao thượng, /cùng cha mẹ thầy tổ, /lần thứ nhì - thứ ba. /Xin năm bậc ân đức, /cao thượng không gì bằng, /nhận biết sự sám hối, /những lỗi lầm của con.

/Do thành tâm sám hối, /với đức tin trong sạch, /thiện tâm hợp trí tuệ, /cầu mong con tránh khỏi:

- Sinh trong bốn cõi ác¹, /
- Gặp phải ba nạn tai², /
- Tám trường hợp bất lợi³, /
- Năm kẻ thù phá hoại⁴, /
- Bốn cảnh không hợp thời⁵, /
- Năm bất hạnh kiếp người⁶, /

Trong tất cả mọi thời, /mọi kiếp sống luân hồi, /khi đã tránh khỏi rồi, /mong con sớm chứng ngộ: /chân lý Tứ Thánh Đế, /chứng đắc Tứ Thánh Đạo, /Tứ Thánh Quả - Niết Bàn, /diệt đoạn tuyệt tham ái, /giải thoát khổ tử sanh, /luân hồi trong tam giới.

¹ Địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, a-tu-la.

² Nạn bom đạn chiến tranh, nạn dịch bệnh truyền nhiễm, nạn chết đói.

³ Sanh trong địa ngục; sanh làm súc sanh; ngạ quỷ; cõi Phạm Thiên; sanh ở vùng hẻo lánh; sanh trong gia đình ngoại đạo tà kiến; người câm điếc; người có trí tuệ nhưng không gặp được Đức Phật, Tăng Chúng.

⁴ Nước lụt phá hủy của cải tài sản; lửa cháy thiêu hủy của cải tài sản; kẻ trộm cướp chiếm đoạt tài sản; vua tàn bạo chiếm đoạt của cải tài sản; con cái hư đốn làm tiêu tan của cải tài sản.

⁵ Địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, a-tu-la.

⁶ 1- Bệnh tật, 2- Gia đình ly tán, 3- Của cải tài sản hư hao, 4 - Giới không trong sạch, 5- Tà kiến.

(2) Ukāsa vandāmi bhante, sabbam aparādham khamatha me bhante, mayā kataṃ puññaṃ sāmīnā anumodittabbam, sāmīnā kataṃ puññaṃ mayham dātabham, sādhu sādhu anumodāmi. Ukāsa kāruṇṇam katvā tisaraṇena saha sīlāni detha me bhante.

Con xin thành kính làm lễ Đại Đức. Bạch hóa Đại Đức, xin Đại Đức tha các tội lỗi cho con. Những việc lành mà con đã làm, xin Đại Đức nhận lãnh. Việc lành nào mà Đại Đức đã làm, xin chia sẻ cho con, và làm điều lợi ích cho được thành tựu, con xin hoan hỷ thọ lãnh. Con xin thành kính Đại Đức từ bi thương xót mà truyền tam quy và giới cho con.

Aham bhante saraṇasīlam yācāmi. Dutiyampi..., tatiyampi...
Bạch hóa Đại Đức, xin Đại Đức truyền quy giới cho con, lần thứ nhì..., lần thứ ba...

(Hay đọc phần dưới)

Phật tử cùng nhau đọc:

- **Ukāsa mayam bhante visuṃ visuṃ rakkhanatthāya tisaraṇena saha pañca sīlāni yācāma (yācāmi).**
- **Dutiyampi mayam bhante visuṃ visuṃ rakhanatthāya tisaraṇena saha pañca sīlāni yācāma (yācāmi).**
- **Tatiyampi mayam bhante visuṃ visuṃ rakkhanatthāya tisaraṇena saha pañca sīlāni yācāma (yācāmi).**
- Bạch hóa¹ (chư²) Đại Đức Tăng, /chúng con (con) xin thọ trì Tam quy và Ngũ giới, /nơi Tam Bảo, /để vâng giữ hành theo, /cho được sự lợi ích./
- Bạch hóa (chư) Đại Đức Tăng, /chúng con (con) xin thọ trì Tam quy và Ngũ giới, /nơi Tam Bảo, /để vâng giữ hành theo, /cho được sự lợi ích lần thứ nhì./
- Bạch hóa (chư) Đại Đức Tăng, /chúng con (con) xin thọ trì Tam quy và Ngũ giới, /nơi Tam Bảo, /để vâng giữ hành theo, cho được sự lợi ích lần thứ ba./

¹ Đúng ra từ 'hóa' xuất phát từ 'qua' trong 'bạch qua' thông qua', nhưng theo âm đọc dần dần chữ này được chuyển từ 'qua' sang 'quá' và trở thành 'hóa'.

² Bốn vị trở lên.

Vị tỳ-khuru hay Sa-di đọc, Phật tử đọc theo:

Namo tassa bhagavato arahato sammāsambuddhassa.
Namo tassa bhagavato arahato sammāsambuddhassa.
Namo tassa bhagavato arahato sammāsambuddhassa.

Con đem hết lòng thành kính, làm lễ Đức Bhá-gá-va đó,
/Ngài là bậc Á-rá-hăng cao thượng, /được chứng quả
Chánh Biến Tri, /do Ngài tự ngộ, /không thầy chỉ dạy. (3x)

Vị tỳ-khuru hay Sa-di đọc, Phật tử đọc theo:

Buddham saraṇaṃ gacchāmi.

Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi.

Saṅghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.

Dutiyampi Buddham saraṇaṃ gacchāmi.

Dutiyampi Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi.

Dutiyampi Saṅghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.

Tatīyampi Buddham saraṇaṃ gacchāmi.

Tatīyampi Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi.

Tatīyampi Saṅghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.

Con đem hết lòng thành kính, /xin quy y Phật./

Con đem hết lòng thành kính, /xin quy y Pháp./

Con đem hết lòng thành kính, /xin quy y Tăng./

Con đem hết lòng thành kính, /xin quy y Phật lần thứ nhì./

Con đem hết lòng thành kính, /xin quy y Pháp lần thứ nhì./

Con đem hết lòng thành kính, /xin quy y Tăng lần thứ nhì./

Con đem hết lòng thành kính, /xin quy y Phật lần thứ ba./

Con đem hết lòng thành kính, /xin quy y Pháp lần thứ ba./

Con đem hết lòng thành kính, /xin quy y Tăng lần thứ ba./

Vị truyền giới đọc:

Tisaraṇaggahaṇaṃ paripuṇṇaṃ.

- Phép quy y Tam Bảo tròn đủ chỉ có bấy nhiêu.

Phật tử thọ giới đọc:

Āma bhante. - Dạ, xin vâng.

Vị truyền giới đọc và Phật tử đọc theo:

1. Pāṇātipātā veramaṇī sikkhāpadaṃ samādiyāmi.

2. Adinnādānā veramaṇī sikkhāpadaṃ samādiyāmi.

3. Kāmesumicchācārā veramaṇī sikkhāpadaṃ samādiyāmi.

4. Musāvādā veramaṇī sikkhāpadaṃ samādiyāmi.

**5. Surāmerayamajjappamādaṭṭhānā
veramaṇī sikkhāpadaṃ samādiyāmi.**

1. Con xin vâng giữ điều học, /là cố ý tránh xa sự sát sanh./
2. Con xin vâng giữ điều học, /là cố ý tránh xa sự trộm cắp./
3. Con xin vâng giữ điều học, /là cố ý tránh xa sự tà dâm./
4. Con xin vâng giữ điều học, /là cố ý tránh xa sự nói dối./
5. Con xin vâng giữ điều học, /là cố ý tránh xa /sự dễ
đuôi uống rượu /và các chất say./

Vị truyền giới đọc:

**Imāni pañca sikkhāpadāni sādhukam katvā
appamādena niccakālam sammārakkhitabbam.**

Chư Phật tử sau khi đã thọ trì tam quy và ngũ giới nơi Tam Bảo, /nên cố gắng vâng giữ hành theo cho được trong sạch đến trọn đời, /chẳng nên dễ duôi./

Phật tử thọ Tam Quy và Ngũ Giới đọc:

Āma bhante. - Dạ, xin vâng.

Vị truyền giới sách tấn:

**Silena sugatim yanti, Silena bhogasampadā,
Silena nibbutim yanti; Tasmā sīlam
visodhaye.**

Các chúng sanh được sanh về cõi trời cũng nhờ giữ giới;
/các chúng sanh được giàu sang cũng nhờ giữ giới; /các
chúng sanh được giải thoát nhập Niết Bàn cũng nhờ giữ
giới. /Bởi các cố ấy, /nên chư Phật tử phải ráng¹ thọ trì
giới luật cho được trong sạch đừng để lấm nhơ./

Phật tử thọ giới đọc:

Sādhū! Sādhū! Lành thay! Sādhū! Sādhū! Lành thay!

Chư Phật tử tụng sám hối Phật Pháp Tăng (**Uttamaṅgena
vandeham...** Con đem hết lòng thành kính... các tội lỗi mà
con đã vô ý phạm đến....)

Sau cùng, chư Tăng tụng kinh phúc đến toàn thể chư Phật
tử mới thọ trì Tam Quy và Ngũ Giới: (**Bhavatu
sabbamaṅgalam...** Tất cả phước báu hăng có đến người...)

¹ Cố gắng.

Quy định học giới vì mười điều lợi ích:

1. **Saṅghasutṭhutāya:** nhằm sự tốt đẹp cho hội chúng,
2. **Saṅghaphāsutāya:** nhằm sự an lạc cho hội chúng,
3. **Dummaṅkūnaṃ puggalānaṃ niggahāya:**
nhằm việc trấn áp những nhân vật ác xấu,
4. **Pesalānaṃ bhikkhūnaṃ phāsuviḥārāya:**
nhằm sự lạc trú của chư Tỳ khưu hiền thiện,
5. **Diṭṭhadhammikānaṃ āsavānaṃ saṃvarāya:** nhằm ngăn ngừa
các lậu hoặc trong hiện tại,
6. **Samparāyikānaṃ āsavānaṃ paṭighātāya:**
nhằm sự trừ diệt các lậu hoặc trong tương lai
7. **Appasannānaṃ pasādāya:**
nhằm đem lại niềm tin cho những người chưa có đức tin,
8. **Pasannānaṃ bhiyyobhāvāya:**
nhằm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin,
9. **Saddhammaṭṭhitiyā:** nhằm sự tồn tại của Chánh Pháp¹,
10. **Vinayānuggahāya:** nhằm sự hỗ trợ Luật.

“Evam hotu evam hotu, ~ yo ca pubbe pamajjitvā
Pacchā so nappamajjati, ~ so’maṃ lokam
pabhāseti Abbhā mutto va candimā, (Dhp. v.172)

Ai song trươ c buo ng lung,
Sau song kho ng pho ng đa t
Cho i sa ng rục đời nay,
Như tra ng thoa t ma y che. (HT Minh Châu)

Yassa pāpaṃ kataṃ kammaṃ, ~ kusalena pithiyati.
So’maṃ lokam pabhāseti ~ abbhā mutto va candimā.” (Dhp. v.173)

Ai dùng các hạnh lành,
Làm xóa mờ nghiệp ác.
Chói sáng rục đời này,
Như trăng thoát mây che. (HT Minh Châu)

Abhivādanasilissa, ~ niccam vuddhāpacāyino,
Cattāro dhammā vadḍhanti, ~ āyu vaṇṇo sukhaṃ balaṃ. (Dhp.109)

Thươ ng to n tro ng, kí nh le
Ba c ky la o trươ ng thươ ng,
Bốn pháp đượ c tăng trưở ng:
Thọ , sắc , lạc , sức mạnh.

¹ Ngài Buddhaghosa giải thích rằng *Saddhamma* gồm có ba phần: *Pariyattisaddhamma* (Pháp Học) gồm tất cả các lời dạy của Đức Phật đã được kết tập thành Tam Tạng, *Patipattisaddhamma* (Pháp Hành) là 13 pháp Đầu-đà, 14 pháp hành, 82 phận sự chính, Giới, Định, và Minh Sát, *Adhigamasaddhamma* (Pháp Đắc Chứng) là 4 Đạo, 4 Quả, và Niết Bàn. (Tạng Luật - Bộ Phân Tích Giới Bốn, Phân Tích Giới Tỳ-khưu- I)

79. UPOSATHA-SĪLA
NGHI THỨC THỌ BÁT QUAN TRAI GIỚI

Phật tử hay tu nữ cùng nhau đọc:

- Ukāsa mayam (aham) bhante visum visum
rakkhanatthāya tisaraṇena saha
aṭṭhaṅgasamannāgataṃ uposathaṃ yācāma (yācāmi).
- Dutiyampi mayam (aham) bhante visum visum
rakkha- natthāya tisaraṇena saha
aṭṭhaṅgasamannāgataṃ uposathaṃ yācāma (yācāmi).
- Tatiyampi mayam (aham) bhante visum visum
rakkha- natthāya tisaraṇena saha
aṭṭhaṅgasamannāgataṃ uposathaṃ yācāma (yācāmi).

Bạch hóa¹ (chư) Đại Đức Tăng, /chúng con (con) xin thọ
trì Tam quy và Bát quan trai giới, /nơi Tam Bảo, /để vâng
giữ hành theo, /cho được sự lợi ích. /

Bạch hóa (chư) Đại Đức Tăng, /chúng con (con) xin thọ
trì Tam quy và Bát quan trai giới, /nơi Tam Bảo, /để vâng
giữ hành theo, /cho được sự lợi ích lần thứ nhì. /

Bạch hóa (chư) Đại Đức Tăng, /chúng con (con) xin thọ
trì Tam quy và Bát quan trai giới, /nơi Tam Bảo, /để vâng
giữ hành theo, /cho được sự lợi ích lần thứ ba. /

*Vị sư truyền giới sẽ đọc cho cư sĩ đọc theo phần **thọ tam quy**
trước (giống như trong nghi thức thọ ngũ giới). Tiếp đến vị
Tăng truyền tám giới cho Phật tử hay tu nữ đọc theo:*

- 1. Pāṇātipātā veramaṇī sikkhāpadaṃ samādiyāmi.**
- 2. Adinnādānā veramaṇī sikkhāpadaṃ samādiyāmi.**
- 3. Abrahmacariyā veramaṇī sikkhāpadaṃ samādiyāmi.**
- 4. Musāvādā veramaṇī sikkhāpadaṃ samādiyāmi.**

¹ Đúng ra từ ‘hóa’ xuất phát từ ‘qua’ trong ‘bạch qua’ thông qua’, nhưng theo âm
đọc dần dần chữ này được chuyển từ ‘qua’ sang ‘quá’ và trở thành ‘hóa’.

**5. Surāmerayamajjapamādaṭṭhānā veramaṇī
sikkhā- padaṃ samādiyāmi.**

6. Vikālabhojanā veramaṇī sikkhāpadaṃ samādiyāmi.

**7. Naccagītavāditavisūkadassana-
mālāgandhavilepanadhāraṇamaṇḍana-
vibhūsanatṭhānā veramaṇī
sikkhāpadaṃ samādiyāmi.**

**8. Uccāsayanamahāsayanā veramaṇī
sikkhāpadaṃ samādiyāmi.**

1. Con xin vâng giữ điều học, /là cố ý tránh xa sự sát sanh.
2. Con xin vâng giữ điều học, /là cố ý tránh xa sự trộm cắp.
3. Con xin vâng giữ điều học, /là cố ý tránh xa sự hành dâm.
4. Con xin vâng giữ điều học, /là cố ý tránh xa sự nói dối.
5. Con xin vâng giữ điều học, /là cố ý tránh xa, /sự dễ
đuôi uống rượu, /và các chất say.
6. Con xin vâng giữ điều học, /là cố ý tránh xa sự ăn sái giờ.
7. Con xin vâng giữ điều học, /là cố ý tránh xa sự múa hát,
/thổi kèn, đờn, /xem múa hát, /nghe đờn kèn, /trang
điểm thoa vật thơm, /dồi phần và đeo tràng hoa.
8. Con xin vâng giữ điều học, /là cố ý tránh xa, /chỗ nằm
ngồi quá cao và xinh đẹp.

Tiếp tục, Phật tử hay tu nữ cùng nhau đọc:

**Imaṃ aṭṭhaṅgasamannāgataṃ buddhappaññattaṃ
uposathaṃ imañca rattim imañca divasaṃ
(niccakālaṃ¹) sammadeva abhirakkhituṃ
samādiyāma (samādiyāmi).**

Chúng con (con) xin thọ trì Bát quan trai giới, /trọn đủ
tám điều của Đức Phật đã giáo truyền, /hầu để vâng giữ
hành theo cho được trong sạch trọn ngày nay và đêm
(trọn đời²) nay, /mong cầu gieo được giống lành, /để thấy
rõ Niết Bàn trong ngày vị lai.

¹ Dành cho các vị tu nữ, hay nữ giới xuất gia.

² Dành cho các vị tu nữ, hay nữ giới xuất gia.

Vị sư sách tấn:

Imāni aṭṭha sikkhāpadāni uposathasīlavasena imañca rattim imañca divasaṃ (niccakālaṃ¹) sādhukaṃ katvā appamādena sammā rakkhitabbam.

Chư Phật tử (thiện tín) sau khi thọ trì bát quan trai giới nơi Tam bảo, /phải cố gắng vâng giữ hành theo cho được trong sạch trọn ngày nay và đêm nay (trọn đời² nay), /chẳng nên để xuôi.

Phật tử hay tu nữ thọ giới đọc:

Āma, bhante.

Vị truyền giới sách tấn:

**Sīlena sugatim yanti,
Sīlena bhogasampadā,
Sīlena nibbutim yanti;
Tasmā sīlaṃ visodhaye.**

Các chúng sanh được sanh về cõi trời cũng nhờ giữ giới;
/các chúng sanh được giàu sang cũng nhờ giữ giới; /các chúng sanh được giải thoát nhập Niết Bàn cũng nhờ giữ giới. /Bởi các cố ấy, /nên chư Phật tử phải cố gắng thọ trì giới luật cho được trong sạch đừng để lấm nhơ.

Phật tử hoan hỷ đọc lên:

**Sādhū! Sādhū! Lành thay!
Sādhū! Sādhū! Lành thay!**

Chư Phật tử tụng sám hối Phật Pháp Tăng (**Uttamañgena vandeham...** Con đem hết lòng thành kính... các tội lỗi mà con đã vô ý phạm đến....)

Sau cùng, chư Tăng tụng kinh phúc đến toàn thể chư Phật tử mới thọ trì Tam Quy và Ngũ Giới: (**Bhavatu sabbamañgalam...** Tất cả phước báu hằng có đến người...)

¹ Dành cho các vị tu nữ, hay nữ giới xuất gia.

² Dành cho các vị tu nữ, hay nữ giới xuất gia.

80. NGHI THỨC QUY Y

(Buổi đầu tu Phật)

Accayo mam bhante accagamā yathābālaṃ
yathāmūlaṃ yathā-akusalaṃ. Yo’ham¹ bhante kāyena
vā vācāya vā manasā vā buddhassa vā dhammassa vā
saṅghassa vā agāraṃ akāsiṃ. Tassa² me ayyo³
accayaṃ accayo paṭiggaṇhātu āyatīṃ saṃvarāya.

Nghĩa:

Kính bạch chư⁴ Đại Đức Tăng, /vì con (chúng con) là người
thiếu trí, /lầm lạc và không minh mẫn, /nên đã phạm các
tội lỗi, /sợ e con (chúng con) đã dễ dãi, /không đem lòng
thành kính, /do thân khẩu, ý của con (chúng con) bất tịnh,
/mà phạm đến Phật- Pháp - Tăng./

Kính bạch chư Đại Đức Tăng, /cầu mong^(xin) chư Đại Đức
Tăng, /xá các tội lỗi ấy cho con (chúng con), /bởi các tội lỗi
ấy là quấy thật, /đặt cho chúng con (con), /làm những
việc lành, /từ nay về sau./

*(Xong rồi, vị Tỳ khưu hoặc chư Tăng chứng minh nơi ấy
phải nhận bằng tiếng “Sādhū” nghĩa là: “Lành thay! Phải
rồi, đúng rồi”).*

Kính bạch chư Đại Đức Tăng, /con (chúng con) cầu xin thọ
phép, /**quy y Phật** đã nhập Niết Bàn, /là Đức Thế Tôn, /bậc
A la hán, /Chánh đẳng, chánh giác, /ngài là thiên nhân từ
phụ, /bi trí vẹn toàn./

¹ Người nữ xin quy y thì đọc “Yā’ham”.

² Nếu là nữ thì đọc “Tassā me”.

³ Nếu sám hối với 2-3 vị sư thì nói “ayyā ... paṭiggaṇhantu”. Nếu là Tăng từ 4 vị trở
lên thì nói “Saṅgho ... paṭiggaṇhātu”.

⁴ chư = các vị (4 vị trở lên), nhưng nếu chỉ 1 đến 3 vị thì bỏ đi chữ ‘chư’.

Con (chúng con) cầu xin thọ phép **quy y Pháp**, /là Giáo Pháp, /đã được Đức Thế Tôn khéo thuyết giảng, /đạo chuyển mê khai ngộ, /thiết thực hiện tiền, vượt thời gian./ Con (chúng con) cầu xin thọ phép **quy y Tăng**, /là đệ tử của Đức Thế Tôn, /các ngài là bậc hoàng truyền Chánh Pháp, /xứng đáng cho chúng sanh lễ bái cúng dường./

Kính bạch chư Đại Đức Tăng, /xin nhận con (chúng con) là người cận sự nam, /và (cận sự nữ) đã quy y Tam Bảo,
/kể từ ngày nay cho đến trọn đời.

(Nếu chỉ có một người nam hoặc một người nữ đối mặt trước tượng Phật, hoặc trước tháp thờ Xá Lợi mà làm phép quy y thì đọc: Nghĩa như trên chỉ khác nhau chỗ gọi: “Kính bạch chư Đại Đức Tăng”, thì đọc: “Bạch Đức Thế Tôn”).*

(Xong rồi vị Tỷkhu hoặc Tăng chúng phải nhận bằng tiếng “**Sādhu**”).

*Sau đó, người Phật xin thọ trì Tam quy và Ngũ giới. **Bạch hóa chư đại đức tăng, chúng con xin thọ trì Tam Quy và...***

Hội chúng cùng nhau đọc bài kệ này để chấm dứt nghi thức quy y.

81. KỆ CHÚC NGƯỜI MỚI QUY Y TAM BẢO

Phàm tu Phật, buổi đầu sống Đạo
Phải quy y Tam Bảo làm căn
Nguyện theo Đức Phật, Pháp, Tăng
Có nơi nương tựa vĩnh hằng, an vui!

Thọ ngũ giới, học điều nhân đức
Học từ bi, chân thật, hiền lành
Chớ nên giết hại chúng sanh
Rời xa bất chánh, viên thành thiện tâm.

Phải sáng suốt mê lầm thấy rõ
Nguyện từ nay ác nhỏ không làm
Lành thay: Vô hận, vô tham
Thanh lương đức hạnh, thanh toàn phúc duyên.

Nẻo ác đạo: Bốn miền đóng lại
Cửa trời, người bảy cõi thênh
thang Học thêm bổ thí, cúng dàng
Tịnh tâm niệm Phật, mọi đàng mọi hay.

Bạn đồng đạo chỉ bày thêm nữa
Vớ Thiệt nam, Tín nữ dắt dìu
Người đi trước, kẻ đi sau
Con đường chân phúc, khổ cầu mới nên.

Chí tu học, vững bền một dạ
Giữ đức tin chẳng ngã, chẳng lay
Lại thêm học Đạo, tầm thầy
Mở mang trí tuệ, tháng ngày cần chuyên.

Cầu Đức Phật ân triêm đại độ
Rải từ bi gia hộ chúng con
Tấn tu bất thoái, chẳng sờn
Hầu khai pháp nhãn, thiết chơn tỏ tường./.

(Có thể tụng thêm phần này)

51. Giải thoát Pháp Bảo nên hành

Đặng mà dứt khổ, truyền quanh đọa đầy

Cầu cho hưng thịnh lâu dài

Pháp thiện trí thức các ngài mở mang

Bậc tu xin được bình an

Cầu cho Tăng chúng các hàng hòa nhau

Lại thêm phẩm hạnh thanh cao

Những quả lợi ích đến mau kịp thì

Cầu mong^(xin) Pháp Bảo hộ trì

Cho người tu đã quy y Phật rồi

Xin cho cả thầy chúng con

Tấn hóa trong Pháp, Phật roi giáo truyền./ . [KX]

Cuối cùng là hồi hướng chư Thiên

*(‘Chư Thiên ngự trên hư không’, và ‘phước căn
con ...đã tạo thành,...')*

82. BA HẠNG NGƯỜI CON

Tiểu Bộ Kinh, Phật Thuyết Như Vậy (Itivuttaka), Chương Ba - Ba Pháp

Điều này đã được Đức Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe: Đây chư Tỳ khuru, các ba hạng con trai này xuất hiện, có mặt ở đời. Thế nào là ba? Ưu sanh, tùy sanh, liệt sanh.

Và đây chư Tỳ khuru, **thế nào là người con trai ưu sanh?** Ở đây, đây chư Tỳ khuru, cha mẹ của người con không quy y Phật, không quy y Pháp, không quy y Tăng, không từ bỏ sát sanh, không từ bỏ lấy của không cho, không từ bỏ tà hạnh trong các dục, không từ bỏ nói láo, không từ bỏ đắm say rượu men rượu nẫu, ác giới theo ác pháp. Còn người con của họ quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ đắm say rượu men rượu nẫu, giữ giới, theo pháp lành. Như vậy, đây chư Tỳ khuru, là người con ưu sanh.

Và đây chư Tỳ khuru, **thế nào là người con trai tùy sanh?** Ở đây này chư Tỳ khuru, cha mẹ của người con quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ đắm say rượu men rượu nẫu, giữ giới, theo các pháp lành. Người con trai của họ cũng quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ đắm say rượu men rượu nẫu, giữ giới, theo các pháp lành. Như vậy đây chư Tỳ khuru, là người con tùy sanh.

Và đây chư Tỳ khuru, **thế nào là người con trai liệt sanh?** Ở đây, đây chư Tỳ khuru, cha mẹ của người con trai này quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ đắm say rượu men, rượu nẫu, giữ giới, theo các pháp lành. Và người con của họ không quy y Phật, không quy y Pháp, không quy y Tăng, không từ bỏ sát sanh, không từ bỏ lấy của không cho, không từ bỏ tà hạnh trong các dục, không từ bỏ nói láo, không từ bỏ đắm say rượu men rượu nẫu, ác giới, theo ác pháp. Như vậy, đây chư Tỳ khuru, là người con liệt sanh. đây chư Tỳ khuru, có ba hạng con trai này có mặt, xuất hiện ở đời.

Đức Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

Bậc Hiền trí ước muốn, ~ Con trai ưu, tùy sanh, Không ước muốn liệt sanh, ~ Một gánh nặng gia đình, Đời có những con này, ~ Trở thành nam cư sĩ,

Sống đầy đủ tín giới, ~ Biết nghe lời người khác,

Xa lìa sự xan tham. ~ Những người con như vậy,

Như trăng thoát đám mây, ~ Chói sáng giữa hội chúng. Ý

nghĩa này được Đức Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe./.

83. CHƯ TĂNG TÁC BẠCH TRAI TĂNG THAY CHO PHẬT TỬ

(Vị trụ trì đại diện tác bạch lên chư Tăng và phúc chúc đến thí chủ)

Namo Buddhāya, Namo Dhammāya, Namo Saṅghāya

Kính bạch chư Đại Đức Tăng, /hôm nay ngày tháng...,
tháng..., năm..., /nhằm ngày... tháng... năm (âm lịch)

Có gia đình thí chủ: Phật tử.../

Phát tâm trong sạch, /thiết lễ cúng dường, /đặt bát trai
tăng, /ngõ hầu tôn tạo phước lành, /ngưỡng mong trên
chư tôn thiên đức Tăng, /thùy từ chứng minh công đức.

/Chú nguyện phước lành, /hồi hướng cầu siêu đến các
bậc ân nhân, /cửu huyền thất tổ của gia đình thí chủ đã
quá vãng, /nhất là các hương linh cổ Phật tử.../

Được ân triêm công đức, /sớm được siêu sanh về nơi
nhàn cảnh, /bằng như đang ở nơi an, /thì sự an vui càng
tăng tiến thêm. /Được kết quả làm người, /quả trời,
/cùng quả Niết Bàn./

Và cầu nguyện phước lành phát sanh với tấm lòng thành
kính hộ Pháp, hộ Tăng, /hộ trì Phật Pháp./Nguyện cầu oai
lực Tam Bảo, /oai lực chư Thiên, /phước báu tu tập của
chư Tăng, /gia hộ đến thân bằng quyến thuộc nội ngoại
hai bên, /của gia đình thí chủ còn tại tiền, /nhất là các gia
đình Phật tử..., /được nhiều phước lành, /được tăng long
phúc thọ, /tật bệnh tiêu trừ, /tai qua nạn khỏi, /vạn sự
kiết tường, /và gặp nhiều thuận may trong đời sống, /để
được tiến tu trong Phật Pháp. /Lần thứ nhì, /lần thứ ba.
/Sādhu,
/sādhu, /lành thay!

***(Chư Phật tử lạy và ngồi nghe chư Tăng tụng kinh
Phúc Chúc quả phước lành này).***

84. TÁC BẠCH KỆ THỈNH PHÁP SƯ
DHAMMADESANĀYĀCANA-GĀTHĀ

**(...) Evaṃ sahaṃpatī brahmā, ~ bhagavantam ayācatha,
Tuṇhībhavena tam Buddhō, ~ kāruṇṇenādhivāsaya.
Taṇhā vuṭṭhāya pādena, ~ migadāyaṃ tato gato,
Pañcavagyaḍayo neyye, ~ amam pāyesi dhammato.
Tato pabhūti sambuddho, ~ anūnā dhammadesanam,
Māghavassāni desesi, ~ sattānam atthasiddhakam.
Tena sādhu ayyo bhante, ~desetu dhammadesanam,
Sabbāyidha parisāya, ~ anukampampi kātave./.**

(...) Phạm Thiên vẫn ngậm ngùi khẩn khoản,
Phật nhậm lời nhưng chẳng dĩ hời,
Quyết lòng mở đạo dạy đời,
Nhắm vườn Lộc Giả Ngài dời chân sang.
Thuyết Pháp độ các hàng đệ tử,
Có năm Thầy thính dự Pháp từ,
Đó là nhóm Kiều Trần Như,
Được nếm hương vị Hữu dư Niết bàn.
Rồi từ đó mở mang Giáo Pháp,
Bốn mươi lăm hạ giáp vẹn toàn,
Một lòng chẳng thối không mòn,
Những điều lợi ích hằng còn lâu năm.
Cả tam giới thừa ân phổ cập,
Đám mưa lành rưới khắp thế gian,
Bởi nhân có, tích rõ ràng,
Thỉnh Ngài thuyết pháp noi đàn từ bi.
Chúng sanh ngời khắp chốn ni,
Tối mê cầu được trí tri vẹn toàn./.

[KX]

(Thỉnh Pháp Sư theo cách ngắn gọn)

**Thỉnh Pháp Sư dâng đàn, thuyết giáo Quý nơi
đây, tâm đạo tín thành Ngưỡng cầu duyên
phúc trọn lành
Ngưỡng cầu gieo hạt Vô Sanh Bồ Đề¹. [HK]**

***Khi đã thuyết Pháp xong, Phật tử tụng bài kinh hồi hướng
Pháp thí, Ngưỡng cầu các đấng chư Thiên,...***

¹ Trích 'Kinh Tụng', Phật Học Viện Huyền Không, trang 108 (DL. 2011).

85. TÁC BẠCH LỄ TRAI TĂNG, CẦU SIÊU (*Tác bạch dâng mâm huê¹*)

Namo tassa bhagavato arahato sammāsambuddhassa.
(3x)

Ayaṃ no bhante piṇḍapāto dhammiko
dhammaladdho dhammeneva uppādito mātāpitu-
ādike guṇavante uddissa imaṃ Saṅghabhattaṃ (...)
saparikkhāraṃ buddhappamukkhassa saṅghassa
dema te guṇavantādayo imaṃ Saṅghabhattaṃ (...)
attano santakaṃ viya maññamānā anumodantu
anumoditvāna yathicchitasampattihi samijjhantu
sabbadukkhā pamuñcantu iminā nissandena.

Nghĩa:

1. Tác bạch dâng cúng:

Bạch hóa² chư Đại Đức Tăng được rõ: /những thực phẩm
này của chúng con làm, /hiệp theo lễ đạo, / được cũng
hiệp theo lễ đạo, /chúng con dâng những thực phẩm này,
gọi là lễ **Trai Tăng**, /có cả món ăn phụ tùy, /dâng cúng
đến chư Tăng, /xin Phật chứng minh./

2. Hồi hướng quả phước:

Chúng con xin hồi hướng /phần phước báu thanh cao này,
/thấu đến chư hương linh đã quá vãng, /nhất là (*ông, bà...*),
/cùng cửu huyền thất tổ, /thân bằng quyến thuộc, /ông
bà cha mẹ, /nội ngoại hai bên./Và xin cho các vị đó, /hay
biết rằng: /phước báu của lễ **Trai Tăng** này, /về phần các
vị đó,
/và xin các vị đó /được phép thọ hưởng tùy ý. /sau khi thọ
hưởng rồi, /thì được thoát khỏi những điều lao khổ,
/được

¹ Dâng cúng cơm bánh vật thực, ... nói chung.

² Từ 'hóa' có thể được xuất phát từ 'qua', do vậy có thể hiểu là bạch qua, thông qua.

siêu sanh về nơi nhàn cảnh, /bằng như đang ở nơi an vui,
/thì sự an vui càng tăng tiến thêm, /được kết quả làm
người, /quả trời, /cùng quả Niết Bàn. /Do theo phước
báu, chảy vào không dứt./Lần thứ nhì, /lần thứ ba./

Nghi lễ chư Tăng tụng kinh Phúc Chúc.

***Sau phần tụng kinh Phúc Chúc hoan hỷ phước của tín
chủ, các Phật tử cùng đọc lên phần hồi hướng sau***

3. Hồi hướng - hoàn mãn:

Sādhu! Sādhu! Lành thay! /Chúng con xin hồi hướng,
/phần phước thanh cao này, /thấu đến tất cả chư Thiên
và nhân loại, /nhất là chư Thiên ngự trên cõi trời Tứ Đại
Thiên Vương, /chư Thiên ngự trên xung quanh ngôi
chùa này,
/chư Thiên ngự xung quanh ngôi nhà này, /Cầu mong^(xin)
các ngài hoan hỷ thọ lãnh, /và hộ trì cho tất cả chúng con,
/nhất là... tên.../được tai qua nạn khỏi, /tật bệnh tiêu trừ,
/gia đạo thái hòa./

Và xin chư Thiên hoan hỷ báo truyền, /cho chư hương linh
đã quá vãng, /nhất là (ông, bà...), /[nhất là ông bà cha mẹ
của chúng con], /được hoan hỷ thọ lãnh phần phước báu
thanh cao này, /sau khi thọ lãnh rồi, /được siêu sanh về
nơi nhàn cảnh, /bằng như đang ở nơi an vui, /thì sự an vui
càng tăng tiến thêm./Lần thứ nhì, /lần thứ ba./

***Chư Phật tử tụng kinh hồi hướng. [Con xin hồi hướng quả
này, Thấu đến quyến thuộc nơi đây cho tường;] [Phước
căn con đã tạo thành, Do thân, khẩu, ý tu hành gieo
nên...][Chư Thiên ngự trên hư không,...]... Do sự phước
báu mà chúng con đã trong sạch làm đây,... Idam no
ñātinam...***

Buổi lễ Trai Tăng hoàn mãn.

86. TÁC BẠCH TỤNG KINH CẦU AN¹

Namo tassa bhagavato arahato sammāsambuddhassa. (3x)

- Vipattippatibāhāya sabbasampattisiddhiyā
sabbadukkhavināsāya parittam brūtha maṅgalam.
- Vipattippatibāhāya sabbasampattisiddhiyā
sabbabhayavinasāya parittam brūtha maṅgalam.
- Vipattippatibāhāya sabbasampattisiddhiyā
sabbarogavināsāya parittam brūtha maṅgalam².

1. Tác bạch dâng cúng: Kính bạch chư Đại Đức Tăng, /chúng con xin thành kính, /dâng tứ vật dụng này, /đến chư Đại Đức Tăng, /cho chúng con được sự tấn hóa, sự lợi ích, /sự an vui lâu dài./lần thứ nhì, /lần thứ ba./

2. Tác Bạch Cầu An:

Kính bạch chư Đại Đức Tăng, /cầu xin chư Đại Đức Tăng, /**tụng kinh cầu an**, /cho (ông, bà...), /và toàn thể Phật tử, /hiện diện nơi đây, /để ngăn ngừa tránh khỏi, /những điều rủi ro tai hại, /cho đặng thành tựu những hạnh phúc, /khiến cho tất cả sự khổ não, /kinh sợ và bệnh tật, /thấy đều tiêu tan. /Lần thứ nhì, /lần thứ ba./

Chư Tăng tụng kinh Phúc Chúc xong, các Phật tử cùng đọc lên phần hồi hướng sau đây:

3. Hồi hướng - hoàn mãn:

Sādhū! Sādhū! Lành thay! Chúng con xin hồi hướng, /phần phước báu thanh cao này, /thấu đến tất cả chư Thiên và nhân loại, /cùng các bậc hữu ân của chúng con, /người còn được an vui, mạnh khỏe, /nhất là... (tên, họ)..., /được tai qua nạn khỏi, /tật bệnh tiêu trừ, /gia đạo thái hòa. /

Chúng con cũng xin hồi hướng, /phần phước báu thanh cao này, /thấu đến chư hương linh đã quá vãng, /nhất là (Ông bà...), /được hoan hỷ thọ lãnh, /phần phước thanh cao này, /sau khi thọ hưởng rồi, /được siêu sanh về nơi nhàn cảnh, /bằng như đang ở nơi an vui, /thì sự an vui càng tăng tiến thêm. /Lần thứ nhì, /lần thứ ba. /

(Phật tử tụng kinh hồi hướng).

¹ Parittabhāsanāyācana-gāthā

² Nhứt Hành Của Người Tại Gia Tu Phật, Bhikkhu VAMSAKAKHITA, Tỳ khưu HỘ TÔNG, ấn bản 2006 (PL. 2550), trang 56, ấn bản mới 2006 (PL. 2550)

87. HƯỚNG DẪN TÁC BẠCH CẦU SIÊU VÀ CẦU AN (MỚI)

Thông thường, nếu Phật tử mong muốn làm phước để cầu an hay cầu siêu cho những người thân trong gia đình như ông bà, cha mẹ... anh chị em đang hiện tiền hay đã quá vãng; thì việc trước tiên họ phải chuẩn bị một bữa trai tăng (dâng cúng vật thực) hay dâng cúng vật dụng hay tứ sự tịnh tài, hay ngay cả một chai nước,... Việc dâng cúng đều có phước, tùy theo tâm lực một phần (vật thí quý trọng cũng là một phần phước báu). Khi đã làm phước, thì thuận duyên chúng ta mới lấy đó làm nhân để hồi hướng hay chia phước đến ân nhân đã quá vãng hay còn đang hiện tiền.

Để bắt đầu cho một buổi lễ, theo truyền thống Phật giáo Nguyên Thủy thì người Phật tử phải tiếp đón chư Tăng một cách thành kính và chu đáo. Nếu có người trong nhà, là người thiện nam để đại diện gia đình tiếp rước chư tăng đến nhà thì nên làm. Theo truyền thống mỗi nước, đều có cách cung đón khác nhau. Ở Sri Lanka, vị trú trì sẽ mang theo bảo tháp Xá Lợi Phật và người thiện nam phải dùng khăn đội trên đầu và rước Xá Lợi đó vào trong nhà, và tôn trí một góc. Khi chư tăng bước vào nhà, đến trước cửa thì họ chuẩn bị nước rửa chân và dùng khăn lau chân. Sau khi đã ổn định, mọi người trong gia tộc bắt đầu xin thọ trì tam quy và ngũ giới. Tiếp đến là người Phật tử xin được tác bạch dâng cúng, tác bạch cầu an, hay cầu siêu đến thân bằng quyến thuộc như ông bà, cha mẹ, anh chị em... còn hiện tiền (cầu an) hay ông bà, cha mẹ, anh chị em... đã quá vãng được hưởng phần phước thanh cao này. Nếu người Phật tử cùng tụ hội ở chùa thì mình cũng có thể chuẩn bị và dâng lên vật thực, tứ sự, y ca sa, tịnh tài... lên chư tăng tại chùa đó. Và nghi lễ vẫn như vậy, xin giới, tác bạch, cúng dường, nghe kinh và hồi hướng, chia phước.

Thông thường, mỗi cuộc lễ cúng dường thì chúng ta nên tác bạch cả cầu an lẫn cầu siêu. Việc cầu siêu là hồi hướng phần phước này đến thân bằng quyến thuộc trong nhiều đời kiếp trong luân hồi, vẫn là điều mà Đức Phật vẫn nhắc đến. Nếu ông, bà, cha mẹ,... đã quá vãng, mà tái sanh đi cõi khác (trời, người, súc sanh), không phải cõi khổ ngạ quỷ (*peta*) thì phần phước này cũng nên được tưởng nhớ đến thân bằng quyến thuộc trong quá khứ đã quá vãng.

Nói tóm lại, việc chúng ta làm phước và có dâng cúng bằng thân khẩu và ý đều tác thành hạnh nghiệp vững chắc, phước báu trọn vẹn. Khi có phước thì chúng ta nên tưởng nhớ và hồi hướng hay cầu an cho ai đó. Đó là cuộc lễ mà ai ai cũng có thể thực hành được. Thực hành hạnh bố thí rồi hồi hướng phước hay chia phước là việc làm tốt cho người cư sĩ tại gia, để trau dồi Ba-la-mật bố thí.

Sau đây là vài cách tác bạch (theo lối mới):

88. TÁC BẠCH THEO MIỀN TRUNG VÀ MIỀN NAM

1. Tác Bạch Dâng Cúng:

(1) Kính bạch chư Đại Đức Tăng, /chúng con xin thành kính, /dâng cúng (y ca sa và) /tứ vật dụng này /ngưỡng mong chư Đại Đức Tăng, /từ bi hoan hỷ thọ dụng, /cho chúng con, /nhất là gia đình thí chủ..., /được sự tấn hóa, /sự lợi ích, /và sự an vui lâu dài./

(2) Kính bạch chư Đại Đức Tăng, /Hôm nay ngày... tháng... năm...), /tại tư gia... *kiệt..., đường..., thôn (khối)..., phước...*

/Gia đình Phật tử... (*ông..., bà...,* /thành kính cung thỉnh chư Đại Đức Tăng, /về tại tư gia của chúng con, /để đặt bát cúng dường (dâng cúng trai tăng)./

2. Tác Bạch Cầu Siêu:

Kính bạch chư Đại Đức Tăng, /cầu xin chư Đại Đức Tăng, /tụng kinh cầu siêu, (*để chú nguyện quả phước thanh cao này*), /(*để trợ tuyền*) đến hương linh (Ông, bà...), /ngưỡng mong oai lực Tam Bảo, /chư thiên thù từ gia hộ, /cho hương linh đã quá vãng, /(*cùng cứu huyền thất tổ, /nội ngoại hai bên của chúng con*), /được siêu sanh về nơi nhàn cảnh, /bằng như đang ở nơi an vui, /thì sự an vui càng tăng tiến thêm. /Lần thứ nhì, /lần thứ ba./

3. Tác Bạch Cầu An:

Kính bạch chư Đại Đức Tăng, /cầu xin chư Đại Đức Tăng, /tụng kinh cầu an, /cho... (*đọc tên người cầu an*)..., cùng toàn thể đạo tràng Phật hiện diện nơi đây/để ngăn ngừa tránh khỏi, /những điều rủi ro tai hại, /cho đặng thành tựu những hạnh phúc, /khiến cho tất cả các sự khổ não, /kinh sợ và bệnh tật, /thảy đều tiêu tan. /Lần thứ nhì, /lần thứ ba./

Chư Tăng tụng kinh Phúc Chúc xong, các Phật tử cùng đọc lên phần hồi hướng sau đây:

4. Hồi hướng - hoàn mãn:

Sādhu! Sādhu! Lành thay!

(1) Chi Tiết:

Cầu Siêu: Chúng con xin hồi hướng, /phần phước thanh cao này, /thấu đến tất cả chư Thiên và nhân loại, /nhất là chư Thiên, /ngự trên cõi trời Tứ Đại Thiên Vương, /chư Thiên ngự trên xung quanh ngôi chùa này, /chư Thiên ngự xung quanh ngôi nhà này, /cầu xin các ngài hoan hỷ thọ lãnh, /sau khi thọ lãnh rồi, /xin hoan hỷ mách bảo, /đến chư hương linh của chúng con đã quá vãng, /nhất là hương linh... (tên)..., /*[nhất là ông bà cha mẹ của chúng con]*, /được hoan hỷ thọ lãnh, /phần phước báu thanh cao này, /sau khi thọ lãnh rồi, /được siêu sanh về nơi nhàn cảnh, /bằng như đang ở nơi an vui, /thì sự an vui càng tăng tiến thêm.

Cầu An: Ngưỡng mong oai lực Tam Bảo, /chư thiên hộ pháp, /thùy từ gia hộ, /cho gia đình chúng con, /cùng toàn thể Phật tử hiện diện nơi đây, /nhất là thí chủ..., /được an vui, mạnh khỏe¹, /được tai qua nạn khỏi, /tật bệnh tiêu trừ, /gia đạo thái hòa. /Do theo phước báu, /chảy vào không dứt, /lần thứ nhì, /lần thứ ba./

(2) Ngắn Gọn: Cầu An và Cầu Siêu:

Chúng con xin hồi hướng, /phần phước thanh cao này, /thấu đến tất cả chư Thiên và nhân loại, /cùng các bậc hữu ân của chúng con, /người còn được an vui, mạnh khỏe, /*(nhất là thí chủ...)*/kẻ thác được siêu sanh về nơi nhàn cảnh, *(nhất là hương linh...)*/bằng như ở nơi an vui, /thì sự an vui càng tăng tiến thêm. /Lần thứ nhì, /lần thứ ba./



¹ Kẻ thác được siêu sanh về nơi nhàn cảnh, bằng như đang ở nơi an vui, ...

89. TÁC BẠCH THEO MIỀN BẮC (Vinh - Hà Nội)

1. Tác Bạch Dâng Cúng:

Nam Mô Phật, Nam Mô Pháp, Nam Mô Tăng,
Nam Mô Phật Pháp Tăng Tam Bảo

Bạch hóa chư Đại Đức Tăng, hôm nay là ngày... tháng...
năm..., /tức nhằm ngày..., tháng... năm...

Gia đình tín chủ chúng con, /trú tại số nhà..., /đường...,
khối..., /phường..., /thành phố..., /tỉnh.../thành tâm sắm
sữa các lễ vật, /hoa quả hương đăng, /cơm bánh vật thực
các loại, /cùng tứ sự tịnh tài, /(y ca sa), /xin cúng dường
lên ba ngôi Tam Bảo, /xin Phật chứng minh./

Chúng con xin cung thỉnh, /chư Đại Đức Tăng, /quang lâm
về tại gia thất của chúng con, /bi miễn thọ lãnh.

2. Tác Bạch Cầu Siêu:

Chúng con xin cung thỉnh, /chư Đại Đức tăng, /**khai mở
khóa kinh cầu siêu**, /đến cho tất cả hương linh đã quá
vãng, /nhất là hương linh cụ bà, /cụ ông..., /tạ thế vào lúc...,
/hưởng thọ..., /an táng tại... /Ngưỡng cầu chư thiên hộ
pháp, /đang cư ngụ trong khuôn viên ngôi nhà này, /xin
báo truyền đến hương linh đã quá vãng, /về tại gia cư gia
trạch, /để thọ hưởng phần phước báu thanh cao này. /Sau
khi thọ hưởng rồi, /được thoát khỏi những điều lao khổ,
/được siêu sanh về nơi nhàn cảnh, /bằng như đang ở nơi
an vui, /thì sự an vui càng tăng tiến thêm.

3. Tác Bạch Cầu An:

Chúng con lại xin cung thỉnh, /chư Đại Đức Tăng, /**khai mở
khóa kinh cầu an**, /đến cho toàn thể thiện tín chúng con,
/(hiện diện nơi đây), /để ngăn ngừa tránh khỏi,
/những điều rủi ro tai hại, /cho đặng thành tựu những
hạnh phúc, /khiến cho tất cả các sự khổ não, /kinh sợ, /và
bệnh tật, /thấy đều tiêu tan, /lần thứ nhì, /lần thứ ba.
/Chúng con xin thành tâm bái thỉnh.

***Chư Tăng tụng kinh Phúc Chúc xong, các Phật tử cùng
đọc lên phần hồi hướng sau đây:***

4. Hồi hướng - hoàn mãn:

Sādhu! Sādhu! Lành thay! Chúng con xin hồi hướng, /phần phước báu thanh cao này, /thấu đến chư thiên và nhân loại, /nhất là chư thiên ngự trên cõi trời, /Tứ Đại thiên Vương, /cùng tất cả các chư thiên, /ngự xung quanh ở trong khuôn viên ngôi nhà này, /xin các ngài hoan hỷ tùy hỷ, /thọ lãnh phần phước báu thanh cao này. /Sau khi thọ hưởng rồi, /xin báo truyền đến cho cửu huyền thất tổ, /cao tăng tổ khảo, /cao tăng tổ tỷ, /cô dì tỷ muội, /bá thúc huynh đệ, /tảo sa tảo lạc, /nội ngoại hai bên, /nhiều đời nhiều kiếp, /đã quá vãng của chúng con. /Cầu mong cho các vị đó, /được thọ hưởng tùy ý, /sau khi thọ hưởng rồi, /được kết quả làm người, /quả trời cùng quả Niết Bàn. /cho được thành tựu như ý muốn, /bằng như đang ở nơi an vui, /thì sự an vui càng tăng tiến thêm. /Do theo phước báu, /chảy vào không dứt. /Lần thứ nhì, /Lần thứ ba.

Chư Phật tử tụng kinh hồi hướng. [Con xin hồi hướng quả này, Thấu đến quyến thuộc nơi đây cho tường;] [Phước căn con đã tạo thành, Do thân, khẩu, ý tu hành gieo nên...] [Chư Thiên ngự trên hư không,...] ... Do sự phước báu mà chúng con đã trong sạch làm đây,... Idam no nātinam...

Buổi lễ Trai Tăng - hoàn mãn.

(Tham khảo)

* phần phước báu thanh cao này, /thấu đến cho chư hương linh quá vãng, /của dòng họ..., /và chư vị khuất mặt, /ở xung quanh khuôn viên ngôi nhà này, /nhất là...

* phần phước báu thanh cao này, /thấu đến tất cả chư Thiên và nhân loại, /cùng các bậc hữu ân của chúng con, /người còn được an vui, mạnh khỏe,...



90. TÁC BẠCH DÂNG Y, ĐẶT BÁT, AN VỊ PHẬT

Namo tassa...

1. Tác Bạch Dâng Cúng:

Hôm nay ngày... tháng... năm..., /nhằm ngày... tháng...,
năm... /Gia đình chúng con, /cùng anh chị em Phật tử,
/sắm sửa hoa quả hương đăng, /cơm bánh vật thực, /y áo,
tịnh tài, /để đặt bát, /và kính dâng lên chư Đại Đức Tăng.
/Chúng con kính mong, /chư Đại Đức Tăng, /hoan hỷ thọ
lãnh cho chúng con, /được sự tấn hóa, /sự lợi ích, /sự an
vui lâu dài. /

2. Tác Bạch Cầu An:

Sau khi thọ lãnh rồi, /cầu xin các ngài hoan hỷ **tụng kinh
an vị Phật**, /và **tụng kinh cầu an**, /cho cha mẹ hiện tiền
của chúng con, (*nhất là...*), /để ngăn ngừa tránh khỏi,
/những điều rủi ro tai hại, /choặng thành tựu những
hạnh phúc, /khiến cho tất cả các sự khổ não, /kinh sợ và
bệnh tật, /thảy đều tiêu tan.

3. Tác Bạch Cầu Siêu:

Chúng con xin hồi hướng, /phần phước báu thanh cao này,
/thấu đến chư Thiên và nhân loại, /nhất là chư Thiên ngự
trên cõi trời Tứ Đại Thiên Vương, /chư Thiên ngự xung
quanh ngôi nhà này. /Đồng thời, /chúng con xin hồi
hướng, /phần phước báu thanh cao này, /thấu đến cho
chư hương linh đã quá vãng, (*nhất là...*) /cầu mong cho
các vị đó, /sớm được siêu sanh về nơi nhàn cảnh. /Lần
thứ nhì.
/Lần thứ ba.

***Chư Tăng tụng kinh phúc chúc xong, các Phật tử cùng
đọc lên phần hồi hướng sau đây:***

4. Hồi hướng - hoàn mãn:

Chúng con xin hồi hướng, /phần phước báu thanh cao này,
/thấu đến tất cả chư Thiên và nhân loại, /nhất là chư Thiên
ngự trên cõi trời Tứ Đại Thiên Vương, /và chư Thiên ngự
xung quanh ngôi nhà này. /Đồng thời, chúng con xin hồi
hướng, /phần phước báu thanh cao này, /thấu đến cho chư
hương linh đã quá vãng, (nhất là...)/cầu mong cho các vị đó,
/sớm được siêu sanh về nơi nhàn cảnh.

Cầu cho cha mẹ hiện tiền của chúng con, (nhất là...)/được
sự an vui, mạnh khỏe, /và tấn hóa trên đường Phật đạo.
/Do theo phước báu, /chảy vào không dứt. /Lần thứ nhì.
/Lần thứ ba.

*Chư Phật tử tụng kinh hồi hướng. [Con xin hồi hướng quả
này, Thấu đến quyến thuộc nơi đây cho tường;] [Phước
căn con đã tạo thành, Do thân, khẩu, ý tu hành gieo
nên...] [Chư Thiên ngự trên hư không,...]... Do sự phước
báu mà chúng con đã trong sạch làm đây,... Idam no
ñātinam...*

Buổi lễ đặt bát hoàn mãn.

91.TÁC BẠCH CẦU SIÊU ĐẾN HƯƠNG LINH PHẬT TỬ

Kính bạch chư Đại Đức Tăng, /cầu xin chư Đại Đức Tăng,
mở khóa kinh cầu siêu, /để trợ tuyền¹ đến hương
linh.../ngưỡng mong oai lực Tam bảo - chư thiên, /thù
từ gia hộ hương linh, /được siêu sanh về nơi nhàn cảnh,
/bằng như đang ở nơi an vui, /thì sự an vui càng thêm
tăng tiến. Lần thứ nhì, lần thứ ba, /chúng con thành tâm
tác bạch./

¹Trợ duyên.

92. TÁC BẠCH HÚY KỶ MỘT VỊ XUẤT GIA

Namo tassa...

Kính bạch chư Đại Đức Tăng, /Hôm nay ngày... tháng... năm... (nhằm ngày..., tháng..., năm...), /là ngày húy kỵ của Giác Linh Ngài... (Pháp Danh của vị Tỳ khưu), /toàn thể Phật tử chúng con, /thành tâm thiết lễ trai tăng, /dâng cúng cơm bánh vật thực, /y Ca-sa và tứ vật dụng (tịnh tài) này, /cầu xin chư Đại Đức Tăng, /hoan hỷ chứng minh và thọ dụng, /và chú nguyện quả phước thanh tịnh này, /đến Giác Linh Ngài..., /nguyện cầu cho Thập Độ Ba-la-mật của giác linh, /sớm được thành tựu viên mãn. /Lần thứ nhì,
/lần thứ ba. /

(Chư Tăng tụng kinh phước chúc xong, Phật tử hồi

Sadhu! Sādhu! Lành Thay!

Chúng con xin hồi hướng, /phần phước báu thanh cao này, /thấu đến tất cả chư Thiên và nhân loại, /cùng các bậc hữu ân của chúng con đã quá vãng, /nhất là Giác Linh Ngài..., /Do sự phước báu, /mà chúng con đã trong sạch làm đây, /xin dâng đến Giác Linh Ngài..., /nguyện cầu cho Thập Độ Ba-la-mật của ngài, /sớm được thành tựu viên mãn. /Y như ý nguyện, /y như ý nguyện./

Chư Phật tử tụng kinh hồi hướng. [Con xin hồi hướng quả này, Thấu đến quyến thuộc nơi đây cho tường;] [Phước căn con đã tạo thành, Do thân, khẩu, ý tu hành gieo nên...] [Chư Thiên ngự trên hư không,...]... Do sự phước báu mà chúng con đã trong sạch làm đây,... Idam no ñātinam...

Buổi lễ Trai Tăng hoàn mãn.

93. TÁC BẠCH DÂNG LIÊU CỐC

❀ Namo tassa...

Mayaṃ bhante imaṃ kuṭimkāretvā cātuddisassa
bhikkhusaṅghassa dema. Sādhū bhante
bhikkhusaṅgho imaṃ kuṭim paṭiggaṇhātu amhākaṃ
dīgharattaṃ atthāya hitāya sukhāya. Dutiyampi.
Tatiyampi.

Nghĩa Việt:

Kính bạch chư Đại Đức Tăng, /*chúng con đã xây cất xong*
ngôi cốc liêu này, /chúng con xin dâng cúng đến tứ phương
Tăng (Tỳ khưu)./Lành thay, bạch hóa chư Đại Đức Tăng,
/cầu xin chư Đại Đức Tăng, /nhận lãnh và thọ dụng *liêu cốc*
này, /cho chúng con được sự tấn hóa, /sự lợi ích, /sự an vui
lâu dài. /Lần thứ nhì. /Lần thứ ba. /

❀ ***Có nhiều loại có thể dâng lên chư Tăng như sau:***

Dâng nhà Sīmā (Chánh điện): **uposathāgāraṃ**

Dâng cốc nhỏ: **vihāraṃ**

Dâng nhà ăn: **sālaṃ**

Dâng tài sản: **garubhaṇḍaṃ**

Dâng cúng dầu: **telam.**

Dâng cúng nước mía: **phāṇitaṃ**. Dâng cúng nước thốt
nốt: **tālodakaṃ**.

Dâng các thứ trái cây: **nānāphalāni** (*imaṃ* đổi sang
imāni).

Dâng gạo: *imāni* **tandulāni**.

Dâng thuốc chữa bệnh: **gilānabhesajjaṃ**.

(Kính bạch chư Đại Đức Tăng, chúng con xin dâng... này.)

94. TÁN THÁN CÚNG DƯỜNG LIÊU CỐC

Tạng Luật, Vinaya Pitaka, Tiểu Phẩm (Cullavagga),

IV. Chương Sàng Tọa (senāsanakkhandhakam), Tỳ khuru Indacanda dịch

**Sītaṃ uṇhaṃ paṭihanti¹, tato vālamigāni ca; Sarīsape²
ca makase, sisire cāpi vuṭṭhiyo.**

**Tato vātātapo ghero, sañjāto³ paṭihaññati; Leṇatthañca
sukhatthañca, jhāyituñca vipassituṃ.**

Vihāradānaṃ saṅghassa, aggaṃ buddhena⁴ vaṇṇitaṃ;

Tasmā hi paṇḍito, poso sampassaṃ atthamattano.

**Vihāre kāraye ramme, vāsayettha bahussute; Tesaṃ
annañca pānañca, vatthasenāsanāni ca; Dadeyya
ujubhūtesu, vippasannena cetasā.**

Te tassa dhammaṃ desenti, sabbadukkhāpanūdanaṃ;

Yaṃ so dhammaṃ idhaññāya, parinibbāti anāsavo”ti.

Nghĩa Việt:

Trú xá ngăn ngừa nóng lạnh, ~ Và các loài thú dữ, Các
loài rắn, muỗi mòng, ~ Luôn các cơn mưa lạnh. Cơn gió
nóng dữ dội ~ Sanh lên bị dội lại.

Sự bố thí trú xá ~ Đến hội chúng để hành

Thiền định và minh sát ~ Dem lại sự nương náu Dem
lại sự an lạc ~ Đã được chư Phật Đà

Ngợi khen là tối thắng. ~ Vì thế người trí tuệ Thấy lợi
ích cho mình ~ Cho xây trú xá đẹp Để các bậc đa văn ~
Có thể ngụ nơi ấy.

Nên cúng dường cơm nước ~ Y áo, chỗ trú ngụ Đến các
chân tu ấy ~ Có tâm tư thanh tịnh.

Đến người, các vị thuyết ~ Pháp xua mọi khổ đau

Người thấy pháp đời này ~ Không còn ô nhiễm nữa Và
chứng ngộ Niết Bàn./.

¹ paṭihanati (ka.)

² sirīmsape.

³ vātātape ghere, sañjāte (saddanīti).

⁴ buddhehi - Syā.

95. TÁC BẠCH CÚNG DƯỜNG KINH SÁCH

Mayaṃ bhante imaṃ saparivāraṃ teṭṭakaganthaṃ
satthaṃ sabyañjanaṃ kevalaparipuṇṇaṃ
parisuddhaṃ cātuddisassa bhikkhusaṅghassa
onojayāma. Sādhu no bhante bhikkhusaṅgho imaṃ
saparivāraṃ teṭṭakaganthaṃ satthaṃ sabyañjanaṃ
kevalaparipuṇṇaṃ parisuddhaṃ paṭiggaṇhātu
amhākaṃ dīgharattaṃ atthāya hitāya sukhāya.

Dutiyampi...

Tatiyampi...

Nghĩa:

Kính bạch chư Đại Đức Tăng, /chúng con xin thành kính,
/dâng cúng kính điển tam tạng này, /cùng với sách phụ
chú có nghĩa, có văn cụ túc thanh tịnh, /xin dâng cúng đến
chư Tỳ khưu Tăng (tứ phương Tăng). /

Lành thay, /bạch hóa chư Đại Đức Tăng, /ngưỡng mong
chư Đại Đức Tăng, /lãnh nhận kính điển Tam Tạng này,
/cùng với sách phụ chú, /có nghĩa, có văn cụ túc thanh tịnh,
/cho chúng con được sự tấn hóa, /sự lợi ích, /sự an vui lâu
dài. /Lần thứ nhì. /Lần thứ ba.

Chư Tăng tụng kinh Phúc Chúc

*Chư Phật tử tụng kinh hồi hướng. [Con xin hồi hướng quả
này, Thấu đến quyền thuộc nơi đây cho tường;] [Phước
căn con đã tạo thành, Do thân, khẩu, ý tu hành gieo
nên...] [Chư Thiên ngự trên hư không,...]... Do sự phước
báu mà chúng con đã trong sạch làm đây,... Idaṃ no
ñātināṃ...*

96. TÁC BẠCH AN VỊ PHẬT

Cách 1: (đơn giản):

Kính bạch chư Đại Đức Tăng, /cầu xin chư Đại Đức Tăng,
/tụng kinh an vị Phật, /cho gia đình chúng con (tên chủ nhà)
/được sự tấn hóa, /sự lợi ích, /sự an vui lâu dài. Lần thứ nhì, lần thứ ba.

❁ *Sau thời kinh, Phật tử hồi hướng chư Thiên*
(Chư thiên ngự trên hư không,...)

Cách 2:

1. Idam bhante Buddharūpaṃ kāritaṃ
Buddhābhisekaṃ karotha.

2. Idam bhante Buddharūpaṃ kāritaṃ
Buddhābhisekaṃ karotha.

3. Idam bhante Buddharūpaṃ kāritaṃ
Buddhābhisekaṃ karotha.

Nghĩa:

1. Kính bạch chư Đại Đức Tăng, /đây là hình tượng Phật
đã được tôn tạo, /cầu xin quý ngài làm lễ an vị.

2. Kính bạch chư Đại Đức Tăng, /đây là hình tượng Phật
đã được tôn tạo, /cầu xin quý ngài làm lễ an vị.

3. Kính bạch chư Đại Đức Tăng, /đây là hình tượng Phật
đã được tôn tạo, /cầu xin quý ngài làm lễ an vị.

***Vị trưởng lão chú nguyện để xác định hình Phật hoặc
tượng Phật được tôn tạo (Phật tử có thể đọc theo):***

Ukāsa imaṃ buddharūpaṃ adhiṭṭhāma(adhiṭṭhāmi).
Dutiyampi imaṃ buddharūpaṃ adhiṭṭhāma(adhiṭṭhāmi).
Tatīyampi imaṃ buddharūpaṃ adhiṭṭhāma(adhiṭṭhāmi).

Nghĩa:

Chúng con (con) xin phát nguyện, /tôn trí tượng Phật này (bức ảnh Phật này).

Lần thứ nhì, /chúng con (con) xin phát nguyện, / tôn trí tượng Phật này (bức ảnh Phật này).

Lần thứ ba, /chúng con (con) xin phát nguyện, / tôn trí tượng Phật này (bức ảnh Phật này).

*Tiếp theo chư Tăng tụng kinh lễ bái xưng tán ân đức Tam Bảo, **Buddha-jayaṃgala-gāthā** (Kệ Phật Cầm Thắng), **Tidasa Pāramī** (Tam Thập Độ)v.v...*

Dứt thời kinh, các cư sĩ thọ quy giới, làm lễ trai tăng, thỉnh tụng kinh cầu an; hoặc thỉnh thuyết pháp trước lễ trai tăng, lễ cầu an càng tốt.

Chư tăng tụng kinh xong rồi, Phật tử đọc bài hồi hướng:
(Ākāsaṭṭhā ca bhummaṭṭhā...)

Chư Thiên ngự trên hư không

Địa cầu thượng ngự rõ thông mọi điều

.....

Idaṃ no (vo) nātinaṃ hotu sukhitā hontu nātayo. (3x)

Idaṃ me puññaṃ āsavakkhayāvahaṃ hotu. (3x)

Do sự phước báu mà chúng con đã trong sạch làm đây, hãy là pháp duyên lành, để dứt khỏi những điều ô nhiễm, ngủ ngầm nơi tâm trong ngày vị lai. *(lay)*.

97. NGHI THỨC CHÚC THỌ

Kính bạch chư Đại Đức Tăng, /hôm nay gia đình Phật tử “...”
thành kính cung thỉnh chư Đại Đức Tăng, /về tại tư gia của
chúng con, /để cúng dường cầu phúc, /nhân dịp các con
cháu làm lễ chúc thọ, /mừng cha mẹ (hay ông bà) được
thượng thọ (*hoặc đại thọ*). /Kính mong chư Đại Đức Tăng
chứng minh.

*Sau đó, các con cháu hướng về cha mẹ hay ông bà, đồng quỳ
lạy 3 lạy với sự trang nghiêm, rồi các người con cùng đọc
bài kệ xưng tán ân đức cha mẹ (nếu là các cháu nội, cháu
ngoại làm lễ chúc thọ ông bà thì không cần đọc bài kệ này):*

KỆ SÁM HỐI PHỤ MẪU

Kính thưa cha mẹ tường tri
Nghĩ suy con sợ lỗi nhĩ ân trên
Từ con hình thể có nên
Mẹ cha bảo dưỡng kè bên không rời
Nặng nề cực nhọc lắm ôi
Chăm nom con trẻ kể thôi sao cùng
Con xin đánh lễ cúc cung
Nghiêng mình phủ phục mong dung tội rày
Khi con la khóc rày tai
Từ bi mẹ hát, thương thay nào nùng
Tân dịch đại tiểu tiện cùng
Các vật uế trước ung dung lau chùi
Giặt rửa, cha mẹ vẫn vui
Chẳng hề nhòm góm những mùi thối tha
Từ bi thay! Lòng mẹ cha
Ân tày trời đất khó mà đáp xong
Cầu cho cha mẹ thủy đồng
Đắc thành Phật quả, thoát vòng tai ba. (**lạy cha mẹ**) [KX]

Sau khi đọc xong bài kệ xưng tán công ơn cha mẹ (nếu có), tiếp đến một người đại diện trong con cháu tỏ lời sám hối cha mẹ hay ông bà, về những lỗi lầm do thân khẩu ý đã xúc phạm cha mẹ hay ông bà, và xin các vị ấy tha thứ:

Kính thưa cha mẹ (hoặc thưa ông bà), /nếu chúng con do lầm lạc vô minh, /đã gây ra những lỗi lầm, /xúc phạm đến cha mẹ (hay ông bà), /cúi xin cha mẹ (hay ông bà) /xá các lỗi lầm ấy cho chúng con.

Phước báu nào chúng con đã làm, /xin cha mẹ (hay ông bà) /hãy tùy hỷ với chúng con. /
Phước báu nào cha mẹ (hay ông bà) đã làm hôm nay, /xin chia đều đến chúng con.

Kế đó cha mẹ (hay ông bà) tỏ lời hoan hỷ:

Sādhu, Sādhu! Lành thay! /
Cha mẹ (hay ông bà) sẵn lòng tha thứ cho các con, /và cha mẹ mong cho các con /được sự tấn hóa, /sự an vui lâu dài.

Sau khi cha mẹ (hay ông bà) đã tỏ lời hoan hỷ, các con cháu tuần tự dâng tặng lễ phẩm mừng thọ đến cha mẹ ông bà.

Xong nghi thức này, các con cháu mời cha mẹ hay ông bà xoay mặt hướng đối diện chư Tăng và hướng dẫn cha mẹ tự tay cúng dường lễ phẩm đến chư Tăng để cha mẹ tự thân làm phước. Sau đó, con cháu đồng tác bạch thỉnh chư Tăng

Kính bạch chư Đại Đức Tăng, /cầu xin chư Đại Đức Tăng, /tụng kinh cầu an, /cho cha mẹ chúng con, /được sự lợi ích, /sự tấn hóa, /sự an vui lâu dài. /Lần thứ nhì. /Lần thứ ba.

Chư Tăng bắt đầu tụng khóa kinh cầu an, chúc phúc phước báu đến ông bà cha mẹ của thí chủ (có thể thêm nghi thức rảy nước như để ban phúc).

Dứt thời kinh, vị trưởng lão trong chư Tăng sẽ ban đạo từ bằng pháp thoại ngắn, nội dung tán thán sự hiếu hạnh và cách thực hành để đáp công ơn cha mẹ đúng theo tinh thần Phật pháp v.v...

Các người con cháu nghe pháp xong đồng thanh:

Sādhu!Sādhu! Lành thay.

Rồi tất cả cùng đọc bài kinh hồi hướng.

Chư thiên nộ trên hư không

Địa cầu thượng nộ rõ thông mọi điều

v.v...

Do sự phước báu mà chúng con đã trong sạch làm đây, nguyện cầu cho cha mẹ (ông bà) của chúng con hằng được an vui, phúc thọ miên trường. *(đọc 3 lần)*

Đến đây hoàn mãn nghi thức Lễ Chúc Thọ./.

98. TÁC BẠCH DÂNG Y TẮM MƯA (An cư trong 3 tháng hạ)

❀ Namo tassa...

Mayaṃ bhante imāyo vassikasātikāyo¹ idh'ānetvā saṅghassa² dema sādhu bhante saṅgho³ imāyo vassikasātikāyo paṭiggaṇhātu amhākaṃ dīgharattaṃ atthāya hitāya sukhāya. (Dutiyampi. Tatiyampi).

Nghĩa Việt:

Kính bạch chư Đại Đức Tăng, /chúng con xin mang đến đây, /những tắm y tắm mưa này, /xin dâng cúng đến chư Tỳ khưu Tăng. /Lành thay, /kính bạch chư Đại Đức Tăng, /kính mong chư Đại Đức Tăng, /nhận lãnh và thọ dụng, /các y tắm mưa này, /cho chúng con được sự lợi ích, /sự tiến hóa, /sự an vui lâu dài. /Lần thứ nhì. /Lần thứ ba.

Chư Tăng tụng kinh Phúc Chúc xong, các Phật tử cùng đọc lên phần hồi hướng sau đây:

Chúng con xin hồi hướng, /phần phước thanh cao này, /thấu đến tất cả chư Thiên và nhân loại, /cùng các bậc hữu ân của chúng con, /người còn được an vui, mạnh khỏe, /kẻ thác được siêu sanh về nơi nhàn cảnh, /bằng như ở nơi an vui, /thì sự an vui càng tăng tiến thêm. /Lần thứ nhì, /lần thứ ba./

(Phật tử tụng kinh hồi hướng).

¹ Nếu chỉ có một y tắm mưa thì nói “*imaṃ vassikasātikaṃ*”, lá y tắm mưa này.

² Nếu dâng cúng đến 2, 3 vị Tỳ khưu thì nói “*āyasmantānaṃ dema*”, dâng cúng đến quý ngài. ³ Đối với 2, 3 vị Tỳ khưu thì nói “*āyasmantāto ... paṭiggaṇhantu*”, mong quý ngài nhận lãnh. Đối với mọi vị Tỳ khưu thì nói “*āyasmā paṭiggaṇhātu*”, mong ngài thọ lãnh.

99. TÁC BẠCH DÂNG Y KATHINA¹

Mayaṃ Bhante, saṃsāraṇṭṭadukkhato mocanattāya, nibbānassa sacchikaraṇattāya, imaṃ saparivāraṃ kathinacīvaraṃ... (Chùa Pháp Bảo) ārame bhikkhusaṃghassa sakkaccaṃ dema, kathinaṃ attharituṃ.

Sādhu no Bhante, bhikkhusaṃgho imaṃ saparivāraṃ kathinacīvaraṃ paṭiggaṇhātu paṭiggaṇhitvā iminā kathinacīvarena kathinaṃ attharatu, amhākaṃ dīgharattaṃ atthāya hitāya sukkhāya.

Nghĩa Việt: - Kính bạch chư Đại Đức Tăng! /Tất cả chúng con có ý nguyện mong chứng ngộ Niết Bàn, /mong giải thoát khổ trong vòng tử sanh luân hồi, /cho nên chúng con thành kính làm lễ dâng y Kathina, /cùng các thứ vật dụng này, /đến chư Tỳ khuru Tăng đã an cư suốt 3 tháng hạ, /tại ngôi chùa... (Chùa Pháp Bảo), /để chư Tỳ khuru Tăng làm lễ thọ y Kathina./

Kính bạch chư Đại Đức Tăng, /kính xin quý Ngài từ bi thọ lãnh y Kathina, /cùng các lễ phẩm (vật dụng) này, /khi đã thọ nhận xong, /xin các Ngài làm lễ thọ y Kathina, /với tấm y này, /để cho tất cả chúng con được sự lợi ích, /sự tấn hóa, /sự an vui lâu dài. /Lần thứ nhì, /Lần thứ ba. /

Sau đó, Phật tử cùng tác bạch dâng Y Kathina và tứ sự:

Imaṃ bhante saparivāraṃ kathinacīvaradussaṃ bhikkhusaṃghassa onojayāma. Sādhu no bhante bhikkhusaṃgho imaṃ saparivāraṃ kathinacīvaradussaṃ paṭiggaṇhātu paṭiggaṇhetvā ca iminā dussena kathinaṃ attharatu amhākaṃ dīgharattaṃ atthāya hitāya sukhāya. Dutiyampi... Tatiyampi...

Nghĩa Việt: Kính bạch chư Đại Đức Tăng, /chúng con xin thành kính, /dâng y Kathina này, /cùng với những vật phụ tùy này, /đến chư Tỳ khuru Tăng; /cầu xin chư Tỳ khuru Tăng, /nhận lãnh và thọ dụng y Kathina này, /cùng với những vật phụ tùy này, /cho chúng con được sự tấn hóa, /sự lợi ích, /sự an vui lâu dài. /Do theo phước báu, /chảy vào không dứt. /Lần thứ nhì, /lần thứ ba. /

Người hướng dẫn có thể tiếp tục tác bạch trai tăng, cầu an và cầu siêu. Sau đó, chư Tăng tụng kinh và Phật tử hồi hướng - hoàn mãn.

¹ Giảng Bậc Xuất Gia, Nghi Thức Dâng Y Kathina, Tỳ khuru Hộ Pháp.

100. KỆ TÁN THÁN ĐẠI LỄ DÂNG Y KATHINA

Ca sa oai đức chi bằng
Sắc vàng thanh bạch của hàng Sa
Môn Noi gương từ phụ Thế Tôn
Hoằng khai Giáo Pháp tám muôn bốn ngàn

**Xin chư Thiên và nhân loại hoan hỷ thọ lãnh phước báu đại lễ
Dâng Y Kathina của chúng con đã làm trong ngày hôm nay!**

Sādhū! Sādhū! Lành thay!

Ngày nay Thiện tín các hàng
Ca sa đại lễ nghiêm trang cử
hành Dâng y với tấm lòng thành
Ba vòng nhiều Phật đồng thanh nguyện cầu

**Xin chư Thiên và nhân loại hoan hỷ thọ lãnh phước báu đại lễ
Dâng Y Kathina của chúng con đã làm trong ngày hôm nay!**

Sādhū! Sādhū! Lành thay!

Chư Tăng hoan hỷ lãnh thọ
Căn lành gieo giống để hầu mai
sau Nguyên mau thoát khỏi trần
lao

Tu hành tinh tấn tiêu dao đạo mầu

**Xin chư Thiên và nhân loại hoan hỷ thọ lãnh phước báu đại lễ
Dâng Y Kathina của chúng con đã làm trong ngày hôm nay!**

Sādhū! Sādhū! Lành thay!

Chúc cho Phật Pháp bền lâu
Thấm nhuần trăm họ năm châu thanh
hành Chúc cho cả thấy chúng sanh,
Hồi đầu hướng thiện tâm thành quy y

**Xin chư Thiên và nhân loại hoan hỷ thọ lãnh phước báu đại lễ
Dâng Y Kathina của chúng con đã làm trong ngày hôm nay!**

Sādhū! Sādhū! Lành thay!

Noi theo gương đấng Từ bi,
Xuất gia hành đạo mang y ngồi
kề Tu tâm dưỡng tánh mọi bề,
Tham sân đoạn tuyệt Bồ Đề đến nơi./.

**Xin chư Thiên và nhân loại hoan hỷ thọ lãnh phước báu đại lễ
Dâng Y Kathina của chúng con đã làm trong ngày hôm nay!**

Sādhū! Sādhū! Lành thay!

101. NGHI THỨC DÂNG HOA

Trước tiên đoàn thiếu nhi dâng hoa tiến về Phật điện, đi vào bên trong, hướng về nơi chư Tăng đang ngồi; sau khi lễ bái Tam Bảo 3 lạy, và kê lên những bài như sau:

❀ **Namo tassa Bhagavato... (3x)**

Yo sannisinno varabodhimūle...

Aṭṭhaṅgikāriyapatho janānaṃ...

Saṅgho visuddho varadakkhineyyo...

Pūjemi Buddhamaṃ... (đọc luôn phần tiếng Việt)

Ākāsaṭṭhā ca bhummaṭṭhā...

(Idaṃ no [vo] ñātinamaṃ hotu...) (3x)

101. PUPPHAPŪJĀ-GĀTHĀ

*Vaṇṇagandhaguṇopetaṃ, ~ etaṃ kusumasantatiṃ
Pūjayāmi munindassa, ~ sirīpādasaroruhe.*

1. **Pūjemi Buddhamaṃ kusumenanena
Puññaṇa me tena ca hotu mokkhaṃ
Pupphaṃ milāyāti yathā idaṃ me
Kāyo tathā yāti vināsabhāvaṃ.**
2. **Pūjemi Dhammaṃ kusumenanena
Puññaṇa me tena ca hotu mokkhaṃ
Pupphaṃ milāyāti yathā idaṃ me
Kāyo tathā yāti vināsabhāvaṃ.**
3. **Pūjemi Saṅghaṃ kusumenanena
Puññaṇa me tena ca hotu mokkhaṃ
Pupphaṃ milāyāti yathā idaṃ me
Kāyo tathā yāti vināsabhāvaṃ.**

101. KỆ DÂNG HOA (dài)

1. Chúng con xin cúng dường “Phật Bảo”,
Bao cảnh hoa toàn hảo hiển dâng.
Cầu mong thoát chốn mê trần,
Niết Bàn chóng đến hầu gần Thế Tôn.
Hoa này sẽ bất tòn dương cảnh,
Ủ rũ dần hình ảnh còn chi,
Chúng con phải chịu thế ni!
Xác thân ngũ uẩn chuyển di bất thường!
2. Chúng con xin cúng dường “Pháp Bảo”,
3. Bao cảnh hoa toàn hảo hiển dâng.
Cầu mong thoát chốn mê trần,
Niết Bàn chóng đến hầu gần Thế Tôn.
Hoa này sẽ bất tòn dương cảnh,
Ủ rũ dần hình ảnh còn chi,
Chúng con phải chịu thế ni!
Xác thân ngũ uẩn chuyển di bất thường!
4. Chúng con xin cúng dường “Tăng Bảo”,
Bao cảnh hoa toàn hảo hiển dâng.
Cầu mong thoát chốn mê trần,
Niết Bàn chóng đến hầu gần Thế Tôn.
Hoa này sẽ bất tòn dương cảnh,
Ủ rũ dần hình ảnh còn chi,
Chúng con phải chịu thế ni!
Xác thân ngũ uẩn chuyển di bất thường!

KỆ DÂNG HOA (ngắn)

1. Dâng hoa cúng đến Phật-đà^(Buddha),
Nguyện mau giải thoát sanh già khổ
đau. Hoa tươi nhưng sẽ úa sầu,
Tắm thân tứ đại khỏi sao điều tàn.
2. Dâng hoa cúng đến Đạt-ma^(Dhamma),
Nguyện mau giải thoát sanh già khổ
đau. Hoa tươi nhưng sẽ úa sầu,
Tắm thân tứ đại khỏi sao điều tàn.
3. Dâng hoa cúng đến Tăng-già^(Saṅgha),
Nguyện mau giải thoát sanh già khổ
đau. Hoa tươi nhưng sẽ úa sầu,
Tắm thân tứ đại khỏi sao điều tàn.

102. SÁM HỐI TỘI - ĀPATTIYO

VỊ NHỎ HẠ SÁM HỐI:

Nhỏ hạ: **Ahaṃ bhante sabbā āpattiyo āvikaromi.**

Thưa bhante, con xin trình rõ tất cả các tội āpatti. Lớn hạ: **Sādhū āvuso, sādhū!** Lành thay, āvuso lành thay!

Nhỏ hạ: **Ahaṃ bhante sambahulā nānāvatthukā sabbā āpattiyo āpajjīṃ tā tumha mūle paṭidesemi.**

Thưa bhante, con đã phạm tất cả tội āpatti với nhiều điều học khác nhau. Con xin sám hối đến bhante tất cả tội āpatti ấy.

Lớn hạ: **Passasi āvuso tā āpattiyo.**

Này āvuso, có thấy rõ các tội āpatti ấy.

Nhỏ hạ: **Āma bhante passāmi.**

Dạ vâng, thưa bhante, con thấy rõ các tội āpatti ấy.

Lớn hạ: **Āyatiṃ āvuso saṃvareyyāsi.**

Này āvuso, từ nay về sau, āvuso hãy nên thu thúc cho được trong sạch, đừng để tái phạm.

Nhỏ hạ: **Sādhū suṭṭhu bhante saṃvarissāmi.**

Lành thay, thưa bhante, con sẽ cố gắng thu thúc cho được trong sạch.

Lớn hạ: **Sādhū āvuso, sādhū!** Lành thay, āvuso lành thay!

VỊ LỚN SÁM HỐI:

Lớn hạ: **Ahaṃ āvuso sabbā āpattiyo āvikaromi.**

Này āvuso, tôi xin trình rõ tất cả tội āpatti.

Nhỏ hạ: **Sādhū bhante, sādhū!** Lành thay, bhante lành thay!

Lớn hạ: **Ahaṃ āvuso sambahulā nānāvatthukā sabbā āpattiyo āpajjīṃ tā tumha mūle paṭidesemi.**

Này āvuso, tôi đã phạm tất cả tội āpatti với nhiều điều học

khác nhau. Tôi xin sám hối đến āvuso tất cả tội āpatti ấy.

Nhỏ hạ: **Passatha bhante tā āpattiyo.**

Thưa bhante, bhante có thấy rõ các tội āpatti ấy.

Lớn hạ: **Āma āvuso passāmi.**

Này āvuso, vâng, tôi thấy rõ các tội āpatti ấy.

Nhỏ hạ: **Āyatiṃ bhante saṃvareyyātha.**

Thưa bhante, từ nay về sau, xin bhante hãy nên thu thúc cho được trong sạch, đừng để tái phạm.

Lớn hạ: **Sādhū suṭṭhu āvuso saṃvarissāmi.**

Lành thay, āvuso, tôi sẽ cố gắng thu thúc cho được trong sạch.

Nhỏ hạ: **Sādhū bhante, sādhū!** Lành thay, thưa bhante lành thay!

102. THƠ LỤC BÁT KHUYẾN TU

(T.T. GIỚI ĐỨC, HK, HUẾ)

✿ MƯỜI HAI VUI

Một vui đọc sách xem kinh,
Hai vui không nói chuyện mình chuyện ta,
Ba vui giản dị từ hòa,
Bốn vui huynh đệ một nhà kính thương,
Năm vui sạch đẹp sân vườn,
Sáu vui công việc lệ thường trước sau,
Bảy vui học lý đạo mầu,
Tám vui xa lánh bạn bầu huyên thuyên, C
hín vui cơm áo cửa thiền,
Mười vui giấc ngủ vô phiền vô lo,
Mười một vui nghĩa thầy trò,
Mười hai hoa nở câu thơ nụ cười.

✿ MƯỜI HAI HƯ

Một hư nghĩ đến mình nhiều,
Hai hư công việc bỏ liều bốn bên,
Ba hư chàm chọc xỏ xiên,
Bốn hư lắc cắc vô duyên nói cười,
Năm hư phù phiếm chuyện người,
Sáu hư chẳng học biếng lười thành quen,
Bảy hư hao phí dầu đèn,
Tám hư xài ấu bạc tiền áo cơm,
Chín hư tục tũu cộc cằn,
Mười hư họp bạn lang bang đêm ngày,
Mười một rảnh óc rảnh tay,
Mười hai vọng tưởng non này núi kia.

❁ NỘI QUY RỪNG THIỀN

Là người lịch sự văn minh

Giữ gìn chút cảnh chút tình sau đây:

Không nên đốn củi, chặt cây.

Không nên nhóm lửa lan lây cháy rừng,

Không nên xả rác lung tung,

Không nên câu cá, cũng đừng bẻ hoa,

Không nên đánh, chửi, hét, la,

Không nên bia rượu, hát ca rầm trời,

Không nên thú bắn, chim mồi,

Không nên hút hít dầu chơi mấy vại,

Không nên cờ bạc, con bài,

Không nên đập ghế, quăng chai bụi bờ,

Để còn chút mộng, chút mơ,

Để còn nét chữ câu thơ rừng thiền./.

SÁCH THAM KHẢO

❁ KINH SÁCH TIẾNG VIỆT:

1. **Majjhimanikāya (Trung Bộ Kinh) III**, HT. Minh Châu dịch Việt, Viện Đại Học Vạn Hạnh, 1975.
2. **Tiểu Bộ Kinh (Khuddhakanikāya)**, Kinh Tập (Suttanipāta), Hòa thượng Minh Châu dịch Việt
3. **Nhật Hành Của Người Tại Gia Tu Phật**, Bhikkhu Vamsarakkhita - Tỳ khuru Hộ Tông, PL. 2514, DL. 1970.
4. **Kinh Tụng Chư Tăng**, Dịch giả Tịnh Tâm (Hòa Thượng Hộ Tông), NXB Tp. Hồ Chí Minh, PL. 2544, DL. 2000.
5. **Kinh Nhật Tụng**, (PG. Nguyễn Thủy, Theravāda), Thành hội Phật Giáo TP. Hồ Chí Minh ấn hành.
6. **Kinh Tụng**, Dịch giả Tịnh Tâm (Đại Đức Hộ Tông), NXB Tôn Giáo, 2005.
7. **Sách Học Kinh Tụng Pāli**, HT. Viên Minh, chùa Huyền Không, Lưu hành nội bộ, năm 1995-1997.
8. **Kinh Tụng** (Tiếng Việt - Huyền Không, Huế), Lưu hành nội bộ, 2011.
9. **Kinh Tụng Nhật Hành Pāli-Việt**, NXB Tôn Giáo, 2011.
10. **Kinh Nhật Tụng** (Pāli – Việt) (Tài liệu), Pa-Auk Thiền Lâm Viện, Tỳ khuru Nguyên Tuệ, ~ 2006.
11. **Kinh Tụng Pāli** (Sách học dành cho cư sĩ Phật tử), biên soạn Tỳ khuru Viên Minh, biên tập: Phật Học Viện Huyền Không, (không rõ năm).
12. **Parittapāli – Kinh Hộ Trì** (Bản tụng đọc), Tỳ khuru Đức Hiền soạn dịch, NXB Tôn Giáo, 2011.
13. **Dhammapada – Kinh Pháp Cú** (Phân tích từ ngữ Pāli), biên soạn Tỳ khuru Đức Hiền, NXB Tôn Giáo, 2009.
14. **Bài Pháp Dhāraṇaparitta – Pháp Hộ Trì Người Trì Pháp**, Tỳ khuru Hộ Pháp, NXB Tôn Giáo, 2011.
15. **Gương Bậc Xuất Gia** (Anagāriyūdāharana), Dhammarakkhita Bhikkhu (Tỳ khuru Hộ Pháp).
16. **Cư Sĩ Giới Pháp**, biên soạn Tỳ khuru Giác Giới (Bodhisīla Bhikkhu), Chương IV, Các Nghi Thức Khóa Lễ, PL. 2550 - TL. 2006.
17. **Kinh Nhật Tụng** (Rừng Thiền Pa Auk), Soạn dịch Tu nữ Suttu Paṭividdhā, Lưu hành nội bộ, năm...?
18. **Kinh Tụng Phật Giáo Nguyên Thủy**, Chủ biên Tỳ khuru Siêu Minh, NXB Tổng Hợp Hồ Chí Minh, 2013.

❁ KINH SÁCH TIẾNG ANH:

1. **Buddhist Pāli Recitals**, Jointly compiled by Ven. Sri Weragoda Sarada Nāyaka Thero, Rev. Weragoda Sunanda, Sita Woon Chee, Ang Lian Swee, Sita; Edited by Prof. Chandima Wijebandara, 2007 (Expanded Edition).
2. **A Bhikkhu's Comprehensive Handbook** (Pāli with Chinese & English Translation), Compiled and Edited by Dhammajāta.
3. **PŪJĀ – Thai Tradition Chanting**, Sungei Puyu Chanting Group, Wat Bodhicharoenantham, Sungei Puyu, Butterworth, Malaysia, year 2001.
4. **Dhammādayāda Chanting Book**, Published by Wat Phra Dhammakāya, 23/2 Moo 7., Khlong Luang, Patumthani 12120, Thailand, 1999

KINH TỤNG HẰNG NGÀY
TUETAM MEDITATION VIHARA



Website: www.tuetam.info
Facebook: Tuệ Tâm Thiền Thư Quán
Youtube: Đạo Phật Vào Đời
Email: tuetamthienthuquan@yahoo.com

May all who hear, understand, and correctly practice the Buddha's teachings be liberated from suffering. May the merits from this work be dedicated to the liberation of all beings.

Nguyện cầu những ai có cơ duyên lắng nghe, thấu hiểu và thực hành đúng lời dạy của Đức Phật sẽ thoát khỏi khổ đau trong kiếp sống phù du này. Mọi công đức được vun bồi từ công việc này xin hồi hướng cho sự giải thoát khỏi vòng luân hồi sinh tử.